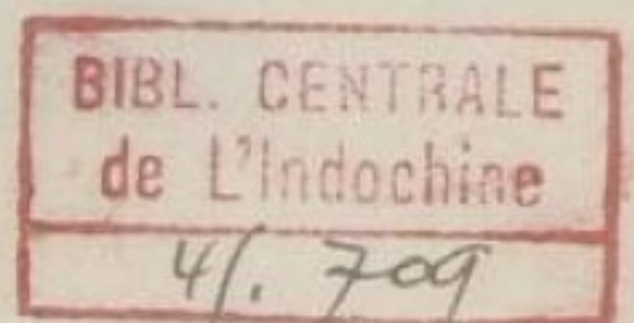


LỊCH SỬ



U S Á U

(1825-1899)



IMPRIMERIE DE QUINHON
QUINHON (ANNAM)

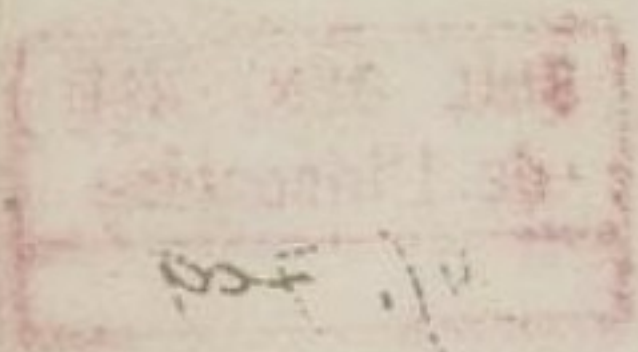
I

M. 62/1 (19)

LỊCH SỬ CỤ SÁU

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM



T U A

Quyển « Lịch sử Cụ Sáu » đây là do công sưu tập mà làm nên. Tác-giả góp nhặt lời các kẻ tiền nhưn đồng thời với Cụ, hoặc ghi chép chỗ nọ chỗ kia, hoặc truyền khẩu đời này sang đời khác, biên ra thành chương thành đoạn, mà làm một quyển sách cho dễ coi, dễ đọc. Tác-giả chẳng dám tự phụ rằng : những điều góp nhặt ấy là đúng với sự thật mọi đàng, và gồm đủ tích hạnh của Linh mục đại danh.

Vậy xin độc-giả thấy đều gì hoặc không xác thật, hoặc khuyết điểm đàng nào, hãy lấy lòng chung chỉ giáo cho, hầu bổ khuyết và sửa lại cho hoàn toàn khi xuất bản lần thứ hai.

Lại tác-giả cũng xin biết rằng : tác-giả đây không có ý cao rao Cụ Sáu là một vị Hiền thánh, một xin cúi đầu vâng phục các điều Hội-thánh phán đoán mà thôi.

Imprimatur

J. LABIAUSSE

PROV. APOST.

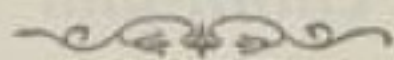
Quinhon die 6 Octobris 1930.



Cụ Sáu

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

Mấy lời lược tóm.



Cuối thế kỷ 19 ở Bắc-kỳ xuất hiện ra được một vị Linh-mục bản quốc trứ danh, làm vẻ vang Giáo hội Việt-nam và lập công vĩ-đại với đời, qui hiệu ngài là Phêrô Trần-Lục, tục xưng là Cụ Sáu. Đây xin lược biên tiểu sử của ngài, rồi sau sẽ tả diễn ra từng việc cho kỹ hơn.

Nguyên quán ngài thuộc Thanh-hoá lĩnh, tri-đức cao nghi học Latinh tại Vĩnh-trị, rồi làm giáo sư luôn đó. Khởi ít lâu ngài học khoa Giáo lý và chịu chức thầy Sáu. (Đó tức là tiêu biểu đạo hiệu của ngài vậy). Hồi ấy Giáo hội Bắc-kỳ nổi cơn phong ba triệt giáo. Tự đó ngài cùng với Đức Giám-mục Jean-tet (Đức Cha Khiêm), hai cha con khi núp bóng rừng cây, lúc ẩn núp hang sâu núi hẻm, có khi rì ngu ở mấy làng hẻo lánh ngoài đồng. Một hôm cha con đã hòng phải bắt, khôn nổi thoát thân, Cụ bèn thi mưu xảo kế, quyết ra nộp mình hoạ may mà cứu được Đức Cha. Cái kế đã trung mà lại dững. Ngài phải bắt đóng gông, thừa cơ hội đó mà Đức Cha lầu thoát được. Cụ phải tổng giam và xưng đạo trước toà án Hà-nội một cách can tràng mạnh mẽ, rồi phải phát lưu lên Lạng-son. Quãng thì giờ đó ngài liệu cách khôn khéo mà chịu chức Linh-mục cho dễ coi sóc các giáo hữu ở nơi lưu đày.

Giông tố rồi mà được thái bình, tha đạo đoạn mà Cụ được về xử sở, được cử làm chánh Linh-mục Phát-diệm trước sau

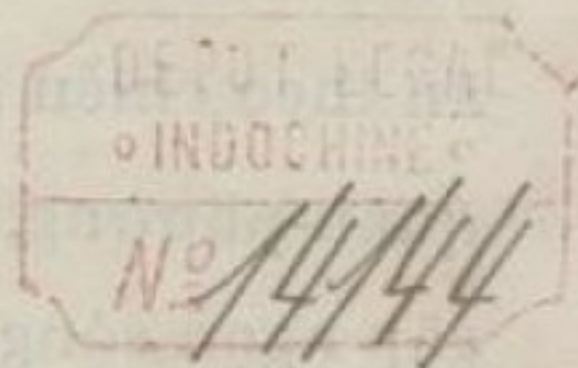
trải 34 năm, tổ chức nên một sở đạo đường thật to, kiến trúc một tòa thánh đường rộng rãi nguy nga tưởng có một. Những công việc ngài giúp cho chính-phủ Pháp-Nam rất là nhiều, đây chưa thể kể ra được. Các quan chức tây nam nhớn nhỏ nhiều lần tiếp nhận ý kiến ngài, chính Đức Dực-Tôn (tức Tự-Đức) là tay bách hại Công-giáo đệ nhất, thấy những công việc hiền hách Cụ giúp đồng-bào, cũng phải đem lòng thù phục. Đức Đồng-Khánh cử Cụ làm Khâm-sai trấn an. Các quan binh Pháp như quan Yoffre và quan Lyautey trước kia cũng đã tới Phát-diệm giao thân với Cụ. Chánh-phủ Bảo hộ thưởng Cụ ngũ đẳng bắc đầu bội tinh (Chevalier d'honneur), Đức Thành-Thái đem Cụ lên Lễ bộ Thượng-thư-hàm. Ngài tạ thể vào tháng Juillet 1899. Lễ an táng có tới 40.000 người đến dự. Mấy năm gần đây Đức Khải-định lại mới truy tặng Ngài : « Phát-diệm Nam-Tước ». Đó là tóm lược mấy điều đại-cương, bây giờ xin lần lược thuật lại cho tường.



7
LỊCH SỬ

CỤ SÁU

(1825-1899)



ĐOẠN THỨ NHỨT

LỊCH SỬ CỤ SÁU HỒI CÒN NIÊN THIẾU.

Thánh đường chính toà Phát-diệm là một pho kiệt tác trong nghề kiến trúc do tay cụ Sáu mà gây nên vậy.

Độc giả hãy tạm dừng chân hoãn cuộc quan sát Thánh đường, ta cùng với nhau dạo chơi một nơi thôn quê kia.

Về hướng nam trước Thánh đường đi xuống vài và đặc, chắn ngang một con đường quan lộ, rải đá phân miêng. Quay sang phía đông mấy chiếc ô-tô chở hành khách chật ních, sắp chạy trên con đường ngoài 27 cây số (kilomètres) tức là con đường giao thông Phát-diệm với tỉnh lỵ Ninh-bình, có theo con đường đó thời phải lên xe hoả đi ga Bỉm-sơn, rồi tháo bộ độ bốn năm giờ sẽ tới nơi, song vì đường dài tốn xu; thôi, sẵn xe kéo, ta cho 15 xu bảo kéo sang phía tây, đến một cầu xi-măng (ciment) bắc trên con sông cũng khá to, tức là sông Tòng-chính là nơi mà địa giới Trung-Bắc lưỡng kỳ giáp nhau.

Lấy còn thuyền nho nhỏ theo đường bắc chèo lên, hai bên tả hữu lở nhố mấy trăm ngọn núi chạy dài, rải rắc mấy làng

nhỏ nhỏ, còn toàn là những cánh đồng cỏ xanh ngóe ngách
ăn theo chiều núi. Chèo độ ba bốn giờ, tới một làng gọi là Mỹ-
quan-phường, tục danh là Kẽ-khan ; như có chèo lên mãi thì
gặp ngọn sông Mã từ trên đổ xuống.

Mỹ-quan phần đời thuộc Thanh-hoá tỉnh, Nga-sơn huyện,
Cao-vĩnh tổng, phần đạo thuộc xứ Ra-kiêu (Kẽ-rừa) địa phận
Phát-diệm. Phong cảnh trong làng không có bề thế chi suất
sắc, nhà tranh vách đất, sinh nhai một cách hẹp hòi, củi rừng
nước sông, lác đác mấy đoàn dê. Dân cư ăn vận toàn lối nhà
quê, quần nâu áo cộc, thế mà cái danh tiếng vang đến Triều-
đình, khiến cho nhà Vua ban bố nghị định cải tên Mỹ-quan-
phường đặt làm Đạo-đức thôn, duyên cớ đó là tự năm 1825,
có một trẻ nhỏ ra đời trong đất ấy, trẻ đó tức là sự Sáu vậy.

Ông thân sinh ra cụ tên là Trần-văn-Nhu, bản quán tỉnh
Nam-định, còn bà thuộc Ninh-bình tỉnh. Từ khi hai bên cùng
nhau kết tóc xe tơ, đi vào đất Mỹ-quan tìm kế sinh nhai.

Đường lý tài hai ông bà lần hồi vậy thôi, nhưng đường
đạo đức, thời chân thật kính Chúa ái nhân. Ông trên ủng-hộ,
hai ông bà sinh hạ năm trai hai gái. Cậu cả tên là Khánh, không
mày mất sớm ; cậu thứ ba tên là Pháp phải bắt vì đạo và chết
rũ tù ; cậu thứ bốn là Túy cũng mất trong thời kỳ đó, còn sót
cậu Nguyên ở lại, sau làm phó tổng. Cụ Sáu là con thứ hai,
khi rửa tội, cha sở đặt tên thánh là Phêrô, còn tên gọi là
Hữu.

Ông Nhu thấy Phêrô là một trẻ dĩnh-ngộ, lại có tính hiếu
học, thời định cho con theo nghề nghiên bút, bất hạnh cậu

Khánh sớm về quê trời, ngặt vì gia-đạo lắm bề quần bách, thành thử Phêrô phải ở nhà giúp đỡ mẹ cha. Ông Nhu chuyên nghề ngư phủ, ông chống chọi với vận mệnh cũng lắm phen vất vả. Gió núi giang sông là cái thú riêng của ông bấy nay, cũng không thể làm cho ông khuấy được cái cảnh gia-đình trong lúc nguy biến. Ông thời già yếu, bà cụ lại hay đau, đứa khôn đã chẳng còn, đứa dại thời chưa cắt nhắc được công việc nhà, thành thử trong gia-đình rối như canh hẹ.

Phêrô có một bà dì ở Quảng-công (Quảng-công tức là quê ngoại) bà là người hảo tâm, lại cửa nhà bà có phần linh lợi, thấy các cháu nhà nghèo miệng đồng, không lấy gì cấp sách theo học, bèn tình nguyện rước về nhà nuôi cho đi học. Bà cứ lần lượt, ba năm rước một cháu, hết đứa nọ lại tiếp đứa kia. Hồi Phêrô lên 11 tuổi, cũng được cái hân hạnh bước vào sân Trình cửa Khổng. Học đương phấn chấn, rủi thay ! cụ ông cụ bà gia bản thân bệnh, việc gia-đình vô phương chấp-chánh, nên Phêrô phải gián việc học về nhà đỡ dần mẹ cha, công việc hễ khuyết đâu thời Phêrô lại phải nhận đó ; lúc cha yếu đau không vó câu được, phải đi thay ; khi mẹ vương trở việc sản dục không chợ búa, lại phải đi đỡ. Hết mọi công kia việc nọ thường thường trong nhà, như thồi cơm nấu nước, gà heo em ún, nhất nhất là do một tay Phêrô xem sóc hết cả. Tuy quần-bách trăm bề, nhưng cũng biết lợi dụng những lúc rảnh việc rồi giờ, đề ôn lại các lời giáo-huấn, xem lại các sách vở trong trường cùng học thêm sách mới. Phêrô trí nhớ thực như nhựa, mà trí hiểu sáng ví bằng đèn, cho nên dầu không sẵn

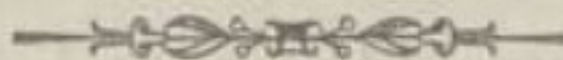
thầy chỉ giáo, nhưng cứ nhần học mò, thế mà sau đã nổi tiếng là một nhà danh nho yêm bác đấy.

Đông qua xuân lại, nhật nguyệt thoi đưa, thắm thoát chưa bao mà các em Phêrô nay đã trưởng thành, có thể cất nhắc đỡ dẫn công việc gia-thất. Phêrô nghĩ mình có ở nhà tưởng không cần chi cho lắm, ý muốn theo đòi gương các nhà ẩn-tu, thời định ly tục, vào rừng xa núi lạ cho dễ bề tu thân tích đức. Nhưng ý Chúa nhiệm mầu, muốn cầm Phêrô ở lại, sau ủy thác cho một việc cả thề.

Xa làng Mỹ-quan không mấy, có một xứ gọi là Bạch-bát cha chính bấy giờ tức là cha Tiểu. Ngài thấy Phêrô lòng đạo sốt sắng, tính nết hoà nhã, trí khôn tinh sáng, mặt mũi khôi-ngô, thì đem lòng mến yêu, gọi ông Nhu đến bảo phải cho Phêrô vào học trường nhà xứ, sau sẽ gởi đi học trường Latinh Vĩnh-trị. Hồi đó Phêrô tuổi đã 15, các em thấy đều khôn lớn, nên hai ông bằng lòng vâng lệnh cha truyền.

Phêrô ở nhà trường Bạch-bát, chưa đầy một tuần, mà giúp lễ đã thông thạo. Người ham mộ sách vở, dù những ngày nguyên đán lễ rằm, những lúc bận việc nấu nướng, mà không hề rời con sách. Người có thói quen mỗi ngày học thuộc lòng ba bài Latinh, học đã chăm, trí khôn lại sáng, còn ai địch nổi. Buổi kia cha đốc đến khám trường Bạch-bát, các học sinh thấy đều đến khảo bạch. Đến lượt Phêrô, những vấn đề mà học bách khó hiểu, thời đáp luôn một cách trơn tru đúng mọ. Cha đốc ngạc-nhiên ban khen và giảng thuyết một bài, khuyến khích các học sinh theo đòi bất chước. Cỗ truyền

rằng : một buổi có quan lớn kia, tướng xem có tài, mạch lạc thông minh, tới qua Bạch-bát, thấy trong học đường có một trò diện mạo tao nhã, học hành chăm chỉ. Ông lựa cái lúc trò yên giấc, cầm tay coi mạch. Lúc ra thời nói với cha Tiểu rằng : « Cha được một trò trí-tuệ hơn người, trông mai sau sẽ nên một người có giá trị trong nước. » Trò mà được cái hi vọng tương lai to tát đó tức là Phêrô vậy.



ĐOẠN THỨ HAI

PHÊRÔ VÀO TRƯỜNG LATINH VĨNH-TRỊ,
RỒI LÀM GIÁO HỌC.



Hồi năm 1845 Phêrô bước lên đường, đầu đội nón giửa, tay cắp khăn gói đồ, trong được một cái áo cánh vải to, một chiếc áo thâm cùng với một quan tám tiền, bước vào trường Latinh Vĩnh-trị, lúc đó tuổi chẵn hai mươi.

Vĩnh-trị ở về phía nam Ninh-bình, từ tỉnh lỵ cứ bờ sông đi xuống độ mười cây số, thời đến đất Kẻ-vĩnh. Lịch sử còn truyền rằng : Vĩnh-trị xưa kia là kinh đô địa-phận Tây, những cung điện lớn cùng những học đường to đều thiết lập ở đó, do những bậc thông minh xuất chúng làm chủ trương.

Năm 1719 trường Vĩnh-trị được cha Louis Néez làm quản-chưởng. Người sang Bắc-kỳ giảng đạo năm 1715 suốt đời

nhiệt thành tổ chức cho được nhiều thầy cả bản quốc. Sau Toà thánh đặt người làm Giám-mục địa phận Tây Đàng-ngoài. Sử ký quen xưng người là Đức-cha Lui. Người cầm lái địa-phận đủ 41 năm trời (1723-1764). Năm 1764 người tạ thế.

Tiếp theo có cha Reydellet nổi nghiệp Đức Cha Néez làm bề trên trường Vĩnh-trị, rồi thăng chức Giám-mục. Người lập trường Lý-đoán và dinh Giám-mục ngay gần trường Latinh, như thế thời đủ chứng rằng : Vĩnh-trị xưa kia là giáo-đồ cả địa-phận Tây vậy. Người tạ thế năm 1780. Năm 1833 cấm đạo riết quá nên phải đem trường Lý-đoán sang Kẻ-non ; còn trường Latinh, lớp để lại ở Vĩnh, lớp đưa sang xã khác như Hoàng-nguyên, Ban-phét, Long-soãn và mấy nơi nữa. Phải đề phòng như vậy, bất hạnh mà vua quan đột ngột đến bắt, thời không đến nổi chết giùm giùm với nhau, lại hoặc ai lanh chân tẩu được, thời còn có nơi mà học tập.

Vua Minh-mạng lên ngôi năm 1820, đến năm 1841 là cùng đời vua. Ngài xoi phải đưa các đức tiên đế, nhất thiết tiêu diệt cho tuyệt cái nòi giống Công-giáo. Ngài xuất công thi hành từ năm 1833. Các Tây Nam linh mục phải tử hình, bốn đạo phải ngồi ngục, thánh đường học đường đều phải đốt phá.

Phêrô sinh trưởng vào những thời kỳ như thế, thực là cũng gian truân lắm lắm. Khi đến nhà trường, bề trên thấy người thiên tư minh đạt, thì cho ngồi ngay lớp tư, từ đó đổi tên Hữu nhận tên Triêm. Nhà trường là nơi rừng nho biển thánh, là chỗ đua tài thi đức, Phêrô Triêm như cá gặp nước, như thuyền được gió, trách nào mà chả siêu quần bạt chúng.

Tuy học lớp tư, những văn bài lớp trên thấy điều am tường hiểu cả. Anh em đồng song coi như thầy, mà những bạn lớp trên kính hầu bằng ông Đốc ; những vấn đề khó khăn cùng những câu sách ngắt nghéo, đều vác sách đến xin Triêm giải hộ cho. Người hỏi ngày ngày thêm đông, mà thời giờ trong trường lại ít ỏi, nên nhiều lần phải chờ đến ngày chơi, mới giải hết lượt.

Việc mà cậu Triêm đề tâm hơn cả là lo giùi mài nhân đức cùng thao luyện tinh thần. Trước kia đã rắp trí ẩn-tu, nhưng ý Chúa không định, thời nay quyết tìm phương lộ khuyết. Luật phép trong trường, bất luận trọng hèn, hăng ân cần noi giữ. Ra sức ở hiền lành khiêm nhường, nhưng có đức khó khăn thời hay hăm mộ cách riêng. Đồ đạc trong phòng là một khăn gói cùng đôi ba cái quần áo vải to. Nhà chung có cho thêm cái chi, hay các cha có bạn đồng nào, thời để dành cùng cấp cho chúng bạn nhà nghèo. Thắt lưng là một cái giây nhỏ, thế mà suốt từ khi tựu trường mãi đến hồi 6 chức cùng khi đi dày về, hầy còn y nguyên. Các ông đời nay tưởng nên lấy đó làm gương.

Thời kỳ đó làm việc xác cũng là một khoản khăn yếu trong chương trình các trường. Các việc như cuốc vườn thồi bếp, như cắt rạ gánh rơm, thời cậu Triêm rất là ham thích. Người lại luyện tập thể thao, nên đến lúc gặp cơ hội phải đem ra ứng dụng, mới thấy cậu Triêm thực là một tay văn võ kiêm toàn vậy.

Cậu Triêm học ở Vĩnh bốn năm, rồi phải bỏ mà sang học

Hoàng-nguyên. Đã 4 năm trời, anh em cùng nhau đoàn tụ vui vẻ, ăn ngủ cùng nhà, chơi chung một sân, học chung một bài, đến lúc phải kẻ bắc người nam, tự khắc sinh lòng cảm động nhớ thương.

Năm 1850, thầy Triêm được mãn khoá. Theo phổ luật ai đã mãn trường còn phải đi giúp ngoài một năm, có thanh thoả ra Bề-trên mới cấp bằng thầy giảng cho. Phần thầy Triêm được ơn đặc biệt, không phải bó buộc dưới cái luật đó. Đức Cha Liêu (Retord) thấy người hạnh kiểm tốt, học hành suất chúng, thời phát bằng ngay, đoạn cứ đi làm giáo-sư Vĩnh-trị.

Nói đến Đức Cha Liêu, lòng sinh sâu phát thương. Ngài chọn khẩu hiệu: « Fac me cruce inebriari » = Xin cho tôi được say mê thánh Giá Chúa. Mà nghiệm thay ! Suốt thời kì ngài chủ trương địa-phận, chỉ gặp những cơn bi đát sâu khổ. Minh-mạng, Thiệu-trị, Tự-đức, toàn là những vua bách hại Công-giáo đệ nhất, một hai chỉ muốn tiêu diệt ngay đi, máu con chiên như nguồn nước chảy, từ bề những linh mục Tây Nam nằm chết nhan nhản. Cố thánh Ven (Vénard), cụ thánh Tịnh, cụ thánh Hưởng và nhiều đấng khác đều tử đạo trong thời kì đó hết. Đức Cha hằng khát khao ơn phúc ấy, song rủi không được.

Năm 1858, quân quan tầm nã riết lắm, trước người còn ẩn trốn quanh quần các nơi thôn, sau cùng thế phải rút vào rừng cây bên trên Đồng-bầu. Ở đấy thiếu thốn mọi sự, khí độc nước nặng, sốt rét đi lị, trong lòng thương nhớ con chiên ngày ngày ngồi trên núi đá, đem mắt nhìn coi, lòng ruột xót

xa, nước mắt tuôn rơi. Dần dần sức vóc hao mòn, nên ngày 22 Octobre 1858 ngã bệnh nặng mà chết ở giữa chốn rừng xanh. Xác nằm trên đất, mấy lá cỏ khô rắc trên, nhà không có, phải nhờ một ngành cây cho đỡ lúc nắng mưa, ôi cực khổ vô cùng !!!

Hồi thầy Triêm làm giáo học Vĩnh-trị, thời tỏ ra một ông thầy kiêm đủ tư cách, cao bằng thấp vừa, ai ai cũng mến. Người có cái tài giảng thuyết, lại dọn bài kĩ lưỡng, cho nên lúc giảng nghĩa, thời minh bạch sát lý, mọi người thấy đều ham nghe.

Giờ làm việc xác, người sẵn quần thắt lưng, chép móng trong tay, miệng nói tay làm, khiến cho những trò sống lưng, cũng phải sinh mẫn-cán. Thời kì thầy Triêm làm giáo học, thời nhà trường được hai bề trên nổi tiếng lắm, quý biệu là cụ thánh Phaolô Tịnh và cố thánh Phêrô Bắc (Néron) cả hai đều được phúc tử vi đạo. Cụ thánh Tịnh bản quán Trinh-bà, phần đời thuộc Thanh-hoá, phần đạo về xứ Mỹ-diện địa-phận Phát-diệm. Ngài mãn tràng được mấy năm, thời trốn lên rừng tu hành, tới tuần Phục sinh bỏ rừng xuống chợ, để xưng tội chịu lễ. Cha giải tội nhận được thì bắt phải bỏ rừng mà về giúp địa-phận. Năm 1841, người phải bắt và tống ngục, lấy làm hạnh phúc vì được gồng cùm vì Chúa, ở nhà ngục 6 năm, đến năm 1847, có án dày lên tỉnh Phúc-yên. May cuối năm ấy nhân dịp Tự-Đức lên ngôi, ban ân đại xá cho các tù nhân, thời cụ được tha về.

Đức Cha Liêu thấy người thì vui mừng quá, sau truyền

chức thầy cả cho. Năm 1849, bề trên cử cụ làm giám đốc trường Latinh Vĩnh-trị. Ngày 27 Février 1857 linh quan Nam-định kéo đến bờ vây quanh làng, bắt được cha Tịnh. Ngày 6 Avril người được đổ máu mình ra vì Chúa. Năm 1899, Đức Giáo-Hoàng Piô X đưa người lên bậc Á-thánh. Còn cố Bắc thì chỉ làm bề trên có một năm mà thôi. Người tới Bắc-kỳ năm 1849, đến năm 1852 trọng nhậm cả miền vùng Phát-Diệm. Năm 1860, phải bắt và chịu trăm quyết tại Sơn-tây, năm 1909 Đức Giáo-Hoàng Piô X phong chức Phúc-lộc cho người.

Thầy Triêm làm giáo học trong đời hai đẳng thánh làm Bề-trên, bao nhiêu gương sáng mắt thấy, bao nhiêu lời khuyên tai nghe, đều ghi tạc vào lòng, ra công thi hành bắt chước. Thực như lời ngạn ngữ nói : Gần đèn tức sinh rạng tỏ.

ĐOẠN THỨ BA

THẦY TRIÊM HỌC LÝ-ĐOÁN TẠI KỂ-NON.

Năm 1855, thầy Triêm được về học khoa Giáo-lý ở Kể-non, do Đức Cha Khiêm (Jeantet) phó giám mục làm chủ trương, Đức Cha Khiêm tới Bắc-kỳ năm 1819, đến năm 1840 làm cố chính và kiêm quyền bề trên trường Lý-đoán. Năm 1847 lên làm giám mục phó giúp Đức Cha Liêu, rồi đến năm 1858, lên quyền chính, hành chính trước sau tám năm trời, đoạn ly trần.

Thầy Triêm được Đức Cha âu-yếm, tin cần, cùng ủy thác

cho nhiều việc hệ trọng. Hồi thầy bốn¹thức, ông thân sinh già trần, nên phai về Mỹ-quan lo việc tổng táng và chỉnh đốn mọi việc. Công việc chu tất, thời từ già mẹ già cùng các em, thầy đều giọt lệ tuôn rơi.

Tự ngày thi hành sắc chỉ cấm đạo (1833), thời Giáo-hội Bắc-kỳ đa phần tan khò. Các linh mục, các thầy giảng phải tản cư mỗi người một nơi. Năm 1856, như mưa đã ngớt, như gió mới lặng. Đức Cha nhờ cái lúc gió lặng sóng yên, mà ra sức hện ngày chỉ nơi cho các Tây Nam linh mục được đoàn tụ một nơi để thông công ơn phúc cấm phòng.

Phiên trước có các cố như cố thánh Ven (¹) (Vénard) tử vì đạo và cố Thevrel (²) sau lên giám mục, ta quen gọi là Đức Cha Chiêu cùng nhiều đấng khác nữa.

Phiên thứ hai đến các cụ bản quốc, lại thêm các viên trường lý-đoán Kẻ-non, như thế thì thầy Triêm chắc là có trong số đó. Chủ trương là Đức Cha Liêu. Lại có cha thánh Ven phụ giúp, ngài có giảng khuyên nhiều bài rất sốt sắng cảm động. Cấm phòng xong các sinh viên lui về Kẻ-non, xa chừng ngày đàng.

Độ ấy còn yên được mấy tháng. Thầy Triêm cấm phòng

(1) Cố thánh Ven tới Bắc-kỳ 1852, phải bắt năm 1860, năm sau phải trăm quyết, năm 1909 Đức Giáo Hoàng phong chức thánh cho. — (2) Đức Cha Chiêu tới Bắc-hì 1853, làm eõ chính năm 1857, năm 1859 làm phó giám mục, năm 1866 lên quyền chính và năm 1868 thời tạ thế.

về thì ra tay thực hành những điều đã quyết định, biết mình sinh trưởng vào thời kỳ cấm cách, nay còn ngồi ở trường, mai kia phải nằm ngục cũng nên, nên sống ngày nào, hết sức làm nên bốn phen ngày ấy.

Đầu năm 1857, vua Tự-Đức quyết định là phá cho tuyệt đạo Công-giáo, liền giáng luôn ba sắc chỉ cấm đạo. Đây mới là thời kỳ lưu huyết gớm ghê. Một vua quyền nước trong tay, mà không bình tình cân xét, cứ nghe lời bọn nịnh thần ton ngót, bỏ một phần lớn trong dân, thời cái khốc hại lớn lao chừng nào, tưởng không lưỡi nào kể xiết, không bút nào vẽ ra được.

Ngày mồng hai Février quan quân kéo đến bờ vây Phát-diệm có ý bắt cha Kì là cha chính xứ Phát-diệm, nhưng việc không thành, cụ tàu thoát được. Ngày 27 đến vây Kê-vĩnh, bắt được cụ Tịnh như ta mới thuật ở trên.

Bốn năm về sau, đông tố lại càng gớm ghê. Trường Kê-non, ban đầu tưởng cũng may quá, nhưng đến 15 Juin 1858 quan quân tỉnh Nam lữ lượt như kiến cỏ, kéo đến bờ vây tư bề như lưới giăng, làng Kê-non cùng nhà trường phen này phải đốt phá bình-địa. May mà Đức Cha Khiêm, các học sinh và bốn đạo được tin trước, thì đã chui rúc cả vào rừng.

Thầy Triêm hồi đó đã sáu chức. Tự đây trở đi, ta xin theo phở tục cánh tên Triêm mà tăng ngài bằng « Cụ Sáu ».

Cụ Sáu cùng với Đức Cha, hai cha con đều ẩn trong một làng bé nhỏ tên là Lan-mát : Theo bản đồ, làng này ở về tả ngạn sông Đáy, áp gần chân núi, đối với làng Kê-sở là nơi hiện nay có trường Lý-đoán Hà-nội.

Hồi cụ Sáu còn đang ở Lau-mát, thốt niên thấy một cậu nhỏ trường Latinh đến, xin vào bầu Đức Cha Liêu. Cụ Sáu bảo cậu : Đức Cha bây giờ thăm xa giữa rừng, mình đây cũng không hay người ở đâu bây giờ, chứ cậu có việc chi khẩn cấp lắm thế ? — Cậu nhỏ liền nước mắt chứa chan, khóc nức nức, tự thú mình bị mưu, trót đại mà giẫm qua thập tự, nay đau lòng thống hối, có ý đến thú tội xin Đức Cha thứ tha, chẳng may lại không gặp, không biết tình sao bây giờ. Cụ Sáu thấy cậu bé thực thà, động lòng lấy lời ủi an bảo cậu ngồi xuống mà kể lai lịch câu truyện thế nào.

Cậu bé đó tên là Phao-lô Bọt tuổi 17, học Latinh lớp VII. Trước học ở Vĩnh. Đến khi nhà trường phải phá, thời sang học ở Kẻ-báng. Nhưng ngày 16 Janvier 1858, quan chức tỉnh Nam-định cùng với bảy trăm tên lính kéo đến vây bọc làng. Nhà xứ, học đường, cung thánh nhà dòng (1) đều phải ngọn lửa vô tình phá hết. Các quân quan đốt nhà, cướp của. May nhân dân chạy thoát được cả, duy chỉ có 14 người bôn đạo và 4 cậu học sinh chậm chân, là bị bắt trói giải về Nam-định tổng ngục. Trong bọn đó có Phao-lô cậu Bọt và Gioan cậu Pháp (Pháp đây chính là em ruột cụ Sáu vậy).

Qua mấy ngày, quan truyền điệu 4 cậu ra toà giữa công đường để sẵn một tượng Thánh-giá nằm không dưới đất. Quan truyền 4 cậu phải vâng lệnh Hoàng-huống mà bước

(1) Nhà dòng Thánh-giá sáng lập ở Bắc-kỳ năm 1670, do Đức Cha Lambert lập nên.

qua. Thấy đều không chịu, quyết mình thà chết chẳng thà làm việc dã man đường ấy. Quan dạy tấn đòn, nhưng 4 cậu vẫn gan vàng, dạ sắt, đoạn rồi phải giong về ngục.

Mấy bữa lính lại giải 4 cậu ra công đường. Quan truyền bước trên Thánh giá. Cả 4 quyết tử chung như nhất, nên lại phải tấn một kỳ nữa. Bốn cậu còn phải ra toà lần thứ ba, quan thấy 2 lần trước dùng cách võ lực không được công hiệu chi, lần này mới trở quẻ khác. Quan tỏ tình âu yếm, nét mặt hiền hoà, ra lời thương răn : « Ta là phụ mẫu dân, thấy 4 cậu còn thanh niên tuổi trẻ muốn tha lắm, nhưng phiền vì pháp luật nghiêm cấm. Vậy 4 cậu cứ đề mặc lính nó khiên qua Thập tự, rồi ta sẽ tha buộc cho, như thế thì 4 cậu được về nhà, mà không bị mang tiếng là bỏ đạo. » Nói đoạn gọi lính, bảo làm cách êm can, nâng các cậu lên qua thập tự.

Rõ là mật ngọt chết ruồi, 3 cậu điềm nhiên đề lính khiêng qua Thánh giá, trong số đó có Phao-lô cậu Bột. Duy có một cậu bé nhỏ, nhưng nghị lực lớn lao, gan chí anh hùng quyết không cho lính khiêng mình qua thập tự. Nhưng cậu bé 14 tuổi cường sao được với sức cả một cơ đội? Vì vậy cậu hết sức tay duỗi chân co, miệng nói phân phó : mình phải oan ức, không bao giờ lại dám bước qua Thánh giá, cùng không đời nào lại cả lòng chối đạo. Cậu mà ngoan ngùy đường ấy tức là cậu Pháp, em ruột cụ Sáu vậy. Nói rằng cháu tiên tướng cũng có khác. Ba cậu kia được tha về nhà, còn cậu Pháp thời lính lại giong về ngục.

Bột được tha, vội thẳng về nhà quê. Mẹ là một bà tiết phụ,

nghe con thuật câu truyện đầu đuôi, liền tỏ mặt nghiêm thẳng, quắc mắt nhìn con, lấy lời nghiêm đuổi con cút đi, xéo đi : nhà tao không có cái nòi giống bỏ đạo. Bọt bị mẹ già khiển trách đuổi đi, ra đường đứng khóc, lo nghĩ không biết tin h liệu làm sao bây giờ. Trong lòng lương tâm cắn rứt, ruột gan rối beng, mới lần sang Lan-mát, thú tội với Đức Cha và xin chịu phạt.

Cụ Sáu nghe nói em ruột mình gan sắt dạ vàng thời mừng rỡ quá sức. Còn phần cậu Bọt thời Cụ lấy lời dịu ngọt, ra sức ủi an và bảo cậu muốn xóng mình yên dạ, phải tìm thầy cả mà xưng tội ; xưng với đấng nào cũng được ; có lòng thống hối như thế không việc chi mà phải lo. Cậu Bọt nghe mấy lời đó như đang mơ mà tỉnh, vui mừng quá bội, cúi đầu cảm tạ mà về Sơn-Miêng là quê họ nhà. Mấy tuần sau, cụ Sáu tiếp được thư cậu Bọt nói : mình đã xưng tội rồi, cùng đã làm việc đền tội xong, nay mình muốn tuyết sỉ tìm về Nam-định để xưng đạo ra, có nên hay chẳng, thời xin người chỉ-giáo cho. Cụ Sáu phúc thư lại : « Cậu đã xưng tội, đã làm việc đền tội xong, thế là đủ rồi. Còn như lòng mà được ơn Chúa sáng soi, muốn trở lại Nam-định để cất cái gương xấu trước mặt công chúng, thời là một cái thủ đoạn anh hùng lắm vậy. »

Tiếp được thư, cậu mừng rỡ lắm, liền vào buồng đóng bộ trang sức như ngày lễ trọng, đến trước mặt mẹ, khoanh tay trình rằng : « Thừa mẹ, mấy tuần trước, con có trót đại得罪 lính khiêng qua Thánh giá, thực là nhục nhã cho gia tộc cửa nhà, nay con nghĩ lại, muốn tuyết sỉ rửa nhục, thời con định

lên tinh đề xưng đạo ra, vậy con đến già từ mẹ phen sau hết, xin mẹ cầu nguyện cho con vững gan đến cùng. » Cậu nói xong khum lưng lạy bốn lạy. Bà mẹ rằng : « Ừ được, con muốn đi thì mặc ý, mẹ đã phú dâng con cho Chúa, ừ vậy thì chúc cho con đi ra mà gặp được phúc may.

Ngày hôm sau, quan đang ngồi công đường, thấy một cậu nhỏ lật đật chạy đến, vừa thở vừa bầm rằng : « Thưa Quan lớn, tên tôi là Bọt, mấy bữa trước, Quan lớn làm mưu đánh lừa tôi, bảo đề mặc lính nó khiêng tôi qua Thánh giá, tôi về nhà nghỉ lại, biết mình mắc mưu, nay tôi đến khiếu oan, tôi đây vẫn một lòng khâm sùng Thiên-Chúa giáo », Quan thịnh nộ lên, khiến lính cầm roi đuổi đi. Một lát Bọt ta lại vào mà phân phó như trước. Quan máu bốc lên mặt, liền truyền cho lính giăng Bọt ra mà đánh. Tiếng đòn veo veo, mình nát như bằm, dù vậy cứ một niềm khẳng khẳng một ý. Quan cùng thế dảy trói chân tay lại, bỏ cho voi giày. Lính trói chân tay bỏ vào lầu voi, voi thấy liền vội vàng chạy lại tưởng là trong khoảnh khắc là xong cái đời của cậu. Nhưng lạ thay ! voi cũng biết kính nể vị thánh nhân, nó không dám tự mình phạm đến. Cậu Bọt nằm cứng cựa trên đất, miệng cứ đọc kinh liên lỉ mà voi thì cứ đứng nhìn coi. Qua 2 tiếng đồng hồ, quản voi thấy vô hiệu quả, mới thúc đánh voi cho nó hung lên. Một con voi chạy lại đề 2 chân cực kì to tướng trên bộ xương hom non yếu của cậu, tức thì tiếng xương kêu căng rảng, giập nát tan tành, vụn như que nỏ, cậu Bọt kêu được một tiếng « Giêsu-Maria » rồi liền tắt hơi, hồn bay về trời

lĩnh triều thiên tử vì đạo. Hiện nay Toà thánh còn đang xét án, trông mai kia sắp được hiển thánh, thực là vẻ vang cho bọn học sinh nước nhà vậy.

ĐOẠN THỨ BỐN

CỤ SÁU XUNG ĐẠO TẠI HÀ-NỘI
VÀ PHẢI ĐÀY LÊN LẠNG-SƠN.

Đức Cha Khiêm (Jeanlet) cùng với cụ Sáu, trú ở Lan-mát không được bao lâu. Ngày 13 Juillet 1858, tinh mơ tảng sáng đã thấy 4 mặt làng quân quan vây bọc như lưới chằng. Các đàng nẻo, các ngã ba đều có lính gác rất là cẩn-thận, tưởng phen này không tài nào lọt qua lưới họ.

Cụ Sáu thấy thế nguy cấp, sớm nghĩ ngay ra được một kế diệu. Người vờ mấy viên đàn anh đến, ngỏ cho họ biết cái ý mình toan liệu, đoạn truyền rằng: hễ nghe lên hiệu, thời lập tức mời Đức Cha rút về mạn núi, mà đừng nói chi cho người hay.

Địa thế làng Lan-mát rất là hiểm yếu : một mặt có núi cao chừng chừng, mặt kia có con sông chắn ngang.

Cụ Sáu lấy áo thâm dài mặc vào, ngực đeo một ảnh chuộc tội lớn, đoạn khiến lên hiệu. Tiếng hiệu vừa nổi, người thẳng bước ra mạn mặt sông nộp mình cho các quan mà rằng :

« Đây là đạo trưởng các quan tìm bắt. » Lập tức quân quan xông vào giữ chặt lấy cụ, gông cùm cẩn thận. Chiêng trống các đồn nổi tiếng, hết thấy mọi người vỗ tay hò reo ăn mừng. Bọn quân coi giữ mạn núi nghe tiếng bên này hò reo, tưởng là việc đã thành công, Giám-mục đã bị bắt, liền bỏ vây kéo nhau về mạn sông. Thế là các bác mắc mưu cụ Sáu. Đức Cha thừa hội đó mà thoát đi bằng yên.

Rồi việc, các quan mới biết mình đã mắc mưu, then lại thêm tức mình, mới đâm cung thù vật, xử với cụ một cách không còn cứ nhân đạo nữa ; hạt cơm cũng không thí rõ cho, lại rớt cụ ở dưới lòng thuyền. Chiều bữa hôm ấy quân quan điệu cụ về Phủ-lý. Dọc đường thuyền đậu lại một nơi kia, cụ Sáu bụng đói như cào, thấy mấy mục đàn bà đang đứng trên đường, thì xin làm ơn cho mình đôi ba miếng cơm. Các mục khiếp lảng chạy đi hết. Ý trời xui đẩy khỏi một chốc, có một mục đến đưa cho cụ một bát cơm đầy, trộn tí nước tép. 30 năm về sau, hồi cụ được chính xứ Phát-diệm, cũng đã lừng lẫy là một vị thanh danh anh hùng khắp cõi Bắc-kỳ, ngày kia đang khi người ở Ninh-bình, gặp một mục già đến sắp mình xuống lạy, xin người làm ơn thương cứu hai con mình đang bị ngồi tù vì một cái lẽ ức oan. Cụ mau trí nhận ngay ra rằng : Đây chính là mục đàn bà chiều 13 Juillet 1858, lúc mình đang bị giải về Phủ-lý, đã trao cho một bát cơm trộn nước tép, nên tỏ mặt hoà nhã nhớ ơn, liền nói với các quan. Các quan cho lính đi mở cửa ngục tha cho. Thực như lời phương ngôn nói : « Cha mẹ hiền lành để phúc hạnh cho con. »

Đức Cha Khiêm nghi : cái tính mạnh cự Sáu có ảnh hưởng lớn cho cuộc tương-lai địa phận thì hết sức chạy tiền mượn quan thầy xin cho cự Sáu được về, lại thông tin cho cự hay. Cự Sáu được mang gông cùm vì Chúa lấy làm hạnh phúc, lại biết địa phận đương lúc cơ cấn, nên có nhời van Đức Cha đừng lo chi đến mình, xin để mình thông góp phần phúc cùng Chúa. Cự Sáu ở Phủ-lý một ngày, đoạn phải giải về Hà-nội, giam trong ngục thất. Mấy năm về sau, có một đảng thánh tiếng lừng lẫy năm châu, cũng phải giam trong một ngục đó, đảng ấy tức là cổ thánh Ven vậy.

Cách mấy ngày, các quan hiệp nghị, do quan thượng Hoàng-văn-Phu chủ tọa. Các quan chất vấn người về quê quán, tông tộc, về nơi sinh hoạt, về chỗ trú ẩn. Các ngài tưởng cự khờ, mon men dò la, may mà biết được nơi Đức Cha cùng các tây nam linh mục ẩn chắng. Cự Sáu đã từng thể sự, lại có ơn trên ủng hộ, người đáp mà rào trước đón sau, các quan bất đắc hy-vọng, mới quay ra mặt tấn khảo. Lý hình cùng nhau hợp lực kéo căng cự ra, rồi roi thất phân, giờ cao quát mạnh, đau quá cự phải uất đi, ngờ là hồn đã bay về trời. Một chốc linh thấy cự tỉnh lại, mới khiêng về ngục.

Cự còn phải ra toà nhiều phen. Các quan thi hành những chước dã man, nào kim sống, nào roi tua. Tuy da thịt rách nát, máu me lai láng mà ý chí vẫn như núi giữa biển, sóng vỗ nước dập mấy đời cũng cứ trơ trơ, không lay không chuyển, lại trưng những câu kinh điển, những lễ thánh hiền, tranh biện mà bệnh chữa lẽ đạo. Các quan bề ngoài làm bộ giương

oai, nhưng trong lòng cũng phục cụ là một tay bác học quảng kiến, chỉ tiếc vì là người bên giáo. Nhiều lần các quan dụ người cứ rầm mắt bước qua thập tự, rồi mình sẽ thưởng quan hàm cho. Người rằng : đã cấp sách đi học, tưởng chữ chi cũng phải kính, luống nữa là chữ thập, vì chữ thập là thiên địa chi chung số. Các quan biết, một người như thế nói lý đã không được, mà lời ngọt tưởng cũng vô công hiệu thôi, mới hiệp nghị làm án phát lưu. Nhưng án còn phải đệ kinh, chờ vua y thẩm. Cụ Sáu ngồi tù chờ án, vẫn tỏ ra lòng sùng mến Thiên Chúa, cách Người xử trí khiến cho thiên hạ ai cũng phải thán phục.

Một tên cửu phẩm y thể là người nhà quan, hăn tay cầm cái thước đến gần cụ mà bảo rằng : chú phải ngồi yên để ta đo cái đầu chú, xem chú có tương ở đồng trình được không. Nói đoạn hăn đo ngang đo dọc, đặt trước đề sau, hết đầu xuống vai, hết vai xuống ngực. Cụ Sáu cứ bình tình ngồi yên, chẳng rằng chẳng nói, hăn muốn làm sao cũng mặc.

Các quan bắt được ít đồ đạo đem nộp lên quan thượng. Quan thượng cho vời lên cửu phẩm ấy vào dinh, khiến làm giấy kê các đồ đạo để đệ vô kinh. Bác cửu về nhà luống cuống, nhiều chữ đồ thờ xưa nay chưa hề nghe nói, không biết viết làm sao, không lẽ rằng mình không biết, thế thì còn mặt mũi nào, còn chi là danh giá, lại còn e một bữa mất. May ! quan bảo bác ta đem lại hỏi cụ. Cụ thừa cái lúc bác ta cùng kể, mà cho hăn ta biết lỗi, chứ đừng bạ ai cũng khinh bỉ trên chông.

Vậy cụ sai anh ta đi tìm lông ngỗng, để cụ viết bằng Latinh rồi sẽ dịch ra Hán tự. Anh ta lật đật đi tìm, được cái nào đưa về cho cụ, cụ xem xong liền bẻ vụn quăng đi, bảo phải kiếm cái khác. Anh ta chạy đã mỗi căng, mà hề được cái nào cụ cứ bẻ vụn vứt đi, đang lúc mình phải tự hạ, không lẽ... Sau hăn mới nghĩ ra : tại mình trước kia vô lễ, nên giờ cụ xử lại cho biết. Hăn liền thú lỗi xin cụ thứ tha, tại trước mình không rõ. Cụ Sáu thừa dịp đó, giảng cho chú ta một bài : tiên học lễ hậu học văn, người đồng bang bất luận sang hèn, phải thương phải kính, không nên ỷ cường quyền khinh bỉ người ta, cái nết ấy từ nay phải gác. Ta đây chẳng chấp chi, nhưng bảo cho biết. Nói đoạn cầm bút thảo luôn tờ khai, chữ đã đẹp ý lại cao, sắp đặt gọn ghẽ, mà lời lẽ phân minh. Bác cửu phẩm xem tức tắc khen thầm, nghĩ mình học đã cùn cả bút, mà học lực hầy còn kém xa, cho thiên hạ lắm người trí đức cao nghi. Tự đấy bác ta phục tình, sinh lòng yêu mến, nay viếng mai thăm, khi hỏi khi bàn, nói như việc tư gia tư thất, bác cũng vác đàn hỏi, thuật đây một tích mà thôi.

Bác ta tóc hầy còn xanh, tuổi cũng còn trẻ mà nội trợ đã hai ba đời rồi. Đối với vợ bác ta ôn hoà tử tế, không hành hung đập đánh chi, thế mà đang lúc lửa hương nồng nàn, yến oanh rộn rã mà trong khoảnh khắc phượng rẽ loan chia, nào lấy dây thắt cổ, nào gieo xác trôi dòng nước chảy, thành ra bác ta bị mang cái tiếng ác nghiệp, nội ngoại hai bên sinh đều hiềm khích. Cụ bảo bác rằng : muốn trừ khỏi cái khốc hại ấy, tưởng cũng không khó gì, có hết lòng tin, thời ta sẽ trừ triệt

đi cho. Bác ta xin hết lòng cây trồng, xin cụ làm ơn thương đến cho. Cụ bảo bác dẫn cụ về nhà. Lúc ra đi cụ mở trap lấy giấy đã lau dầu thánh bỏ vô túi. Đến nơi, bác cử xuống nhà dưới, dốc nấu nước tiêm trầu. Cụ thừa lúc vắng, lấy giấy dầu thánh dắc trộm trên bạo cửa. Bác bung trầu nước lên, cụ chiều lòng cầm lấy một miếng rồi đứng lên ra về, dặn bảo từ nay cứ việc yên lòng. Cụ Sáu về nhà sớm khuya cầu nguyện xin Chúa phá chước quỷ thần, tự đấy nhà bác cửa không còn gặp những cảnh ngộ như trước.

Cụ phải ngồi ngục đợi án những sáu tháng giờ, mới thấy vua hạ chỉ châu phê y án. Cụ cùng với các bạn tù phải phát lưu đi Lạng-sơn. Dọc đường, đang thời tiết đông giá lạnh, một người thấy cụ áo quần mỏng khé, rét run lập cập, động lòng cảm thương trao cho một chiếc áo bông. Cụ cầm lấy cảm ơn, rồi từ đấy cứ vận luôn, bức nóng không hề thay đổi. Hồi cụ được tha, áo ấy vẫn còn.

Lạng-sơn xưa kia là chốn tù nhân, là nơi trừng trị, rừng rộng lá xanh, lở nhố những ngọn núi cao, có nhiều vực sâu, lắm khe nước động, cả một vùng cảnh tượng tanh ngắt, rõ là một nơi lâm tuyền còn đợi một tay khai phá.

Cụ Sáu tới nơi, thấy nhiều bồn đạo cũng đồng một số. Hai bên gặp nhau, lòng sinh cảm động, nước mắt chào nhau, nét mặt tươi như hoa nở. Khi lòng người ta mà được bình tĩnh vui vẻ, cái tính yêu riêng đã khử trừ đi, thì dù ở góc bể đầu non, phương xa cõi lạ, cũng chẳng kém chi kẻ ở chốn hồng lai lạc cảnh, đêm ngày mua vui cùng với giăng trong gió

mát. Đối với cụ Sáu còn thêm một cái đặc thú, là được gặp cậu Pháp em ruột của mình. Đôi bên bấy nay xa cách, như không hẹn mà gặp, mừng rỡ xiết bao. Biết bao truyện nên thuật, bao nhiêu việc nên kể, nào câu truyện lúc trốn ần, hồi bị bắt, lúc tại tù cùng khi ra toà án, những cách hành tội, những lời thí đồ đều thuật lại cho nhau hay.

Nhưng than ôi ! cuộc đời lắm phen gay go, lắm nỗi ly biệt. Cậu Pháp hồi còn tại ngục, đã nã nhiều phen bị tấn, người hom sức kiệt, cơm ăn quá nửa pha vôi, lại thêm thủy thổ bất phục, thành ra ngã bệnh. Cụ Sáu hết lòng thuốc thang, tìm thầy liệu thuốc, mà bệnh vẫn ngày ngày ra nặng. Cậu Pháp thấy giờ lâm tử đã gần, cảm tạ ơn Chúa đã thương đưa anh lên chốn lưu đày để ủi an mình trong cơn hấp hối. Sau hết cậu từ giã anh yêu dấu cùng các bạn đày rồi tắt hơi, hồn bay về trời lĩnh triều thiên tử vì đạo, còn xác thì nằm lại đó, đợi ngày tận thế, sẽ lại gặp bà con nơi đồng Toraphát.

Cụ Sáu ở Lạng-sơn chưa bao mà đã rạng danh nổi tiếng, các bạn tù coi như Chúa-tể. Họ biết mình thấp cổ bé họng, đơn từ lý luật không am, muốn khiếu đơn việc gì thời hết thấy chạy đến kêu cụ. Cụ Sáu nghĩ : cái trách nhiệm mình là phải đứng ra đối phó với các quan thay cho chúng bạn. Đơn từ cụ làm, riết vào lý luật, đón trước rào sau, chọn những chữ thâm trầm hóc hách, đơn đệ lên, các quan trên toà cũng phải thần phục. Các quan thấy cụ Sáu là một tay pháp luật thông thạo, chẳng may tài trời còn hãm, nên cũng có bụng kính nể yêu đương, cùng ủy thác cho nhiều việc.

Bao nhiêu tờ bồi giấy má giao-thiệp với quan chức trên, nhờ đến tay cụ Sáu ; nhưng việc hệ trọng như giáo-hoá các cậu con quan cũng xin cụ Sáu đỡ cho. Cụ dùng tài trí mà giáo-huấn, dùng đức khôn ngoan mà mua lòng, nên các cậu con quan thấy đều mến yêu. Các quan thấy con mình quuyến-luyến ông thầy, học hành phấn-chấn, khuôn phép nét na, tự khắc đem lòng kính nể. Cụ Sáu nhờ cái lúc thần thể mà xin các quan nói rộng cho anh em bạn đày.

Cuối năm 1859 lúc cụ còn đang dạy học, thốt nhiên một mụ đàn bà đem trao cho một lá thư, vội mở ra coi, mới hay là thơ Đức Cha Khiêm nhắn cụ về Kẻ-Trừ, để chịu chức thầy cả. Người lại gửi sẵn ba nén bạc để cụ làm lời xin các quan rộng cho tạm vắng mấy ngày.

Trở về trước ta thường xưng người là cụ Sáu là vì kính mà tâng, chứ cứ thực mà nói, lúc ấy người mới có 6 chức.

Cụ Sáu được tin, lòng vui xiết kể. Tự đẩy chăm lui tới chốn công nha, năng đi lại giao tế với những bậc tai to mũi lớn. Đến ngày đã định, cụ làm đơn tấu lên. Lời nói như mật rót tai, lại thêm lễ hậu ba nén. Các quan chấp đơn ban chữ tự do vắng tạm mấy hôm. Vậy tháng Janvier 1860, cụ lên ngựa, chạy về Kẻ-Trừ, đi mất 3 ngày dòng dã. Đức Cha Khiêm hồi ấy đã lên chính. Đức Cha biết mình mang ơn cụ Sáu rất to, lại thương các bồn đạo lưu đày không có thầy cả làm các phép cho, phần xác khổ sở phần hồn gian nan, nên mong chờ cụ Sáu từng giờ từng khắc. Lúc mà hai cha con giáp mặt, lưởi nào kể được cho xiết hai cha con mừng rỡ chừng nào.

Kẻ-Trừ là một xứ sở có tiếng, Đức Cha Chiêu (Theurel) thăng chức Giám-mục tại đó. Người chịu chức đang thời kỳ giông tố kịch liệt, các cố phần nhiều đã tử vì đạo hay là còn đang tại ngục mà chờ án. Đức Cha Khiêm nay đã niên cao tóc bạc, bất thần mà người bị bắt, không nhẽ địa phận trống ngôi, bởi vậy mà Đức Cha dùng quyền Toà-thánh, đặt cố Chiêu (Theurel) mới 29 tuổi lên phó Giám-mục.

Lễ phong chức rất là long trọng, tưởng trong thế giới lần này mới một.....

Nhà thờ chính toà là một cái lều tranh vách đất, khai lễ vào lúc đêm khuya canh tàn, trong đốt đèn nến, tư bề chiếu tranh kín mít. Mũ gậy Giám mục làm bằng nửa tre, ngoài phất giấy trang kim, trên vẫn nùm rơm, bao nhiêu nghi tiết như phải có bịt tất bao tay, phải có 2 đấng Giám mục phụ tế (Assistens), chỗ phải hát to, nơi phải nói lớn, lễ hôm ấy thời chước đi hết.

Cụ Sáu chịu chức vào cũng thời kỳ ấy, tưởng ai cũng hiểu không cần phải nói lại. Chịu chức đoạn, cha con vui vẻ cùng nhau một ngày, đến mai cụ lui về Lạng-sơn, cùng được toàn quyền coi sóc các bồn đạo khắp miền thượng du, như Cao-bằng, Tuyên-quang và Thái-nguyên.

Mấy ngày cụ vắng, mọi người đều ngóng trông, nay cụ vừa tới nhà, mọi người xúm nhau hầu truyện, nào truyện Đức Cha, truyện địa phận, tin tức nơi triều, tin tức ngoài quận vui quá ! tự rầy trở đi có sẵn một cha, giờ làm tử đến không đến nỗi phải chết không, muốn tắm rửa linh hồn thời

mạch thiêng liêng cũng sẵn. Nhưng phiền một điều là vì anh em không được cùng nhau đoàn-tụ một nơi, người nơi này kẻ nơi khác, có cương giới chỉ hạn, có pháp luật nghiêm cấm, không được tự đắc thông thương, không được tự do bàn hỏi, thành ra các môn đạo chưa được mãn nguyện cho lắm.

Cha Sáu đối với bạn lưu đày thực như cha như mẹ, nhưng đối với pháp luật chẳng qua cũng là tội nhân, cũng là tù phạm, nên cũng phải ở dưới pháp luật, không được tự do đến các nơi đề mà giảng khuyên cùng làm các phép, thế thì làm thế nào được.

Thời kỳ ấy, có một người xưng mình là tôn thất nhà Lê, thừa lúc các quan trẻ việc chính trị, chỉ mãi miết hành hình giáo nhân, hấn mượn gió bẻ măng, mở cờ dấy loạn, cùng đủ cánh bên giáo a-tùng với hấn. Người ấy tên là Lê-Phùng. Đức Cha lúc còn bình thời, đã biết mưu nó toan, nên đã làm thơ chung thông cho các nơi, cấm ngặt giáo hữu không được quây bè tụ đảng với hấn, dẫu vua quan bách hại đến đâu, cứ phải một niềm trung nghĩa.

Buổi đầu bọn Lê-Phùng thắng thế lắm, chúng đã chinh phục được mấy tỉnh như Hương-yên, Hải-dương. Năm 1860 bọn họ kéo đến địa hạt Lạng-sơn cùng đóng dinh ngay gần tỉnh lỵ. Quan quân trong thành đồng tâm kháng cự, nhưng binh ít võ vụng, mới cho vời cụ Sáu tới nơi hiệp nghị. Cụ Sáu văn võ kiêm toàn, mưu tài kế diệu, thấy nước nhà lâm cơn chính biến, không lẽ khoanh tay ngồi xem, như thế sợ không tròn chữ trung quân ái-quốc, vì thế mà người phải chịu nhận lấy

trách nhiệm cầm quân. Cụ đứng đốc xuất một đạo binh, toàn là bọn đạo Công-giáo. Hai bên giao chiến cùng nhau kịch liệt hăng hái, nhưng cái mặt mà binh có đạo canh giữ, thời bọn giặc lại chủ tâm đánh ráo riết hơn, tưởng rằng : bọn có đạo đang bực vì cái nỗi lưu đày, nay thừa dịp, tức sẽ trở ngón quay mặt phản đối chính phủ, trước là để thoát lấy cái thân, sau là lập công với bọn họ. Nhưng thế chẳng qua là ảo tưởng đấy thôi.

Binh có đạo hăng trung thần cùng vua, xông đánh quân giặc ; bọn Lê-Phùng không thể kham nổi, phải tháo chạy, từ đây không dám vác mặt tới đất Lạng-sơn nữa. Ấy các ngài xem, giáo nhân bao giờ cũng trung thần với chính phủ, còn như những bọn phiêu loạn, nay làm giặc, mai cách mạng, thời bên có đạo không hề a tòng hợp đảng bao giờ, như thế mới thực là trung thần ái quốc vậy. Giặc đã phải vậy, các quan mừng rỡ, cảm ơn Cụ và các bọn đạo đã nhiệt thành đánh giúp, từ đây các quan đối đãi với bọn đạo một cách ôn hoà tử tế không còn cay nghiệt như trước.

Cụ Sáu nhờ dịp đó, làm giấy xin các quan ban chữ tự do đi lại các nơi, để thăm viếng bọn đạo cùng hội nhau làm việc phụng sự. Công ơn của cụ các quan chưa trả, nên vui lòng cho như ý cụ sở cầu. Cụ lấy làm hân hạnh quá. Từ đấy suốt khe chẳng quản, núi non không nề, đi mọi nơi giảng giải khuyên răn, cắt nghĩa bọn cùng làm các phép, yên ủi bọn đạo, lập thành họ thành chòm đặt kẻ làm trùm trưởng v. v.

Ở Lạng-sơn cách sinh nhai rất là hẹp hòi, mà đối với bọn

đạo lại còn thảm thương hơn. Lúa gạo thời kém mà đồ ăn đắt đỏ. Cụ Sáu động tình thương dân, người làm giấy xin các quan cho phép bôn đạo tự do khai khẩn, tự do đánh cá ở các ngòi lạch ao chuôm. Các quan thấy việc lưỡng ích, thời cầm bút châu phê. Chưa đầy mấy tháng, đã thấy nơi xưa kia cỏ tranh um lùm, nay đã hoá nên, nào vườn rau, nào vườn đậu, nào ngô khoai, coi như là một sở đồn điền của ông tây. Ấy ta xem rừng đồi cỏ, mà biết dùng tài trí lợi dụng lấy, tưởng cũng đủ ấm thân no cật. Kìa biết bao nhiêu tài sản Tạo vật còn giấu, người mà có con mắt tinh tường, biết đường nhặt lấy, thời dầu trước vách đất nhà tranh sau cũng nên một tay cự phú được.

Cụ Sáu ân cần coi sóc bôn đạo, cứ nay đây mai đó, lại thêm Lạng-sơn nước độc khí nặng, nên người ngã bệnh sốt nặng. Các bôn đạo rước thầy chạy thuốc, nhưng vô công hiệu, sau rước một lang y thời danh, ông coi mạch rồi cũng lắc đầu, nhưng ông xin ướm mấy chén để gọi bệnh, ông rằng : tôi sẽ tất lực chữa cụ, kéo đất Nam-việt thiệt mất một vị đại nhân chẳng.

Cụ Sáu thấy bệnh người, ngày thêm nặng thì động lòng cảm thương bôn đạo mồ côi cô thế, không có ai khuyên răn, coi sóc giảng giải, cùng an ủi bệnh chữa, nên người ngửa mặt lên trời xin Mẹ nhân lành giơ tay cứu chữa cùng khẩn rằng : Đức Mẹ thương cho qua cơn này, thời khi đạo rộng mà được về nơi cựu sở, sẽ dụng tài lực xây một ngôi nhà thờ tôn kính Đức Mẹ. Qua mấy ngày, bệnh thấy chuyển, rồi sau khỏi hẳn, ai ai cũng ngạc nhiên, tin là phép lạ bởi trời.

Cụ Sáu vừa qua cơn nguy, lại lâm ngay phải cái sầu, vì được tin thân mẫu người mới tạ thế, thế mà từ này mẹ con không còn thấy nhau trên đất Việt-nam này nữa.

Bấy giờ là năm 1861 chính là thời kỳ cấm đạo dữ nhất, có sắc chữ vua Tự-Đức đã ra chứng minh đều đó. Tóm lược mấy điều đại-cương lại đây.

Sắc rằng :

(1) Phàm ai có đạo, bất luận nam nữ già trẻ, là phải phân sáp vào các làng lương dân.

(2) Mỗi một làng bên lương, cứ 5 người là phải nhận lấy một người có đạo để quản thúc.

(3) Bao nhiêu làng toàn giáo thời phải đốt phá bình địa.

(4) Còn những công điền công thổ những làng có đạo, thì lấy mà cấp cho các làng bên lương lân cận, cấy cấy mà đóng thuế cho vua.

(5) Các kẻ đi đạo phải thích chữ vào má một bên có hai chữ « Tả đạo » một bên có tên phủ huyện.

Ta sống vào cái thời kỳ lương giáo bình đẳng, lấy trí mà suy việc dĩ vãng, lòng còn thêm sầu phát ưu hướng nữa là... nói như cái tệ thích chữ vô má, thế thì mỗi một nét chữ, là một dòng máu chảy, mỗi một nét chữ là khoét đi một miếng thịt chảy, ôi đau đớn biết là chừng nào ; mấy bát cơm đúc thành giọt máu, mấy năm giờ làm nên chút thịt, mà trong một khoảnh khắc, cái nghị ác nghiệp kia, nó như ngọn lửa, phút chốc đốt tan những lâu vàng gác tía, mà công lao khó nhọc mấy năm giờ mới gây lên được, ôi thảm hại lắm thay !

Ông Launay là người dân Pháp đến Bắc-kỳ năm 1906, hồi ấy còn sót lại được mấy cụ lão trong đời cấm cách. Chính ông đã được mục kích cái thê thảm đó. Ông rằng : Người có chữ thích trên má mà ông được thấy trước hết, thì là một ông 'lão thuyền chài ở tỉnh Thanh-hoá vết sẹo hãy còn rành rành trên má, ông thoạt thấy thế thì dùng mình kinh sợ, gớm thay không còn chút chi nhân đạo nữa.

Năm 1852 vua lỗi hoà ước Gia-Long, giết 2 cố người nước Pháp và năm 1857 lại giết hai cố người Tây-ban-nha ; hai nước nhân có đó giao hiếu cùng nhau kéo sang đánh vua Annam. Vua nước ta thế không sao sự nổi, phải xin đầu hàng, ngày 5 Juin 1862 ký tờ hoà ước. Tờ ấy buộc vua phải trù các sắc chỉ cấm đạo bấy nay, phải để cho ai nấy tự do tín ngưỡng. Vua bất đắc dĩ phải hạ long bút tha đạo. Sắc vua tới đâu thời bôn đạo như chết mà sống lại.

Năm 1863 tin vui đường ấy mới tới Lạng-sơn, cả một vùng giới Lạng-sơn chỉ nghe những tiếng reo mừng, những tiếng vỗ tay, mọi người thi nhau mà vui, đua nhau mà mừng. Nghĩ đến lúc sắp được về quê cha đất tổ, được xem thấy mặt cha mẹ vợ con mà bấy nay xa cách, được tự do đọc kinh thờ Chúa, thì ai nào mà không vui chứ ?

Cụ Sáu là một tay trí dũng hùng lược, thông đạo luật lý, giúp các quan nhiều việc kỳ khôi, mà các quan bấy nay cũng tỏ lòng biết ơn nhớ nghĩa, đôi bên giao dịch thân mật đảm thắm. Còn bọn lương dân, cụ đã đưa tình đồng bang đối đãi với họ, họ cũng cảm phục mến yêu lắm lắm. Nhưng tình càng

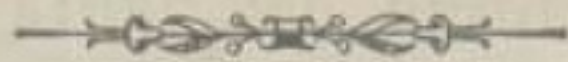
mặn, nghĩa càng bền chặt, thời đến lúc ly biệt lại càng giùng giảng khó nổi chia tay. Gần ngày bước khỏi Lạng-sơn, cụ làm một bữa ly tiệc mời các quan chức cùng những ông mắt lớn tai to, đề từ tạ cảm ơn ; các quan chức sắc đều đến dự tiệc, ai nấy đều cảm hứng cái nghĩa tạo phùng, đòi đoạn tương ly, cái quang cảnh bữa tiệc, vẻ vui lẫn với vẻ sầu, sầu vì kẻ ở nhớ người ra đi, vui vì đã đến ngày khởi hoàn vinh qui, thoát khỏi vòng gian nan tân khổ bấy nay.

Lúc cụ Sáu cùng vuồi đạo binh Công giáo mở cờ khởi hoàn, các quan muốn tỏ tình trọng kính nhớ ơn, thời tặng cho một đội quân tiền cụ đến hết địa hạt Lạng-sơn. Cụ Sáu ngồi trên mình ngựa đã trần thiết nguy nga, một đội quân súng ống sắp hàng đi trước, theo sau thì có các bồn đạo hàng ngũ lớp lang. Dọc đường gặp bọn quan quân đi tế Nam-giao ở Huế kéo về, thiết khí súng ống coi uy vệ quá chừng, cụ Sáu loan cho quân mình đứng bên kia đường, thủ lễ nghiêm phép mà bái chào. Các quan thấy người biết lễ thì truyền cho binh lính phải cẩn thận, chớ khá khinh mạn, vì rằng : Trong bọn đó có người trọng đáng cho ta kính nể. Thế là quân cụ đi bình yên, mà không ai dám vô lễ.

Người tạt qua địa phận Dòng, Đức Cha bên Dòng đã nghe tiếng cụ Sáu nên nghênh tiếp một cách tử tế.

Lại hy vọng cho cụ ở địa phận Dòng để giáo huấn cho các cậu nhà trường. Cụ thưa mình không dám cưỡng ý Ngài xin, nhưng còn phải về lĩnh ý Đức cha địa phận nhà, xem người dạy thế nào. Tới Kẻ-sở thì gặp Đức cha Khiêm đang ở đó, hai

cha con mừng rỡ dường nào, độc giả dễ tự mình lượng lấy, cụ cũng thừa với Đức cha về việc mà Đức cha Dòng đã xin, nhưng Đức cha phúc thơ lại, phản nản vì không thể ưng như lời Đức cha Dòng xin.



ĐOẠN THỨ NĂM

CỤ SÁU ĐƯỢC CỬ LÀM CHA CHÍNH XỨ PHÁT-ĐIỆM



Cấm đạo rông rãi hơn 4 năm trời, hại không biết cơ man nào mà kể. Các đảng quá một nửa đã phải chết. Cả địa phận còn được hai Đức Cha (là Đức cha già Khiêm, Đức cha phó Chiêu), một cố, 36 cụ. Phen cấm đạo này cả thấy 34 cụ phải giết, hoá ra những cụ còn sống sót, phải chia nhau mà kiêm những xứ của 34 đảng kia.

Bề trên sai cụ Sáu đi coi địa hạt Thanh-hoá, Mỹ-diện, Kê-dừa và Tam-tông. Bồn đạo vùng này cũng khốn khó lắm. Những đảng ở đây trước đã tử vì đạo hết cả. Tỉnh Thanh-hoá từ năm 1858-1862 trăm quyết mất tám đảng. Những nơi xưa kia làng to xã lớn, dân cư đông đúc, nhà cửa chen nhau, có những dãy tre dài, những bụi hóp rậm, nhan nhản chim bay chim đậu, thế mà cái cảnh ngày nay coi mà sinh chán, từ đầu làng chí cuối, thỉnh thoảng thấy một vài cây tre, mà lại không ngành không lá, mấy cái cột xiêu nửa sém nửa mục, lù lù những

đồng tro đồng than như mô thẳng cuội, có nơi mới dựng được mấy cái liều tranh lúp túp, ấy là cơ nghiệp của mấy người ở ngục mới về làm tạm đề trú cho khỏi lúc mưa nắng.

Cụ Sáu đã hiểu tình cảnh đó, nhưng vừa được tờ sai liền vui mừng cầm lấy, không chút chi dùi rắng ngẫm ngại. Ấy cũng là một gương tốt, hậu lai ta nên học lấy, bề trên cử ta đi nơi nào, dân nghèo nước độc, lắm kẻ khô khan nhiều người ương ngạnh, ta hãy vui lòng trảy đi, để nhận thánh giá Chúa dành để cho ta nơi ấy.

Tuy thị đã có chiếu chỉ ban cho ai nấy đạo thích lương đồ, nhưng những nơi xa kinh đô, các quan hãy còn chưa y sắc chỉ, nhất là những lũ văn thân, tạ gió bể mắng biết tính ý các quan thế nào rồi, nên tha hồ mặc sức áp chế, để kiếm tiền hôi của. Các linh mục phải ẩn lánh, không thời bọn họ chớp ngay, y như cóc già chỉ rình dớp ruồi bay.

Cụ Sáu đi trọng nhậm xứ mới, cũng đề phòng hết cách, thế mà xuýt nữa bọn chúng tóm được, cụ tới Ninh-Bình trời đã tối khuya, nên phải vô trú nhà bà phó Vàng. Năm chưa nóng chiếu, thời đã có tin các quan kéo đến bồ vây. Cụ vội vàng lên ngựa phóng nước đại chạy một thoi tới miền Thanh-hoá, nên mới thoát khỏi. Cụ đến địa hạt rồi, thì sức giã đi các thôn xã, bảo bọn đạo phải lại hầu. Người hiểu dụ cho họ một bài, khuyên ai nấy lở về quê hương, dựng nhà lập xã như xưa ; nhưng bọn đạo bây giờ chỉ còn hai bàn tay trắng, cơm ăn không có, nhà cửa không còn, diền thổ thì mất, cụ Sáu lại phải đứng ra liệu cả cho.

Cụ một mình đốc thúc, đứng ra bảo lãnh cho họ mượn vay, dựng công bản, lấy lại điền thổ. Cách mấy tháng mỗi làng đã thấy lác đác được mười lăm nóc nhà, người đi kẻ lại coi đã rôm rả. Còn phần hồn cấm đạo lâu năm, thầy cả không có, thời sinh uơn ái chênh mảng, không còn nhiệt thành như trước, bởi vậy cụ Sáu hằng phải giảng khuyên thôi thúc, ban ngày ngồi toà giải tội, tối đến đi đến các làng thăm nom con chiên cùng làm các phép cho.

Mọi việc hồn xác một tay cụ Sáu phải lo, nên chẳng bao lâu sức yếu lực mòn. Cụ phải về Mỹ-quan dưỡng khí. Mỹ-quan hồi ấy cũng thuộc về quyền cụ kiêm trị : địa thế làng đó hẻo lánh, sông núi quanh co, có bề thế tiện lợi, bất hạnh mà có bị vây bắt, thời chui luôn vào rừng, thế là các quan mất đất tìm tôi. Cụ quản trị Thanh-hoá có hơn 1 năm mà thôi, Đến năm 1865, Đức cha Chiêu đặt cụ làm cha chính Phát-diệm, bút nào tả được cho hết, cái tình cha con suốt suốt trong lúc ly biệt ! ! ! Rủi cho miền Thanh mà may cho Phát-diệm ! !

Phát-diệm ngày nay phổ xá lịch sự, nhân dân đông đúc, người sang của nhiều, đạo đời thịnh vượng. Nhưng 150 năm về trước, nào có ai biết chi Phát-diệm, Phát-diệm hồi ấy chẳng qua là một làn nước mặn, một bề sóng bạc, cứ ầm ầm hết ngày sang đêm. Đến sau nhờ được cô Hồng hà đưa lòng quyến luyến, khoét đất thiên hạ đem bồi đắp cho người tình nhân của mình, ngày ngày nhờ cô vun quén đắp thêm, mà trong một năm đã được 100 thước tây đất tân bồi, bỏ ảng đi 10 năm,

tính đã cao số, hiện nay Phát-diệm sánh với bề, 2 đàng xa cách đã ngoài số thập cây số rồi ; trông rằng : cô cũng còn một lòng âu yếm cứ đem đắp mãi cho, thời Phát-diệm họ cũng cảm ơn lắm đấy.

Năm 1865 cụ Sáu ra nhậm xứ mới. Hồi cụ đến thời Phát-diệm hãy còn là cánh đồng bùn lầy, sông chưa khai, đê chưa đắp, chỉ thấy những vũng nước đọng, những khóm sậy um tùm xanh tốt, đường lối còn chật hẹp, nhem nhuốc, dân cư toàn là những phường tứ chiếng, cực chẳng đã mới tha phương cầu thực. Trước kia cũng đã hết sức khẩn tịch phá hoang nhưng thiếu tư bản, cơm ăn không đủ, trâu bò thì thiếu, lại gặp cơn phong ba cấm cách nên bề ngoài coi cũng còn hủ lậu lắm.

Làng Phát-diệm toàn tông Công giáo, nên các quan rình mò ráo riết, có mấy phen họ đã kéo đến đốt phá. Phen đầu là ngày 2 avril 1857, tức là ba tuần trước khi phá làng Vĩnh-trị, họ chủ tâm bắt cho được cụ Kỳ, là cha chính xứ bấy giờ, xứ Phát-diệm là do tay cha Kỳ lập nên. Người là bậc trí tuệ thông minh, cứng cật mà lại tinh nhanh, gặp nguy đến đâu, gỡ mau như chớp. Đang hồi cấm cách, mà bọn dân cũng phải chùng phải hải. Cụ kháng cự với họ kịch liệt lắm, có khi khiêu nại cả đến toà vua. Bọn lương dân tức tối, ăn thề cùng nhau quyết bắt cho kỳ được cụ. Các chúng rình mò lâu tháng lâu năm mà vốn chẳng sao bắt nổi, không sao làm cho người rời bỏ con chiên mà đi. Những mưu kế các hãn bày, điều không hiệu quả chi hết, chưa kịp thò ra, thời cụ đã biết thỏm đi rồi. Phải một ngày, các chúng làm ráo riết quá, cùng thế cụ phải

chạy vào núi, chạy đã lạnh mà bọn họ đã gần tới lưng, chỉ còn cách mấy bước nữa, thế mà Người lập mưu đánh lừa các chúng, cùng thoát được thân : gần đấy có một con đường quặt, Người bèn trẽ vào, đến một nhà ngay bên, thấy cái quần đàn bà đang phơi, tay cầm ngay lấy thanh tre, rồi cứ đánh mãi trên cái quần, vừa đánh vừa mắng riếc, coi như một chàng tức bực với vợ, muốn bắt mà giọt, nhưng bắt không nổi, bèn đánh vảy cho bỏ cơn hờn.

Lính theo vào, tưởng là anh chàng giận mà đánh vợ, phì cười lên, nói bốn mấy câu, rồi cứ thẳng tuột lên núi. Các hản đi rồi, cụ bình tình nhàn nha lộn về Phát-diệm. Còn nhiều tích bật cười hơn nữa, nhưng đó chẳng qua cũng là cái kể thương thân để bòn lấy ít thì giờ cho con chiêm được nhờ. Chính cái mà Ngài hi-vọng khẩn khoản hơn là được phúc vì đạo, nhưng còn phải tùy theo ý Chúa, không dám tự đắc một mình.

Hôm 21 Juillet 1861 bọn lương dân sục riết quá, cụ phải đi ăn ở nhà ông Ngân xã Tự-Tân cách Phát-diệm độ chừng 15 phút. Chẳng may có thằng nội công đưa dất, bọn kia bất thần kéo đến, bắt được cụ cùng ông Ngân giải lên tỉnh Ninh-bình. Đến ngày 5 Décembre năm đó, thời cả hai cha con được đồ máu ra vì đạo, cụ thác đi rồi mà bọn họ còn để tâm hềm khích. Các chúng xin quan xử với cụ như quen xử với các tây Dương Đạo trưởng, là chặt đầu, bêu lên cao trên mặt thành cho đủ ba ngày, rồi ném xuống sông. Nhưng cụ mà chết như thế chính là một sự vinh hiển sáng danh cho cụ vậy.

Cụ Kỳ qua đi, cụ Dững lên nối nghiệp. Ngài thuộc về Hoàng phái, tôn tộc nhà Lê, tức là một nhà đã cai trị Annam lâu năm là tự thế kỷ 15 đến hết thế kỷ 18. Trước ngài làm giáo sư dạy hán văn; sau bỏ mà chuyên các khoa học giáo Hội. Năm 1850 ngài chịu chức linh mục, năm 1861 được bổ làm chính xứ Phát-diêm. Đang lúc cụ hành chính, thời đức cha Phước (Puginier) ở bên tây mới sang, ghé thuyền qua đó. Cụ Dững nghênh tiếp ngài một cách trọng thể, rồi tìm người hướng đạo đưa ngài đến hầu Đức Cha Khiêm đang ở Kẻ-sở.

Bọn lương dân đối với cụ Dững một cách không kém cụ Kỳ. Tuy thị đã có nghị định ra tháng Juillet 1862 ban phép cho ai nấy đạo thích lưỡng đồ, nhưng bọn họ đã say máu Gia-Tô quá rồi, hễ thấy là bắt, chiếu chỉ cũng mặc, nghị định cũng thầy. Thế còn gì là tình đồng bang, anh em một nhà mà xâu xé hại nhau.

Cha Dững phải bắt ngày 20 mai 1863, giải lên Ninh-bình. Quan tỉnh muốn giết cho xong, nhưng phiền vì mắc nghị định mới ra năm ngoái (1862), người ta không phải là con kiến, giết đi sợ sau việc lộ ra mà có kẻ hạch sách bẻ bát chằng. Vậy quan dùng kế dẫ nam này : quan đòi tên cai ngục đến, dạy phải hành hình hết cách cho cụ chết rũ tù cho xong.

Tên cai ngục thừa lệnh quan, hẫ về nhà gông cùm vồ nọc, bắt cụ nằm thẳng căng trên gian đất ẩm ướt tối tăm lâu ngày, muỗi ruồi cắn đốt, cơm ăn một hạt không có, nước uống một giọt không cho, thực là trái với nhân đạo lắm vậy. Hết 13 ngày, xác cụ không còn hơi thở, thì linh hồn bay về

chầu Chúa, lĩnh triều thiên tử vì đạo. Hiện nay hai cốt của ba đảng ấy (cụ Kỳ, cụ Dũng, ông Ngân) hãy còn nằm ở hang Lộ-đức Phát-diệm, trông rằng nay mai sắp được Toà thánh phong chức thánh cho, thời vinh hiển biết là bao cho xứ Phát-diệm của ta. Cụ Sáu được nổi nghiệp hai đảng anh hùng như thế, tưởng cũng là một cái danh dự lắm vậy. Người ra sức bênh chữa con chiên cho khỏi lương dân ức hiếp. Lương dân khi ấy, họ coi giáo dân như loài nô lệ, không còn chút chi quyền lợi, không còn e sợ pháp luật chi nữa, họ cứ tự do buông cái dã man, tự do đốt cửa phá nhà, chiếm đoạt điền thổ, thế nào cho thoả tâm tình thì thôi.

Các quan biết mà điềm nhiên đề vậy. Giáo dân ai hở miệng kêu quan thời chỉ khờ thêm mà thôi. Ôi dèn giờ sao thế ! cha mẹ dân mà như vậy à ? Đường vật chất đã vậy, còn như bề đạo đức bề phong hoá lại càng suy dốn hơn nữa, điều đó dĩ nhiên ai nấy tự khác dễ hiểu, phụng sự đã không được tự do, thầy cả không mấy khi được gặp, lửa không củi, lâu dần cũng tắt, gần mực lâu ngày cũng đen, xét như ta nay các đảng hằng sẵn sóc, sớm khuya chiêm trống thúc giục, gương lành bên mắt, mà hãy còn chảy thầy, hãy còn lãnh đạm thờ ơ, huống nữa là xa chùa vắng trống thời biết đến thế nào.

Cụ Sáu nhất thiết chỉnh đốn lại mọi bề, vì rằng : con chiên phần xác mà đã bớt quần bách phần hồn tưởng cũng dễ lo chắn. Đức cha Khiêm tạ thế năm 1866 thời đức cha Chiêu (1)

(1) Trường Latinh Phúc-nhạc là do Đ. Cha Chiêu lập nên.

lên chính quyền. Một vấn đề giải quyết khó xong : phen cấm đạo, giáo dân đâu đâu cũng bị tàn hại, nhưng thảm hại nhất là làng Vĩnh-trị. Cái ác nghiệp triều thần bấy giờ cũng ví như xưa, ngựa Attila qua đâu thời cỏ đầy phải trụi đi ; đất làng Vĩnh-trị này đã bị các quan giẫm qua nhiều phen, thành ra cả cỏ cả thồ, bất luận công tư, là phải tịch một sung quan hết thảy, nói như cái danh hiệu cũng phải xoá cho khỏi sổ bộ, các làng khác lúc tha về, còn được miếng đất mảnh vườn để đỡ cái thân, còn như Vĩnh-trị khi đã được tha rộng đạo, thời nhân dân vẫn phải phiêu lưu các nơi, có về bản hương, lấy gì mà ăn, nhà cửa cháy cả rồi, điền thồ không còn một thước. Một nói xưa như thế mà ngày này như thế tưởng có thảm mục thương tâm không chứ ?

Đức Cha lòng thương con cái mà phải đứng ra nào chiêu người về ở, nào lấy lại các khoản công tư điền thồ. Nhưng việc này trăm bề khó khăn phiền phức, phải tận kinh mà liệu, phải có người khôn ngoan đủ bề thông pháp luật và khéo giao thiệp, mới trông thành công kết quả được. Đức cha và các đáng hiệp nghị hỏi ý kiến của từng người một, ai ai đều nói : chỉ có một cụ Sáu là đủ tài kham nổi, nhất là xưa kia còn ở Lạng-sơn cụ đã quen biết nhiều vì quan lớn, nay các ngài đã được thăng trật về kinh, chắc còn nhớ chốn tình xưa nghĩa cũ, hết lòng giới thiệu cho quan triều được hay những thú đoạn mà cụ đã làm hồi tại Lạng-sơn.

Đức Cha vời cụ Sáu lên Kể-sở, 2 cha con bàn tính lâu giờ cho xét lý sự, rồi Đức Cha cử cụ vào kinh liệu việc. Cụ Sáu

đưa thầy Lối đi cùng. Thoạt vừa tới kinh, cụ Sáu vào chơi với các quan chức thân thuộc, tỏ ý kiến cho các ngài bàn giúp, tìm mấy ông quan thầy có thể lực, sẵn lòng giúp đỡ, làm thân giao thiệp với các quan nội triều, đi lại với những người mà vua tin cần yêu dùng. Khi việc đã hi vọng thành công mười phần đã chắc mười một thời làm tờ tấu dâng lên lục bộ, xin số tàu cùng vua. Trong đều trần tấu, phần nhiều tâu về việc đạo :

Xin cho các dân xã đã phải tước ngạch được về thôn xã mà an cư lạc nghiệp, xin cho hoàn lại các điền thổ tài sản mà lương dân đã chiếm cùng phục hiệu lại như trước, xin cho lương giáo điều biệt quan hôn táng tế ; xin cho con nhà giáo dân được thi cử, tòng sự tại các công sở nhà nước.

Các quan trong bộ đọc đơn cụ tấu tấm tắc khen thắm, văn từ tao nhã hùng hồn, giọng khiêu toàn nại vào luật riết vào lý, các chữ trong đơn đều thâm trầm hóc hách, ghé đến luật lý cùng những khoản ước, các quan thấy thế càng thêm lòng kính yêu vị nể, cứ trao tay nhau mà xem.

Vua thăm đoạn, châu phê y thích cùng hạ sắc chỉ cho phép lập lại làng Vĩnh-trị, những điền thổ cùng đồ đạc đã tịch mật trong thời kỳ cấm đạo, thời hoàn cho cả. Thế là việc cụ làm đã được kết quả mỹ hảo như lòng Đức Cha sở ước. Cụ vào Huế tuy là khiếu oan cho dân, nhưng cũng là dịp may để cụ mật thiết vuốt triều đình, đều đó có ảnh hưởng hơn cho cái huân danh của cụ sau này vậy.

Lúc cụ còn tại kinh, thiên hạ thấy cụ học thức rộng, trí

khôn nhanh, ăn nói hoạt bát, giao thiệp giỏi, thời đều đem lòng cảm mến. Còn quan chức nội triều, thấy người tài giỏi tự nhiên cảm phục, nên đến sau gặp cơ hội chính biến, thời ai ai đều nhớ đến cụ.

Phần riêng cụ Sáu vào kinh, thời tựa hồ đi học một bài sách khôn, bao nhiêu những điều mắt thấy tai nghe, những lễ lối nơi triều, những cách chỉnh đốn trong bộ, trình, đô tri thức các quan, cung điện lăng tẩm nhà vua, các các đều chôn vào óc, đến khi gặp lúc hữu sự, thời đem ra ứng dụng. Về sau độc giả sẽ rõ : việc cụ quan sát như thế không phải là vô ích đâu.

Lúc cụ trầy kinh, ai nấy chỉ ngóng cụ về, xem việc kết quả thế nào, khi thiên hạ được rõ vua đã châu phê cho rồi, thì mừng rỡ quá sức. Các miền chung quanh cũng chia mừng sẽ vui với làng Kẻ-Vĩnh, vì những việc mà cụ lo cho, thời có ảnh hưởng cho cả mọi người, thế là từ đây thiên hạ đã bắt đầu hàm ân cụ Sáu.

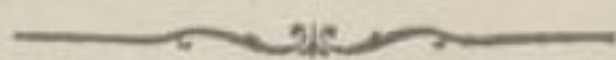
Cụ Sáu về đến Phát-diệm, thời quyết thực hành mấy điều hoài bão to tát bấy nay : tức là phụng thờ Thiên-Chúa, cứu giúp sinh linh cùng mở cảnh Phát-diệm cho nên mẫu phong nhã.

Vậy người truyền khai sông đào lạch cho nước chạy thông ra bề, đắp những đê đất cao ngăn giữ nước mặn, mở nhiều cống dẫn thủy nhập điền, cõ động cho dân giồng giọt cày cấy, dần dần những nơi xưa bùn lầy nước đọng, cỏ lau um-tùm, rong bèo chi chít, nay trở nên cảnh đồng phì nhiêu, lúa mạ xanh tốt, hằng năm cứ hai mùa đem hái ra gặt. Không mấy năm

mà đã sung túc dư tiêu. Hiện nay cái kết quả ngày thêm tấn tới, quăng từ tháng tư tháng chín mà đi trông ra cảnh đồng mông mênh bát ngát, mấy trăm nghìn mẫu lúa chín đỏ ngòn mật sắc. Tháng năm tháng mười ngoài đồng lổ nhố những bọn người gặt kẻ mót, dưới sông nhan nhản thuyền đi thuyền về, cái quang cảnh ngày mùa coi cực-mục mĩ-lệ. Bấy nhiêu chẳng qua là nhờ công ơn cụ Sáu mà nên, tưởng dầu qua mấy đời người Phát-diệm không bao giờ đền ơn cho xứng.

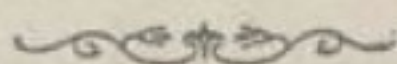
Cụ Sáu lại dùng thần thể mà bao quát cho các miền chung quanh, thời kỳ cấm cách, nhiều bọn lương dân mượn gió bẻ măng, hôi của cướp vật, nhờ cụ Sáu bình công giai trấp, bắt đem hoàn lại cho cả. Ai gặp nỗi oan ức bất luận công tư chạy đến cửa cụ, xin cứu oan giải nạn, thì đều được mãn nguyện hết, nói như đang buổi đêm thanh ngon giấc, mà hơi nghe nổi động trống mõ, hoặc phát hoả hay trộm cướp, bất cứ khở chủ là người lương hay giáo, cụ liền đem gia nhân đến cứu cấp. Những công việc cụ làm tỏ ra tình lân tuất như thế, thảo nào mà lòng thiên hạ chẳng cảm phục.

Đang khi ấy thốt nhiên nổi ra một tin làm cho náo động cả góc giới đất Nam, ai nấy giởn tóc giùng mình tựa hồ như tiếng sét nổ gần bên tai, tin rằng : lính tây đông như kiến cỏ, kéo đến Hà-thành. Thực hư chưa hay, nhưng tưởng lại có nạn huyết chiến : trâu bò húc nhau, ruồi muỗi chết, vì cái thói giết mình như thế, trót đã thành lệ mất rồi.



ĐOẠN THỨ SÁU

CỰ SÁU PHÒ TÁ CHÁNH PHỦ PHÁP NAM



Vào cuối Octobre năm 1873, quan tướng An-nghiep (Garnier) cùng với 2 tàu chiến chở 180 binh tới Hà-thành thay mặt quan nguyên súy de la Grandière có ý thương lượng với quan khâm sai Annam tên là Nguyễn-hữu-Phương về cái vấn đề của ông Đô-phổ-Nghĩa (Dupuis), tức là một nhà thương mãi Pháp muốn mở đường thông thương lên Vân-nam mà các quan người mình không cho.

Vậy quan chủớ thủy An-nghiep căn nhắc các lẽ đôi bên rồi xử cho ông Đô-phổ-Nghĩa được, nhưng mà các quan người mình, nhất là Nguyễn-hữu-Phương làm toàn quyền Bắc-kỳ, ra mặt phản đối kịch liệt, quan ấy lại truyền tu bổ thành lũy cùng chiêu binh sắm thiết khí, nhất quyết kháng cự. Quan An-nghiep thấy thế, tức mình liền đem quân lên đánh, trong thành hiện có hơn năm nghìn binh. Ngày 17 Novembre hai bên giáp trận, mới quá nửa tiếng đồng hồ mà thành đã bị thất thủ, Nguyễn-tri-Phương bị thương không chạy được nên phải bắt. Các dân thôn ồ mắng tin đó sinh náo động xôn xao, tựa hồ như ong mất tướng. Hà-nội xưa nay có tiếng là thành lũy kiên cố đệ nhất, quan quân đông đúc mạnh mẽ, ai ngờ trong khoảnh khắc chỉ có hơn một trăm lính tây mà hạ ngay được thành, nhân dân thấy thế nháo nhác cả lên, kẻ nói đi

người nói lại, sai ngoa một giờ một đất, như thế làm gì mà thiên hạ chả nhốn nháo.

Ban quan hàng ăn lương từng tháng, mấy ông là trung thần chi nghĩa, họ thấy nguy đến, liền đem thân quyền trốn chạy. Các công nha, không còn ai quản-chưởng, chính trị rối rít như tơ vò. Quan An-Nghiệp thấy tình cảnh lung tung be-bét, thì cho đi mời các quan ấy về, để nhận chức trách như xưa, nhưng các ngài hồn đã xuất ngoại mất rồi, không ông nào cả gan ra mặt. Quan An-Nghiệp muốn đặt bộ quan mới thay, nhưng mới tới Bắc-kỳ, không biết nếp tẻ thế nào, không biết ai là người đủ tư cách, ai là người dân sự mến phục. Sau quan nghĩ ra, chỉ còn một cách là hỏi ý kiến Đức cha Phước, vì người đã ở Annam lâu năm, am hiểu phong tục tính nết người bản thổ, ắt biết đường mà xử trí thế nào. Đức cha thấy tình cảnh nhân dân như thế, thời cũng vui lòng giới-thiệu cho quan biết mấy viên có tài năng đủ thế lực có thể kham nổi công việc, trong số đó có tên cụ Sáu chính xứ Phát-diệm. Lập tức quan viết giấy mời cụ Sáu lên Hà-nội để thương-thuyết. Quan cho cụ hay hậu vận nước nhà nguy ngập dường nào, cùng xin người dụng tài chống đỡ. Cụ nghĩ mình là người trong nước, gặp lúc nhà nước có việc, không nhẽ khoanh tay ngồi xem, như thế sao cho tròn chữ trung quân ái quốc, bởi vậy mà cụ đành phải khước chỉ nhận lời.

Trước hết cụ hỏi thăm tìm đến cùng các quan, xin các ngài đứng ra nhận lấy việc cai trị. Người rằng : bây giờ việc đã trót lỡ, thôi biết sao được. Nhân dân bây giờ xôn xao rồi

loạn, các công môn không ai quản chưởng, mọi việc trong nước đã hầu bế tắc, vậy xin các quan thấu tình thương dân, đứng ra an bài cho nhân dân an cư lạc nghiệp, mình đây cũng hết sức đồng tâm cộng tác, các quan có e sợ cách nào, mình xin gánh đỡ. Các quan ngần ngừ, một đảng muốn nghe, một đảng bị cái tư lợi nó ràng buộc, khó mà gỡ cho ra, chỉ e mua hại vào mình mà vợ con phải xa cách. Cụ thấy thế thì rằng : nhà nước gặp cái cơ hội chính biến, ấy là một điều bất hạnh, các quan là phần tử, tôi tưởng đối với cái chức trách của mình rất nên thận trọng, dầu có chết đi nữa, cũng là một cái vinh sang, vì chết cho dân cho nước, thì còn chi quý bằng. Những lời đoan chính đó cũng không thấu lọt qua lỗ tai các quan. Thế mới biết : dù những bậc cao văn quảng kiến, vương hầu công khanh, mà chưa trừ khử được cái tình tư kỷ, thì lẽ phải đến mấy, lời nói hay đến đâu, cũng bằng là khua trống bên tai ngựa đá đó thôi.

Cụ thấy lời mình nói ra không đắt thì xin quan An-Nghiệp tuyền bổ quan mới thay. Tân quan kinh lịch còn ít, nên cụ phải chỉ giáo dẫn đường. Người dạy niêm phong nhà bạc, ai vi nghịch phạm đến thời trừng trị nghiêm phép để làm răn. Nói tóm lại, các công việc lúc ấy là do tay cụ Sáu mà chỉnh đốn, nên chưa bao lâu mà nhân dân lại được hưởng cái thú an cư lạc nghiệp. Còn quan An-Nghiệp muốn cho tiện đường thông thương mặt bể, thời bao nhiêu những tỉnh duyên hải như Nam-định, Ninh-bình, Hải-dương và Hải-phòng thời quan ấy kéo quân chiếm lấy.

Còn như Cự Sáu công việc đã chu-tất thời tái-hồi Phát-diệm. Nhưng khi binh Pháp hạ thành Ninh-bình, có mấy vấn đề phải giải quyết, thời các quan tây nam lại mời cụ lên công nghị. Người nói tiên tri rằng : các việc bấy nay có ảnh hưởng cho toàn quốc, phỏng tiếng đã đến tại triều đình, tưởng không mấy bữa nữa mà triều đình sẽ cho đại biểu ra công nghị. Chưa cách mấy ngày mà lời tiên tri đó ứng nghiệm. Vua Tự-Đức cùng với triều đình cử đức ông Hồng-Phi, quan thượng Trần-đình-Túc và hai quan khác đi với Đức cha Sohier, Giám-mục Huế và cố chính Dangelzer đề ra Hà nội thương nghị với các quan Đại-pháp về vấn đề hoà bình.

Buổi ấy vua Tự-Đức vì thời thế bắt buộc, mới ngộ tỉnh mà biểu rằng : Các cố đến nước mình là có ý giảng truyền đạo lý thương giúp người dân, chứ không như những bọn đi chinh phục cướp nước, lấy của người mà đem chở về nước nhà, nên có lòng tin cần Đức cha và các cố. Phàm việc gì phải giao thiệp với nước Pháp là nhờ đến các đấng ấy. Nhà đạo cũng vậy đi đạo thì càng thêm lòng ái quốc trung thần cùng vua, chứ không bao giờ tụ tập làm loạn như các bọn phản quốc hại vua, nhưng than ôi sự thực nhiều khi bị mây mù ám che, thành ra các vua không rõ lòng đâu, cứ nghe bọn nịnh thần ton ngót mà bách hại giáo dân, đến khi việc quá khứ đi rồi, mới phản nản thống hối nhưng đã muộn mất rồi. Mà cái số phận giáo dân nước nào, ban đầu cũng bị bạc đãi như thế cả.

Các sứ giả có ghé qua thăm cụ Sáu, trao tờ hoà ước cho người coi, cùng xin người đi làm một. Cụ Sáu nhận lời đưa

các sứ lên Hà-nội, hôm ấy là 17 Décembre. Hai bên thương nghị cùng nhau, nhờ gặp vấn đề nào khó khuôn xử thì đôi bên đều hỏi ý kiến cụ Sáu. Lúc ấy cụ thông tư cho các quan đã chạy vào núi Thủy-sơn, phải kíp ra đầu hàng. Người đứng ra xin các quan Đại-pháp lượng thứ cho các viên quan đó, rồi bắt các quan phải làm giấy nhận lấy phủ huyện cùng các công sở mà quản chưởng như trước.

Tờ giao kèo hai nước đã gần kết quả, bất hạnh quan An-Nghiệp bị bọn cờ đen giết ngày 21 Décembre, lại có một quan binh Pháp tên là Philastre người Bắc-kỳ quen gọi là Philatô, đến Hà-nội nói rằng: Quan An-Nghiệp không có lệnh nhà nước Pháp sai chiếm lĩnh Bắc-kỳ. Còn như mình thì nhà nước cho toàn-quyền để điều đình các việc đôi bên. Các tỉnh mà quan An-Nghiệp chinh phục được thời Phi-la-tô truyền phải trả hết.

Bọn Cờ-đen giết được quan tướng An-Nghiệp, thời lấy làm danh dự bảnh bao lắm, tưởng mình đã làm nên công cao nghiệp cả, khinh bỉ mọi thứ người. Một ông quan Bồ tên là Phạm-Duật quê ở Yên-mô, tỉnh Ninh-bình, cậy thế quân Cờ-đen, bấy giờ ông ta ra mặt trị bên dân giáo vì tưởng là tại bên giáo mà bấy nay mình ra kém thế. Ông ta muốn cho bỏ hờn, thời rước ngay bọn Cờ-đen về đóng Yên-mô để hành hình cho thoả. Còn lũ văn thân, thấy quân tây đã kéo đi rồi, quan Nam thời không đủ thế lực, nên các chúng ở các xó bỏ ra kéo từng đàn từng lũ như giặc cào cào làn vào ruộng lúa. Mục đích họ không chủ tâm kháng cự người Pháp vì biết lực bất khả

kham, nhưng chỉ chủ ý đốt nhà, hôi của, lựa cái lúc đục nước béo cò mà xông cướp cho dễ. Họ lại thi hành những thủ đoạn dã man đối với nhà đạo. Những họ đạo mà phải tay các hắc đốt phá thời ngoại 200, các Linh mục các thầy giảng thời phải chết nhiều.

Hồi Philatô đến Hà-nội, thì cụ Sáu bỏ mà về Phát-diệm để bảo thủ con chiên kéo phải nanh độc văn thân.

Bồn đạo Hà-nội, Nam-định phải cực hình với lũ văn thân, các hắc lại toan tràn xuống miền Phát-diệm, may mà phát ra một câu truyện khiến các hắc phải dừng bước cắt mất.

Thiên-hạ kháo lạo rằng : có 2 tàu chiến Pháp cùng nhiều binh sĩ đã đến Phát-diệm để bảo cho các giáo hữu miền đó. Dư luận đó khiến cho bọn Cờ-đen rút quân thoái mất, còn lũ văn thân cũng phải chùng, không dám đưa mặt đến Phát-diệm nữa. Thế là miền Phát-diệm bằng yên vô sự, không bị các chúng làm hại. Vậy tại cái nguyên cớ chi mà nảy ra lời dư luận kì khôi ấy ?

Thực sự không có tàu tây nào hay là người tây nào đến Phát-diệm. Duyên cớ chỉ có thể này : cụ Sáu phong văn bồn đạo Nam-định bị bọn văn thân cấu xé, Người đoán phỏng chừng nay mai các chúng sẽ tràn xuống Phát-diệm, Người muốn đề phòng cứu nguy, bởi vậy mà sinh ra cái dư luận quái đấm ấy.

Bọn Cờ-đen cùng lũ văn thân, chẳng qua là bọn giặc bọn cướp, ý cường quyền mà áp chế người ta chứ không phải trung thần hiếu tử chi, phạm ai là trung quân ái quốc thời phải nỗ lực mà tiến diệt nó đi.

Cụ Sáu thấy mình quân gia khiếm khuyết, không trông được triều đình đến giúp, mà nguy đã đến nơi không lẽ cứ đầu hàng hảo, nên người lấy một con thuyền nhỏ, chèo thẳng đến vụng Hạ-long, thuê bọn tàu ô cấp cứu. Lúc cụ ra đi, thiên hạ không ai biết, mà cụ có ý đến dân thiên hạ cũng không hay, dư luận phân vân nhiều đường. Có kẻ tưởng là Cụ đến cầu cứu với quân binh Pháp, đương đóng ở Hải-phòng mà phao lên rằng : quân Pháp đã hòng tới nơi.

Lúc cụ đang chạy buồm đến Hạ-long, bất ngờ mà lại gặp 2 tàu chiến Pháp. Quan quân trên tàu đã nghe thiên hạ đồn thổi không khen cụ Sáu, cho nên tiếp rước cụ một cách long trọng lắm. Cụ Sáu nhân dịp, kể cho các quan hay và nói rằng : các quan có đến Phát-diệm được, thì hay quá, vì nguyên một sự thấy binh tây đến, đã đủ cho nhân dân yên ổn. Quan trên tàu, vì không có lệnh trên truyền xuống, không dám tự tiện đưa binh đến Phát-diệm, thời lấy làm phàn nàn tiếc lắm, xin cụ vì tình cũng miễn chấp cho. Quan xin cụ ở lại trên tàu, kéo có về sợ nguy cho quý thể cụ chẳng. Cụ đáp lại rằng : như quan, cái trách nhiệm của quan là phải đóng ở đây, không được tự đắc đem binh sang nơi khác, phần tôi cái trách nhiệm của tôi là phải sống chết cùng con chiên, có được chết ở giữa con chiên, tôi rất lấy làm hân hạnh. Nói đoạn cảm ơn quan rồi cứ thẳng đến vụng Hạ-long, đến nơi chẳng gặp ai, lại lộn về ngay Phát-diệm.

Người thấy không trông được người trần gian cứu viện, thì ngửa mặt lên lời, xin Chúa đoái thương, và khẩn rằng : giá

mà Chúa thương chữa con chiến cho qua cơn này, thời sẽ cất một ngôi nhà thờ kính Lái Tim Chúa. Lời cụ khẩn nguyện thời được như sở ý, bọn văn thân đi kiếm ăn miền khác, thế là miền Phát-diệm lại được thung dung như trước.

Đối với văn thân thời không còn lo ngại chi nữa, nhưng còn vấn đề hai bên lương giáo hiềm khích lẫn nhau, thời chưa hoà giải xong được. Bọn giáo dân bị vua quan bắt bớ hành tội, thôi thời cũng đành cắn răng chịu vậy. Các quan là cha mẹ dân, cả nghe lời ton ngót, quên tình phụ mẫu, đem con bỏ chợ, phần mình là con cái không nhẽ huà tập kháng cự cùng cha mẹ trong nước, bèn phải cúi đầu mà chịu cho trọn đôi chữ trung-hiếu. Còn như bọn lương dân kia, anh em đồng bang, thấy vua quan như thế, lẽ ra họ phải tìm đường ủi an thương giúp, nhưng họ chẳng thể đâu, họ tạ thế nhờ gió bẻ măng, túm nhau cấu xé, hôi của hiếp người. Khi đắc lực, hành hung thế nào, không ai dám nói, nhưng lúc thế đã nhược, thời mới lo thiên hạ oán lại. Lương dân giáo dân hồi ấy như rẽ hai bè, không thể cùng nhau đội giong chung, sinh ra hiềm khích lẫn nhau.

Các quan thấy tình hình hai bên mà lo cho cuộc hoà bình trong nước, lo cho hậu vận của nhân dân. Các ngài ra sức hoà giải : nhưng không thể nào mà an bài cho xong, bèn bàn rằng : việc này tất phải nhờ cụ Sáu giải quyết thì mới xong. Các quan mời cụ lên tỉnh thượng nghị vấn đề lương giáo, cùng tìm phương cách để duy trì lấy cuộc hoà bình đôi bên. Cụ Sáu vẫn mong cho nhân dân yên ổn, thấy có giấy mời

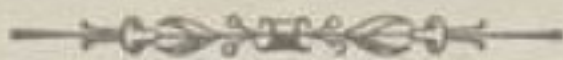
thời quyết ra đi. Người lấy một tên hầu, xuống con thuyền nhỏ bảo chèo lên tỉnh. Con chiên thấy cụ lên tỉnh là nơi 16 năm về trước, đã chín linh mục phải xử tử, mà trong số đó có 2 đáng trước kia đã làm chính xứ Phát-diệm, thời sợ cho cái tính mạnh của cụ, hoặc sẽ bị mưu mà không về Phát-diệm nữa chẳng. Các viên chức cùng cả nhân dân kéo đến xin cụ thương mình mà ở lại. Cụ Sáu không nghe, cứ xuống thuyền trẩy đi, các bồng đạo theo ra chạt ních bờ sông. Lúc nhỏ sào tiếng khóc như gi, thuyền đi giữa sông, người trên bờ lũ lượt đi theo, ai ai cũng tưởng rằng : trông thấy cụ lần này là lần sau hết. Cụ thấy con chiên cứ lũ lượt theo sau, thời ra mũi thuyền nói mấy lời này : chúng con phải vâng lời cha mà lở về, chúng con mến cha thì hãy mến một cách hùng dũng, chứ đừng mến một cách riu rít như thói nữ nhi làm chi.

Các quan tỉnh nghênh đón cụ một cách long trọng lắm, tự bến đến tỉnh 2 bên rìa đàng 2 hàng binh lính súng ống đứng trực, các quan chức thân hành tận nơi để đón rước cụ. Cụ thấy binh lính giáo mát oai vệ, cũng có phần hơi lo, nhưng dong nhan bề ngoài cứ ở bình tĩnh. Thuyền ghé đất, cụ lên ngay, đi mạnh bạo giữa hai hàng binh, vào thẳng đến nơi các quan đang hội. Các quan thấy cụ liền đứng dậy bái chào. Người nói với các quan rằng : tôi tới đây duy có một tên hầu, khi giới chỉ có một cái khăn tay này, còn như các quan ra đây khi giới binh lính đông lắm !!! Các quan mời cụ về dinh, lúc lính pha trà bưng khay nước lên, các quan mời cụ lấy, cụ cầm khay nước xoay nửa vòng, cái chén bên góc cụ thời lại về góc

bên quan thượng tức là Trần-thiết-Clinh, rồi mời các quan lấy trước. Cự làm như thế không khiếm lễ chi mà lại ý tứ lắm, giả hoặc có mưu sử cách nào thời ứng hiện ra ngay.

Cự và đảng quan đàm luận với nhau một cách thiết tình, việc xong cự lại xuống thuyền, các quan cho lính tiễn, nhưng người xin thôi.

Cuộc hội nghị này chóng đồn lan ra, cự Sáu về loan báo cho lương giáo các nơi phải đề huề liên nghĩa. Cái thế giá của cự làm cho nhân dân khâm phục cùng nức lòng hoan nghênh những lời người giảng răn, cho nên dần dần đôi bên lại liên hiệp cùng nhau như trước. Vua Tự-đức nhớ công ơn đó, nên trong một sắc kia có châu phê mấy lời khen cự rằng : « Cự Sáu đủ năng lực dẹp yên lương giáo Bắc-kỳ, đó là một người rất trung thành, thiên hạ điều biết, triều đình in trí rồi, phải kính vâng như vậy ». (Nguyên châu phê Trần-Lục lực năng biểu chấp Bắc-kỳ lương giáo, nhất phiến trung thành, thiên hạ cộng bạch ; chiêu đình tín chi Khâm thử.)



ĐOẠN THỨ BẢY

CỰ SÁU KIẾN TẠO THÁNH-ĐƯỜNG.



Đọc mấy đoạn trước, phỏng còn nhớ rằng: hờn cự Sáu còn tại Lạng-Sơn, Ngải ngã bệnh nặng, thập tử nhất sinh, nên đã khẩn cùng Đức Bà rằng : Đức Mẹ mà cứu qua phen

này, thời sẽ kiến trúc một nhà thờ kính Đức Mẹ, mình có sức làm được ngần nào, thời sẽ làm ngần ấy. Lại sau cũng đã khẩn làm một nhà thờ khác kính Lái tim Chúa như mới vừa thuật ở trên.

Bấy lâu trước những vương trở cấm cách loạn lạc luôn, không thể thi hành ngay được, đến nay dân an quốc thái, thì người bắt đầu khởi công.

Nhà thờ không phải như cây tự đất mọc lên, muốn nổi lên một nóc nhà thờ, tức phải trừ số kinh phí, sắm sửa vật liệu, phải do nhân số mà trừ tính công việc, một đất tân bồi như đất Phát-diệm bấy giờ, thời việc trị chân móng lại càng khó khăn phiền phức.

Tự khi cụ Sáu trọng nhậm Phát-diệm, số người thiên hạ kéo đến mỗi ngày càng thêm, trông qua quang cảnh vô ngoài, ngờ rằng : dân cư phồn thịnh trừ mật lắm lắm, nhưng kỳ thực mới hồi tỉnh lại vậy thôi.

Công việc lớn lao cả thể, kinh khí kẻ có ức triệu, thế thì lấy tiền của đâu mà chi phí cho đủ ? cái lòng cậy trông Chúa, cái tài trí khôn ngoan khéo xếp tính lợi, ấy là của cụ Sáu dùng mà sáng tạo bấy nhiêu cái cảnh trí đó, người lợi dụng cái kế tích tiểu thành đại.

Cứ mỗi vụ, quyền giáo mỗi nhà 3 đấu lúa, bằng ấy tưởng chẳng vật thử chi, nhưng mà một nhà 3 đấu lúa, 100 nhà 300 đấu, trong 12 năm, mỗi năm 2 vụ, xem số tổng cộng đã thấy khá to. Đến kỳ lúa gạo kém, đồ ra bán, thời được món tiền cũng khá. Cụ lấy món tiền đó thuê rẻ một đám đất tân bồi

còn đề hoang, trong vòng 10 năm, sai những tay thạo việc đi khẩn. Cách 2 năm bãi cỏ đã trở nên cánh đồng mông mênh lúa mạ rờm rà. Cụ lấy hoa lợi hằng năm ; mua một khu đất 14 mẫu, cùng sắm sửa vật liệu như đá gạch, gỗ tre v. v.

Lương dân có nhiều người hảo tâm, vì lòng mến cụ mà dâng tiền nong công đức vào việc làm nhà thờ, nhưng người không nhận. Người muốn cho Phát-diệm được nhờ các công ân vĩnh viễn của cha ông, nên ai có dâng cúng mà là người ngoại xứ, thời người cũng không lấy. Người năng giảng rằng: « Cụ chỉ vất mồ hôi nước mắt chúng con mà làm việc kính Đức Mẹ, để con cháu chúng con được nhờ cái bóng nhà thờ Đức Mẹ che chở, chứ như cụ muốn lấy của những người ngoại xứ hay là lương dân mà làm, thời không thiếu, nhưng như thế thì người ngoài họ giành mất cái công phúc chúng con.

Khách du lịch ngoại bang đến Phát-diệm, một cái họ lấy làm tài trí khôn ngoan lạ lùng, là xưa kia đường vận tải khó khăn, máy tân thời chưa có, làm sao mà vận tải được những gỗ đá to lớn đường ấy về nhà, làm sao mà đem gỗ đá ấy lên cao đường ấy. Những gỗ có cây nặng tới 10 (1) tấn, đá có viên to đến 7 thước tây phương lập, nặng đến 6, 7 tấn, thế mà đưa lên cao những hàng 11, 12 thước tây. Không biết tài trí thế nào.

Năm 1862, Phát-diệm chỉ có một nhà thờ tranh như lều lúp túp. Năm 1871 được một nhà thờ khác rộng rãi lịch sự

(1) mỗi tấn là 1000 kilos.

hơn, đến năm 1891 mới có một thánh-đường nguy nga, cao sang rực rỡ như thấy hiện nay.

Trước khi kể lịch sử từng ngôi nhà thờ, hãy xin hoạ ra một bản đồ chung, đọc giả học qua, rồi ta sẽ cùng nhau thưởng ngoạn từng nơi.

Trên một khu đất chạy dài 200 thước tây, mở rộng 115 thước, chiếm địa vị giữa là toà chính thánh điện, danh hiệu là nhà thờ rất Thánh Mân-Côi, đầu nhà thờ trở về may, một con đường đâm thẳng lên toà Giám-Mục ; xa xa hai bên có hang Lộ-Đức, núi táng xác cùng hang Be-Lem, tả hữu thánh-điện bốn ngôi nhà thờ song đối hai bên, án tiền thánh-điện một nhà phương đình rộng rãi rung rinh toàn thể bằng đá ; hai bên phương đình có bốn học đường một tầng, qua sân tiền đình, thì tới một ao hồ rộng chừng bốn mẫu, giữa hồ nổi lên một cù lao nhỏ, trước cho là gò Pathmas, rầy mới xây một đài cao để tượng Lái tim Đức Chúa Giêsu làm vua, tượng cao độ 3 thước tây, chung quanh có vườn hoa giậu sắt, lại có cầu, tự cù lao thông ra. Bao cả các thánh điện cùng phương đình có tường xây cao, có bốn cổng đá thông ra các ngã. Ấy là bản đồ vắn tắt, muốn quan sát kỹ lưỡng hơn tưởng phải viếng thăm từng nơi... mới có thể bình phẩm cho chắc chắn.

Năm 1875, cụ Sáu đã xây một non bộ đặt tên là hang táng xác, vì tuần lễ thánh khi diễn kịch thương khó, thời rước xác Đức Chúa Giêsu mà táng tại đó.

Cụ Sáu nghĩ ra một cách kiến trúc tối tân, không cheo

leo mà thích hợp cho cái thời buổi chưa có máy móc. Khi xây hang đá, khi dựng phương đình cùng khi xây dốc nhà thờ, thời cứ dùng một cái phương sách đó.

Hễ xây lên cao chừng nào, thời ngoài đắp đất cao lên chừng ấy, mà đắp xoay xoay làm thành nhiều cấp, lên xuống mau chóng, mà trục đá dưới lên cũng tiện lắm. Ngoài đã có đất như thành chống đỡ, các hang hốc ở trong thời cát chèn vào cho đầy. Đá hồ căn vững, núi tự mình có thể đứng vững giữa giới, bấy giờ mới rõ đất, cùng moi cát ra, thế là từ đấy bão to gió lớn đã trải nhiều phen mà núi vẫn không núng không chuyển.

Cái hang táng xác đó toàn là những đá lớn lao đã lấy ở hang thiên tạo, cái hang nhân tạo mà mặc lấy lối thiên tạo, thời coi hết như là một cảnh thiên nhiên vậy. Hang này cao độ 12 thước tây, diện tích cũng chừng ngàn ấy, đứng về phía hữu trên nhà thờ lớn.

Muốn vào ngoạn cảnh, phải qua một cái cầu ngói, bắc trên một cái hòn cạn, giã ra như là tại mưa gió nhiều, nước trên đồ xuống mạnh mà, lâu lâu đào khoét thành hòn thành khe. Đi một vài bước, thời tới nơi táng xác. Muốn vào sâu hơn, phải mượn người hướng đạo cho, không nên tự quyết một mình, kẻo lúc muốn ra lần quần không mò được lối, mà la hò cũng không ai nghe, vì những ngách ăn lên ăn xuống, thông ngang thông dọc, thời như hang toại đạo đời cấm đạo Roma. Lại nên sắm một ngọn đèn hay cây nến chi, để soi đường mà đi kẻo bị những chùm thạch nhũ, nó phang cho

võ dầu u trán. Những chùm thạch nhũ đó rất nhiều, từng chùm từng đồng như quả sung quả vả, có cái sắc tím sắc vàng, có cái màu xanh màu biếc ; đó là cái cảnh tượng chấp chảnh, mượn màu thiên tạo, hững vẻ thiên nhiên, cho bắt mắt trần ai thưởng ngoạn. Mặt ngoài hang, chung quanh um tùm những cây cỏ thụ, giữa khoảng sen lộn các thứ cỏ cây, lại có thứ đặng thẳng rặng rịt khắp cả trên dưới. Những cây cỏ thụ đó, có cây trông đáng bảy tám mươi tuổi, chắc là theo về tự khi cụ xếp núi xong. Còn như những giống cỏ hoa từng tạp làm cho rôm cảnh nhiều sắc là do chim chóc cùng gió đưa hạt giống từ xa mà lại, hoá ra ngày ngày thêm nhiều thứ hoa mới lạ, coi thực là một chốn phồn hoa, hương sắc đủ màu, bướm ong rộn rã.

Các ngôi nhà thờ cùng các núi cảnh trong cung thánh-đường, cụ đã làm năm 1871 là có ý ướm thử sức đất tân bồi, đề lựa cách làm nhà thờ lớn là việc cụ lưu ý đã lâu. Hồi cụ lai kinh, đã quan sát nhiều cung điện, nhiều lăng tẩm. Ngài lưu trí đến những cái mô rặng diềm-lệ hơn, đề mô phỏng khi sáng tạo thánh-đường, nhưng vì bấy nay phương trở nhiều bề, chưa thể khởi công thi hành ngay được.

Hiện đã nhiều người khảo cứu những công cuộc của ngài, như sáng lập cung điện, an bài cảnh trí, như tổ chức lên những họ đạo lớn nhỏ chung quanh, những tài mưu tá phù chánh phủ Pháp Nam, những đề điều sông ngánh ngài đã tu trúc, khai thác cho lợi việc nông, thời đều tán dương cụ là một bậc siêu quần bạt chúng, nhưng không hiểu bởi đâu mà ngài

tài mưu lợi dụng được cho những công cuộc vĩ đại như thế được lập thành.

Muốn giải vấn đề đó, cứ xem lịch sử của ngài, thời dễ hiểu được. Đại khái : ngài có lòng nhiệt thành với Chúa, dùng hết tinh thần, trí sức mưu cơ, cho phiến tâm nhiệt ái của mình hiển tượng ra bề ngoài, đề nên gương khuyến khích hậu lai, ngài lại khôn ngoan, lợi dụng nhân trí nên dễ khám phá ra những cái quan niệm thích thời ứng dụng, cho nên bao nhiêu phương pháp phải có cho việc dễ thành công, thời ngài kiểm soát được cả ; như vậy thời việc lớn lao thế nào lại chả xong. Cái huy chương của ngài cũng có ảnh hưởng biển thông khắp cõi Bắc Nam, khác nào cờ hiệu chiêu ứng, làm cho các văn nhân tài tử, rắp những đua tài thi xảo, tới tấp đến hầu, mà ngài lại là bậc tri nhân thiện nhậm nữa, thì cái cuộc rồng mây gặp hội, có hẹp chi cái nổi vấy vùng. Các ơn kỳ ngộ đó vừa làm cho đấng văn nhân thoã nguyện bình sinh khác nào ngư đắc thủy ; vừa làm cho công cuộc vĩ đại của người được chóng hoàn toàn.

Đừng kể những bậc tài danh như bang Tá, bang Nhân (Thanh-hoá) Cử Thiện (Nam-định) Bang Lối (Ninh-bình) hai ông này đáng gọi là Trì-nang, cùng là tay văn hành công khí rất giỏi, ví được như Craterô và Callisthènes là hai vị nghĩa thiết nhất hạng vua Alexandre cả. Như vậy bộ nhà công-sanh của ngài không thiếu những người tá lý giỏi giang. Còn những tay khí võ thụ dực trong nhưng khi đột thâm mạo hiểm mà vẫn kiên tâm hùng dũng như Lành-Luông, Đốc-

Phan, thì cũng chẳng thiếu, hoá ra cuộc giao thiệp và đối đãi với khách địa bắc nam, cũng có phần tao nhã xuất sắc, mà nhưng lúc điều bài như lý như tiền tặc trấp-an thời cũng dễ phương bảo toàn thể là cai chức vụ trấp an của cụ xong ông, tưởng cũng không có lạ gì. Còn việc tạo tác lâu dài, điện các, núi non trong cung thánh; thời có hai người rất giỏi cứ noi mô phỏng của cụ mà mô, nghĩ ra những cách kế lợi dụng cho việc vận tải những gỗ to đá lớn trong các cửa rừng về tới Phát-diệm, cho đủ làm nên bấy nhiêu đền đài trong 15, 20 năm.

Người thứ nhất là phó Bá là một người nghĩa thiết cần của cụ, còn một người nữa, ta gọi là ông tướng lao-động, vì bao nhiêu đá gỗ lớn nhỏ đã thành lập ở Phát-diệm, là bởi tài mưu của ông cả, ví những công lực lớn lao như thế mà cụ được ông này, thời cũng là ngư đắc thủy vậy. Cái nghĩa hiền tri hiền ở đời, thì cách cụ trọng nhậm và đối đãi với ông này, đủ giải quyết xong rồi, song mỗi khi xem thấy những viên đá rất lớn, những cột gỗ rất to trong cung thánh, mà muốn khảo tổ nó ra, ắt còn phải cứ ông này mới xét ra được, cho nên sẽ để dành khi kể việc lấy đá gỗ v. v. sẽ nói tên ông.

Khi cụ trừ tính các thứ vật liệu đâu vào đấy xong, thì giao cho ông này phải cứ mẫu đó mà sắm sửa cho kịp hạn, những thứ nào phải lấy trên rừng Đoài, thì đã có Đốc Phan cán đáng. Ông này khi hạ thành Sơn-tây đã làm than mưu cho các quan, nên dàng lối về ngách ấy, ông ta thuộc lắm. Còn những thứ phải lấy ở Bến-Thủy (Nghệ-an) châu thường,

ngọn sông Sủ và Quảng-Hoà, Hội-xuân, ngọn sông Mả, (Thanh-Hoá) thì là việc ông tướng Lao-động đấy. Tiên vàn ông phải xông đột vào các cửa rừng, ro la cái nhánh sông, trù dạng vận tải.

Mạn tây bắc Phát-diệm, xa chừng 30 cây, có một xứ lắm hầm đá tốt khá gọi là xứ Thiện-dưỡng. Vậy ông tướng Lao-động lên ở xứ ấy lâu tháng, đốc thúc cho bọn thợ ông đã đem lên. Những đá xây lên bấy nhiêu nhà thờ, phần nhiều là đá Thiện-dưỡng. Hiện nay còn mấy viên đá rất lớn từ khi cụ Sáu qua đi rồi thì chịu phép đề không đó, có cân ra thì mỗi viên nặng tới 20 tấn !

Trong cái thời buổi cốt-mìn chưa có, máy móc cũng không, lấy được bấy nhiêu đá từ trên núi xuống, rồi lại chở về mãi đến Phát-diệm, biết bao công trình khó nhọc, xin độc giả tự mình lượng lấy.

Những đá làm thành nên bấy nhiêu nhà thờ biết là bao nhiêu, thế mà bắt luận viên đá nào hể mà hỏi ông : hòn đá này lấy ở đâu, hòn đá kia lấy từ bao giờ, làm thế nào mà lấy được, làm thế nào mà đưa về, thì ông luôn miệng đáp lại ngay, không phải nghĩ ngợi chi, ra như ông đã vì nó mà trải muôn phen khó nhọc, cho nên đã thuộc lòng nguyên tổ cùng tên tuổi những viên đá đó.

Khi cụ đã về rồi, ông vẫn còn giữ trách nhiệm của cụ ủy thác cho bấy lâu là phải trông nom các nơi trong cung thánh, nhưng đôi khi ông cũng tự phụ mà kể lại : thừa còn đang xây cuộng đình, nhiều lần ông đã xin cụ là phải làm như vậy, như

vầy mới được, mà cụ cũng cho là lời nói có lẽ. Bao lâu ông còn sống, không sửa đổi chi, mà chẳng có ý kiến của ông, ông đã đặt danh là tướng « lao động » thì ta gọi luôn là ông tướng Đá cũng hợp mong.

Bây giờ xin kể qua cái cách ông lấy đá rồi đem về Phát-diệm là thế nào. Trước hết ông lựa lấy những khối đá liền, càng to càng hay, rồi các đục quây vào làm cho mau đến khi gần bầy ra được thì bọn phu lao động từng mấy mươi người kéo đến, vác đòn nẩy, đòn bầy, toàn là những thứ rất cứng cát chắc chắn, lại có bọn khác thừng chảo đưa đến, những thừng chảo này toàn bằng hợp bằng tre, đánh lại ràng buộc đầu vào đấy, rồi mở hò, trên bầy dưới kéo, bằng ấy con người cùng nhau nỗ lực đua kéo thì hòn đá phải lặn xuống, tiếng kêu vang một góc giới, xong rồi bần nó lên trên một cái trục bằng gỗ, rồi có độ chừng một vài trăm cu-li vừa kéo vừa đem đến bến. Hồi ấy nước Nam mình đường vận tải còn hẹp hòi lắm, xe cộ cũng chưa phát minh ra được, thuyền nan thuyền ván thì là vật gì cho những viên đá lớn lao bề dài hơn 4 thước tây, cao 1 thước rưỡi, giầy 70 phân tây, nặng tới 20 tấn.

Vậy ông lấy nhiều luồng nứa cuốn lại thành mảng lớn, rồi bần đá từ bến xuống, đá nặng mà bè vẫn cứ nổi ; nhờ đó mà đã đem được đá về đến Phát-diệm. Còn gỗ thì sao ? Cụ chi cần những gỗ to gỗ quý, mỗi một không ăn, mà làm nhà thờ kính Đức Bà, nên phải vào mãi tận Bến-thủy mà mua mới được.

Ai học địa đồ còn nhớ : Bến-thủy là một cảng-phụ, gần

cửa sông Cả, xa Vinh chừng 3 cây số, thuộc hạt tỉnh Nghệ-an, xưa kia là một thị trường tồ những gỗ lim.

Hiện nay khách phương xa đến quan chiêm Phát-diệm, trông thấy sáu hàng cột trong nhà thờ chính, to lớn lạ lùng, bào dẻo rồi mà mỗi cột chu vi còn những 2 thước 40 phân tây, thời ngẩn ra không biết người lấy trồng rừng nào mà được gỗ quý và to lớn dường ấy.

Bến-thủy xa cách Phát-diệm 200 cây, vậy làm thế nào mà tải về ? Mặt bộ thì xe chưa có, đàng chưa đắp, mà khiêng thời phải có sức như Samson mới được ; còn như lối thủy, vận hà thời bé nhỏ, lắm khúc lượn quanh vòng thúng, đi đi về về hao ngày tồn tháng, lại phải tùy con nước thẳng giáng mới đi được, như thế thì đời nào mới được một chuyến.

Vậy chỉ còn trông một lối bẻ nữa mà thôi.

Bẻ mảng chuyển này không kham được nữa. Lúc giờ yên gió lặng còn nguy thay, nhưng bất hạnh giông tố nổi lên, sóng đưa bè lên rồi lại ném thụt xuống, như thế độ mười lần thì còn gì là bè là mảng, giây nào chẳng cho lại, sức nào chèo cho xuề !

Vậy chỉ còn một cách là vượt mảnh, nhưng gỗ có nhẹ đâu, có cây nặng những 10 tấn, thế thì đưa lên thuyền thế nào được ; mà cho rằng : kéo lên được nữa thì lẽ gì mà thuyền khỏi nhào ụp xuống.

Cụ Sáu sáng nghĩ được một cách là gỗ nhỏ thì xếp lên trên thuyền, còn những cây lớn thì buộc kèm vào hai bên hông. Lựa chiều sóng xuôi gió thuận, căng thẳng buồm lên,

mũi thuyền lườn qua các làn sóng, thẳng một mạch là tới Phát-diệm. Dân phu đề ra trục gỗ lên, thuyền nhẹ nổi bênh bênh, rồi lại sắp sửa quay mũi vào chỗ luôn chuyển khác, cứ mãi thế.

Cụ Sáu chuyên sắm những vật liệu như thế đủ 10 năm tròn, cốt là kiến trúc một thánh đường chính toà rộng rãi nguy nga, để tôn kính rất thánh Mân-côi. Trong 10 năm, nào đá ở Thiện-dưỡng, nào gỗ ở Bến-thủy và miền thượng du sông Mã và sông Sủ tải về xếp từng đống cao. Những đá to lạ lùng, những gỗ lớn phi thường, khiến cho tiếng đồn lừng lẫy ngày một vang xa, khách thập phương tới xem mỗi khi một đông. Nguyên thấy vật liệu mà đã náo động như thế rồi. ! !

Nhưng có một việc khẩn yếu, cụ Sáu phải thi hành trước là cái nhờ người khẩn hứa hồi lưu tại Lạng-sơn : « Giá mà Đức Mẹ chữa cho khỏi bệnh thì khi mình về xứ sở sẽ làm một nhà thờ rất đẹp cảm tạ Đức Mẹ, tài lực có thể ngăn nào thì sẽ làm ngăn ấy ». Vậy người tính xây một nhà thờ toàn đá hết thấy, định chỉ dùng những thứ đá hảo-hạng nhất, chứ như đá Thiện-dưỡng không được dự phần vào đấy.

Gần tỉnh lỵ Thanh-hoá có một quả núi, nhân dân quen gọi là núi Nhôi. Đá núi ấy quý lắm, nhưng lại là núi nhà vua, chỉ được dùng mà xây lầu đài cung điện nhà vua. Cụ có xin hẳn các quan chẳng cho. Thế mà cụ quyết lấy cho kỳ được đá núi ấy để làm nhà thờ kính Đức Mẹ.

Sông Mã tức là con sông phát nguyên từ Lào, chảy qua gần tỉnh. Các quan muốn cho trong tỉnh kinh tế thịnh hành

dân cư no ấm, thời đào một con sông từ tỉnh đi gần núi Nhôi nhập với sông Mã, rước thuyền bè ở ngoài tới buôn. Từ đấy việc thương mại mỗi ngày bành trướng thêm lên.

Đến năm 1883 nước Pháp chinh phục Bắc-kỳ lần thứ hai, các quan tỉnh Thanh muốn phòng bị kéo tàu chiến tây ngược sông Mã vào lối sông xẻ mà nhập thành, thời truyền lấy đá trên núi Nhôi vớt xuống đầy lòng sông, tưởng thế là đã vững lắm rồi.

Hồi ấy tàu tây chưa mọc cánh nhưng thành cũng bị thất thủ. Các quan tồn công khó nhọc rồi núi ngăn sông mà thành ra chỉ mua cái khó cho mình : có con sông vận tải thực phẩm nuôi cả một tỉnh lớn, giờ đã bị chẹn mất rồi, thuyền ngoài không leu vào được, mà thuyền trong cũng bắt đặc chui ra. Việc thương mại ngày thêm ngưng trệ, tiếng dân ca than như ong đốt sau lưng. Các quan muốn tế khốn phù nguy, nhưng thế lực bất kham. Đá từ trên lao xuống, việc dễ mà mau, nhưng mãi từ lòng sông moi lên được tận bờ, tưởng không phải là dễ mà tiền chi phí phải một món khá to.

Cụ lợi dụng những điều kiện văn, biết lòng dân yêu cầu, ý quan trên sở ước, mặt khác lòng mến Đức Mẹ như trống hăng thúc bên tai, vậy cụ chẳng quản mua lấy khó nhọc, làm đơn tình nguyện lấy đá lên, chi phí bao nhiêu xin mặc mình gánh cả, chỉ xin một điều là phạm những đá lấy lên thì các quan phải ban chữ tự do đề mặc mình lấy, nhân thế xin cả đá trên núi Nhôi nữa.

Các quan mừng thầm mà chuẩn y ngay. Cụ bắt tay thực

hành, cách vài ba tháng, các thuyền bè lại lênh đênh theo dòng sông Mã mà vào thông thương với tỉnh.

Thế là đã có đá tốt mà xây nhà thờ như lòng sở ước.

Nhà thờ này danh hiệu là nhà thờ Lái-Tim Đức Bà, toàn thể bằng đá ; nền đá, cột đá, xà đá, vách đá, chiền song đá, nói tóm lại : là nội nhà thờ không có một mảnh gỗ, một hòn gạch nào lọt vào. Nhà thờ rộng 9 thước, cao 8 thước, dài 18 thước chia làm 5 gian. Hai bên gian trên có bình phượng hàm thư chạm bong, ở giữa những hoa cùng lá. Hai bên gian dưới khắc hình hai sư-tử bờm rài rũ rọi, bộ tướng uy nghi. Trên đốc hậu chính giữa là một toà bằng đá, tượng Lái-Tim Đức Bà đứng trong, chầu hai bên toà, là hai ngọn tháp hình tiêm đầu khuê lập.

Nhà thờ ở biệt hần một khu về mạn tây may, những người ưa thích tỉnh mạc, những kẻ gươm mác đau lòng, thường hay đến nguyện cầu ở đó.

Vậy ông tướng Lao-dộng có công trọng nhất, khi kiến trúc cung điện thánh đường, và cũng là người nghĩa thiết cần của cụ mà ta vẫn đặt tên huân biểu mãi, đó là ông trùm Việt. Không những ông đã khuôn vác gỗ về mà lại phải đốc công mãi cho đến khi xong việc.

Khánh thành nhà thờ đá vừa xong, cụ Sáu bắt tay làm nhà thờ Lái-Tim Chúa, như lời đã khấn hồi năm 1874.

Nhà thờ này thân cốt toàn lim, bề rộng 12^m, cao 9^m dài 25^m, phân làm năm gian, và một trái kiệu, cột tròn mà kẽ ra làm nhiều múi. Trên xà ngang dọc, hoa mọc tứ tung, nào nhỏ

miếng nào thạch lựu, trông rất thanh nhã. Đẹp nhất là cái cửa cuốn nhà thờ, chạm bong thật rõ kỳ công, coi như hoa ngoài vườn do một tay tài tình đem đặt vào đó.

Một quan thống-sứ Pháp đến thăm cụ Sáu, thấy cái cửa điêu khắc thần tình, đem lòng quyến luyến, xin nài cụ gửi sang Ba-lê (Paris) dự cuộc đấu xảo vạn quốc.

Cụ Sáu nghĩ một lát rồi lả lơi rằng : « Thừa quan lớn, cửa này tôi làm là có ý dâng kính Lái-Tim Chúa, đem đi đâu một lát mà vinh cho tôi mấy, tôi cũng không ưa. »

Nhà thờ này ở về mạn đông, ngày thứ năm tuần thánh, kiệu Minh Thánh từ nhà thờ chính xuống để ở đấy cho các giáo hữu kính chầu.

Tiếp năm sau, cụ Sáu khởi công cất nhà thờ chính toà mà người đã sắm sửa vật liệu những mười năm trước.

Hồi cụ còn tại Huế, đã mục kích nhiều cung điện lớn lao. Vậy cụ còn quyết làm một nhà thờ còn lớn hơn cho cân xứng với địa-vị của một vua cả lời đất.

Nhà thờ này rộng lớn, cho nên trị chân móng mất to công cùng khá của. Đến ngày đã chỉ thấy kể từng mấy trăm cán móng vác đến. Người truyền phải đào cho rộng và thật sâu rồi những gốc tre kể từng ức triệu đóng xuống liền khít khắp mặt đất, đoạn rải cát và đá giã trên. Ban đầu tay không cầm xuống thùn thụt, sau vỗ thẳng cánh đập mạnh cũng cứ chối ra, mới đem từng trăm bè tre cuốn lại, xết ngang xếp dọc, ràng giữ lấy nhau cho chặt, trên hết thì đồ hồ pha lẫn đá giã nện cho thật chắc.

Năm 1891 cha con cùng nhau ăn tết xong, thì bắt đầu chiêu thợ khắp vùng. Nào thợ xẻ, nào thợ mộc, nào thợ nề, nào thợ đá tuấn đến Phát-diệm ; phân làm 10 bọn chia tay cộng tác, còn như dân cư Phát-diệm thời làm tiểu công.

Người đông như kiến cỏ, việc làm có sở mỗ, ai cũng vì lòng nhiệt thành xui đẩy, lại cái lòng yêu mến cụ nó kiến cho việc càng mau càng chóng. Chưa đầy ba tháng giời mà đã nổi cao được một nóc nhà thờ cao sang rực rỡ. Độc giả phần nhiều đã từng thấy chụp bóng nhà thờ này, tưởng không cần tả rõ làm chi, chỉ tiếc vì xem trong chụp bóng, không thấy rõ những pho tượng đá, đã khắc bốn mặt phương đình, và nhiều tích mẫu nhiệm Mân-côi ở cuối chái kiệu rất là kỳ công.

Nhà thờ rộng 24 thước, cao 16 thước chạy dài 80 thước ; phân làm chín gian với một chái kiệu dài chín thước, có năm lối vào. Đỡ lấy cả bốn mái thời là 48 cái cột lim lớn toàn lối ở trong sáu hàng nhà thờ. Những cột ấy to lớn lạ lùng, chu vi mỗi cái tới 2 thước bốn mươi phân tây ; còn như bề trường, 16 cột giữa lòng, cao 12 thước nặng 7 tấn, thẳng như tên bắn mà tròn như tiện, vân vi nổi lên rất đẹp ; phàm khách quan chiêm nom thấy bốn mươi tám cái cột đó, tự nhiên có một cái mãnh lực chi nó hút kéo mình lại gần, tay mân mó, rán mắt nhìn xem mà trong lòng ngỡ ngỡ khen lao.

Phía hai gian trên, trồng chấn song đá, trên khắc 14 nơi thương khó bằng đá, những người đóng vai ăn vận toàn quần áo nam, Philato mình đóng áo thụng, đầu chụp mũ tế, chân đi hài cao

Clinh bàn thờ là một viên đá toàn khối dài 3 thước tây 10 phân, rộng 82 phân, cao tám mươi ; có năm bậc lên xuống hết thấy đều bằng đá.

Phông bàn thờ ghép những tấm gỗ do những lười chàng tinh xảo đã trổ, sơn son thếp vàng rực rỡ sáng láng như thiên đàn vua Clodoveo. Chính giữa mà tận thâm cung, một tượng Đức Bà ẵm bế Đức Chúa Giêsu đứng trong toà đầy tua ren cùng hạt ngọc, trên chóp mai luyến có nhiều thiên thần mặt trắng cánh vàng hai bên rìa xếp sáu hàng ảnh phân đối nhiều khuâng.

Ấy là đại khái bàn thờ chính, còn hai bàn thờ cạnh hai bên cũng theo một lối ấy, nhưng nhỏ hơn.

Các gian dưới hai bên toàn là cánh cửa gỗ, không những tiện đóng vào mở ra, mà lại dịp lễ trọng thường nâng cất đi cho hết, để khi đông quá, thì những người chậm chân phải qui ngoài, thông công nghi lễ thời trông xem cũng rõ.

Gian dưới cùng, hai bên đặt cửa sổ bằng đá chạm trổ kỳ công. Giữa khắc hình một con sư tử to lớn, tướng mạo hùng hồn, bờm dài, lông trụi đáng như đang muốn thu sức để nhót qua một hón nào rộng, chung quanh chạm những hoa chen lá giắt. Mặt trời cứ các kẽ hoa lá mà giải ánh sáng vào lòng nhà thờ.

Tiếp ngay với gian ấy thì đến chái kiệu. Chái kiệu hết thấy bằng đá, biệt làm năm cửa, mỗi cửa đo dài chín thước, trên cửa chính có một viên đá dài 4 thước 20 phân, cao một thước 50, giầy 70 phân tây. Mặt ngoài chái kiệu, khắc tích

mười lăm sự mầu nhiệm Mân-côi. Trên nhà thờ đi xuống năm sáu cấp, qua một cái sân dài 25 thước, rộng 15 thước thì đến phương đình.

Những gỗ đá mà đã sắm mười năm trước, nguyên một nhà thờ này nuốt hết, lại phải đi mua đá gỗ một phen nữa, vì còn trăm nghìn việc phải dùng.

Năm 1895, lại dựng một ngôi nhà thờ bên dưới nhà thờ Lái-Tim để kính ông thánh Gioan tiền hô. Nhưng từ năm 1923 nhân dân mắc thiên thời dịch tễ, người chết như rác, nhờ ông thánh Rocô trừ cho, nên từ đấy cải danh hiệu mà gọi là nhà thờ ông thánh Rocô, (tức là một vị thánh hay chữa bệnh dịch.) Nhà thờ này toàn bằng gỗ mít cả, hoa lá từ trên tủ xuống lưng chừng cột, chạm trổ công trình, trên ghép trần ván. Bàn thờ cấp lên xuống và bậc mố là một viên đá toàn khối, hơn bảy thước phương lập, nặng hai mươi tấn. Xong hai ngôi nhà thờ phía đông, thì năm 1896 lại dựng hai nhà thờ phía tây.

Nhà thờ trên kính ông thánh Phêrô quan thầy cụ Sáu, nhà thờ này toàn bằng gỗ lim, nhưng là một thứ khác lim nhà thờ lớn, hai bên gian trên một rặng chấn song đá, trên khắc hình mười hai thánh môn đệ. Bàn thờ giống như bàn thờ ông thánh Rocô đã kể trên kia.

Liên nhà thờ ông thánh Phêrô, là nhà thờ ông thánh Giuse. Nhà thờ này toàn bằng gỗ mít, chung quanh cột những hoa cùng lá quăn quít, ghép ván trên trần, hai bên gian trên câu lơn khắc vào đá tích thánh Gia đang cùng nhau làm nghề, nơi thì đang cùi cùi đục lỗ, chỗ thì cùng nhau kéo cưa. Chính

bàn thờ ông thánh Giuse bây giờ đang nằm dưới đáy sông : Bàn thờ nặng hai vạn tấn đã trượt xuống một cái bè lớn, chẳng may nặng quá, dây ràng không thể giữ nổi, phải đứt ra, bàn thờ liền chìm xuống, từ đấy không phép nào kéo lên được nữa, đành phải làm bàn thờ khác nhỏ hơn để thay.

Thành khi bấy nhiêu ngôi nhà thờ, kinh phí kể hằng ức hằng triệu, nhưng cụ trông ơn Chúa thì đến đâu cũng xong đến đấy ; đáng khác lại nhờ được con chiên hết lòng, kẻ dâng công người dâng của. Như nhà thờ ông thánh Giuse thì của bà thân sinh ông Nghị Hồ đã dâng cúng (ông Nghị Hồ hiện nay đang làm chánh trương hàng xứ).

Năm 1896 cụ lại xây một núi đá khác đối với núi táng xác. Núi này có phần nhỏ hơn, nhưng đẹp không kém núi trước.

Mặt ngoài làm bậc lên xuống được cho đến tận đỉnh, đấy có đề xương ba đấng tử vi đạo, tức là cha Kỳ, cha Dũng là hai đấng trước đã coi sóc xứ Phát-diệm và ông Ngân là người bồn đạo họ Tự-tân, oa gia cha Kỳ, trước khi quân dữ bắt. Hang này trước gọi là vườn Giêtsêmani để nhắc sự tích xưa kia Chúa cầu nguyện tại đó.

Năm 1925 một cổ giảng đạo bên Vân-nam tên là Demause đồng quán với Đức cha Thành (Mgr Marcou), biểu Đức Cha một pho tượng Đức Bà Lộ-đức cũng to khá. Đức Cha truyền đề tượng ấy trên hang núi này, từ đấy bồn đạo quen gọi là hang Lộ-đức. Thường thấy nhiều cô Bernadetha Annam quì cầu nguyện dưới chân hang, coi bộ ngoan ngùy đạo đức lắm lắm.

Năm 1898 cụ lại xây một hang khác ngay cuối nhà thờ đá,

tức là nhà thờ kính Lái-tim Đức-Bà. Tuần sinh nhật rước tượng Đức Chúa Con xuống, để trong hang cho bốn đạo kính viếng, vì thế có tên là hang đá Belem.

Nhưng một cái đặc sắc, mà được công chúng khong khen hơn cả là nhà phương đình toàn đá. Trên nhà thờ Mân-côi đi xuống qua lượt sân gạch dài 25 thước tây, thì tới phương đình. Nhà này đo bề cao được 25 thước, dài 24 và rộng 17 thước tây. Trông vào truyền thần thấy rõ hai tầng. Tầng dưới phân làm ba lòng. Lòng giữa trông như là một cái sập đã kê sẵn, tức là một viên đá toàn khối, mặt trên phẳng phiu mà nhẵn nhụi như đánh bóng, bề dài đo được 4 thước 20 phân, rộng 3 thước 20 phân tây và giầy 35 phân. Hằng ngày thấy khách thập phương vẫn hưởng mát trên hòn đá quý hoá này. Viên đá đó quý vì hình thù to lớn lẫn lộn đã đánh, nó lại quý vì tôn lộc dòng dõi, chính nó là như sập rồng ở chốn Đế-đô, hiệu là Tây-kinh cũng gọi là Tây-giai, xa Phát-diệm chừng 70 cây số, cụ đã liệu được cho nó về nằm giữa Phương-dình đó, cũng là xứng với địa vị nó lắm vậy, giá nó còn nằm ở Tây-giai mãi đến ngày nay, thời chả có giá trị gì nữa, nhưng nó về đây, tuy có thất cước đàng khác, song còn được điều này là quý vật dãi quý nhân, thế là cảnh rĩ nhân như thẳng, chứ đá có hiệu ứng gì được. Hai lòng kia cũng để viên đá khá to. Leo qua một lượt thang đá dài, thời thấy mình cao hơn cả các nóc nhà thờ, đứng đấy bao quát được khắp miền Phát-diệm, nào nhà thờ các họ, thánh Giá cắm trên ; nào những tre pheo cây cối, lỗ nhổ bọc quanh nhà ngói nhà bồi ; nào là sông ngòi

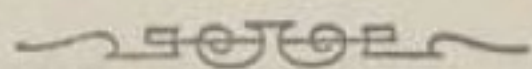
khe lạch xuyên ngang xuyên dọc chạy thông ra biển, thuyền xuôi lẳng ngược hằng phút liên li. Thấy những cánh đồng mông mênh kể mấy nghìn mẫu, lúa mạ xanh tươi, người đi kẻ lại nhỏ rỉ như kiến bò. Ở giữa lầu, lủng lẳng một quả chuông nam, treo vào cái xà ngang sắt, xà này là của một chiếc tàu bị đắm. Thử đo quả chuông xem thể nào ? thật nó to phi thường, cao 1 thước 90, kính 1 thước 10 phân, cân nặng 1500 tấn. Như thế thì chuông này chiếm nhất được cả miền Đông-pháp. Trên vọng lầu Phương-dinh, đếm được 5 vòm tháp, tháp giữa cao hơn, còn 4 tháp kia thì chầu 4 góc. Tháp giữa chóp bu là cây thánh Giá, bốn tháp kia đề tượng bốn thánh sử.

Dưới chân phương đình có một sân cỏ xanh rộng lớn. Tọa vật mượn chiếu cỏ xanh mà che khuất không biết cơ man nào là tre pheo đã chôn xuống dưới. Năm 1899 cụ Sáu trị chân móng, có ý xây một ngọn tháp cao 60 thước tây. Xem mẫu họa thời tháp ấy có dàng tròn ốc đưa đến tận đỉnh, qua các tầng có nhiều cửa chớp, tiếc hại thay chân móng đã xong ; chẳng may cụ ngã bệnh mà ly trần, thành ra từ ấy việc phải bỏ dở. Những đá để xây tháp, hiện nay còn nằm vật vã đấy, tựa hồ túi thân tiếc phận vì không được dự phần cao rao Thiên Chúa.



ĐOẠN THỨ TÁM

CÁC QUAN TỚI THĂM CỤ SÁU



Muốn kể ra hết các hàng quan lớn nhỏ tây nam đến yết kiến cụ Sáu, tưởng phải có một cuốn sách riêng, chứ như trong một vài tờ giấy nhỏ này, kể sao cho hết.

Các quan đến Phát-diệm như thế, thời cái mục đích mỗi ông một cách. Ông thì vì tuân chỉ-dụ các đức Hoàng-thượng mà đến, ông thì có ý bàn hỏi việc chính trị, lại cũng có ông nghe tiếng thiên hạ ca tụng khong khen mà muốn tự mình thân hành đến nơi đề mục kích v. v.

Trong đoạn này bỉ nhân chỉ kể qua mấy ông quan lớn người Pháp để chứng minh rằng : cụ Sáu là một người tài đức cao xa khiến cho những bậc đại nhân ngoại quốc cũng phải thán phục khen ngợi.

Vậy người mà cụ Sáu nghênh tiếp trước hết tức là quan Lannessan, toàn quyền Đông-dương.

Năm 1892, cụ Sáu được giấy quan gửi trong 4 tuần nữa sẽ đến Phát-diệm thăm cụ và sẽ nghỉ lại đó một đêm.

Cụ được tin lấy làm ái ngại lắm : trong nhà xứ, chỉ toàn là những nhà tranh vách đất, chật hẹp lúp túp, một vị quan to như thế, đã có lòng chiếu cố đến Phát-diệm, không nhẽ để phiền đến quý thể Ngài.

Cụ nghĩ vậy, rồi lập tức lên hiệu gọi những người đàn anh

trong xứ đến, tỏ ý kiến của mình, là muốn cất ngay một toà nhà cao đẹp, đề nghênh tiếp một quan toàn quyền sắp tới. Mọi người nghe vậy lấy làm hân hạnh quá, vội vàng xoay áo ngoài ra khuôn đá gạch, bắt tay làm luôn. Trong vòng 3 tuần lễ mà đã nổi cao lên được một nóc nhà hai tầng cao mát đẹp dễ. Nhà ấy hiện nay cổ Cần (Barbier) ký lục Đức Cha đang ở.

Đến năm 1896 lại có một quan toàn quyền khác cùng với quý phu nhân và một nàng lệnh ái của ngài đến thăm cụ Sáu. Quý hiệu ngài là Rousseau, lại có quan Lyautey đi hộ giá. Quan Lyautey này sau thành một vị quan danh tiếng, ngài được cử làm toàn quyền bên Maroc, lại làm quan tổng binh nước Pháp.

Ngài có viết một bức thư bình phẩm về cụ Sáu, xin tóm lược qua đại ý để đọc giả nhận lãm.

Ngài rằng : Ninh-bình, Phủ-lý có hai sở đạo khá to, một là Kẻ-sở hai Phát-diệm.

Phát-diệm thì do cụ Sáu quản chưởng, ngài là một vị linh mục bản quốc, tuổi đã cao, đôi mắt tinh thần, dáng người bé nhỏ, Ngài vận cái áo mùi lam, đeo ở ngực một tượng thánh giá, mắt trông thấy nhận ngay được là một vị kiêm cả đạo đời. Thực là một tay anh hùng biệt thể. Ngài có chức quan Khâm Sai.

Ngài như một vị chúa tề, tuy không kiêm trị một địa hạt nào, nhưng cái quyền hành của Ngài thực to.

Ngài có phép đoán xử cùng phi bãi hết các án từ các quan... chúng tôi được Ngài nghênh tiếp một cách uy vệ lắm.

Quan Rousseau cùng với quý phu nhân và cô con gái thì Ngài mời lên song loan 4 người khiêng, còn như chúng tôi thì ngồi trên cang, cò quạt chiêng trống rước về.

Trên đàng trông thật vui mắt, mà nom xuống lòng sông lại càng cực mục, chỉ chít những thuyền bè, người đông đúc như kiến cỏ.

Rồi ông diễn tả ra cả khu nhà thánh, ông khen ngợi nhất là hồi ấy các máy móc tân thời Phát-diệm chưa có, thế thì cụ làm thế nào mà cất được những nhà thờ lớn lao như thế, ông rằng : cụ Sáu có cái trí vẽ tốt lạ đời, Ngài lợi dụng những cái truyền thần đã xem, những ảnh đã thấy, rồi dung hoà các mẫu tây tàu ấy với nhau khiến nên một lối tối tân có đủ mọi kiểu. Ông khen tài trí cụ cực là khôn ngoan vì nhờ người mà Phát-diệm mỗi năm bồi được rất nhiều bùn sa. Ông rằng : trong một cái khoảng 30 năm mà thôi, thế mà đã nổi lên được những 10 cây toản đất bùn sa, hiện nay trở nên một cánh đồng phì nhiêu quá chừng.

Năm 1898 cha Rousseille (trước làm bề trên nhà trường hội giảng đạo) đến Phát-diệm thăm cụ Sáu. Người có cái con mắt về tôn giáo, cho nên đi đến đâu cũng đem đôi con mắt quý hoá ấy ra mà quan sát. Trong một bức thư gửi cho người bạn, ngài thuật lại những cảm giác khi ngài tới đất Phát-diệm.

Đại khái thư ấy thế này : khi tôi tới Phát-diệm thì được cụ Sáu nghênh tiếp một cách long trọng lắm. Ngài là một linh mục bản quốc, có chức quan lớn. Lúc chúng tôi đến, ngài mời chúng tôi lên cang trăn, đoạn cò quạt chiêng trống đưa

chúng tôi vào « thành cầu nguyện ». Gọi là « thành cầu nguyện » vì trong ba ngày chúng tôi ở đấy, chỉ nghe tiếng đọc kinh liên lỉ.

Có năm ngôi nhà thờ, mà có một cái to lắm, nào là vườn Giết, nào là hang táng xác, nào là hang sinh nhật, nào là nhà phương đình, trông như một Versailles mới mà thực là Versailles cầu nguyện. Các bồn đạo kéo đến nhà thờ như đám hội lớn, trong nhà ngoài sân kín khít đầu người; trẻ con đi đi lại lại trông như bướm ong, mà rất có khuôn phép, thấy chúng tôi thì khoanh tay lại, cúi đầu xuống chào kính.

Đứng trên nóc nhà thờ thì thu quát được hết các miền chung quanh, bồn đạo ước chừng 30.000, trông thấy những cánh đồng bông lông rộng rãi quá chừng thiết tưởng không đâu đẹp bằng.

Đầu năm 1893 lại có một ông người nước Anh tên là Lord George N. Curzon đến quan sát Phát-diệm, ông sau được lên làm quan lớn trong nước.

Trong một tờ báo gọi là « quốc dân quan sát » (Observer national) ông có đăng một bài dài thuật lại những điều cảm giác hồi ông tới Phát-diệm.

Ông thuộc thệ phản-giáo, bị thiên kiến thệ nó ràng buộc, lại khốn một nỗi ông không biết tiếng Latinh để giao thiệp với Cụ, thành ra cứ tư tưởng của mình mà bình luận như thế tránh sao cho khỏi phê bình sai.

Cột báo ông đề mục là « Một giáo Hoàng nhỏ nước Nam ». Xin lược dịch mấy dòng ra đây để độc-giả giải phiến.

« Một giáo Hoàng nhỏ nước Nam ».

Tôi thiết tưởng : người Anh bấy nay chưa có ai từng qua Phát-diệm bao giờ... Các làng này quang cảnh giống như đời trung cổ... một người mà vừa đạo đời trong tay tức là một cái hãn hữu trong lịch sử vậy, thế mà hiện nay ở Phát-diệm thời lại thấy nẩy ra.... có một người bản quốc vừa làm linh mục công giáo vừa làm quan lớn trong nước. Cái quý danh Ngài tây nhân thường gọi là Cự Sáu (vì rằng Annam họ có cái phổ tục này là đặt tên con thì cứ thứ tự mà đặt, Cự Sáu tức là vì người là con thứ sáu vậy (¹).

Ngài đã quá thất tuần rồi ; một nửa đời người [những] đóng ở Phát-diệm.

Trong các làng mà tôi đã trải qua bấy nay, thì chỉ có Phát-diệm là xuất sắc hơn cả. Cự Sáu ngài tông phục hội giáo Roma, cho nên bao nhiêu những người miền ấy cũng gục đầu về Roma cả.

Trước dinh ngài ở, có một đám đất rộng, Ngài đã xây bốn ngôi nhà thờ ở đấy, mà chính Ngài ra mẫu lấy cũng xuất của riêng mà làm (²), nên cái quang cảnh Phát-diệm coi như là một rinh của giám-mục vậy.

Hằng ngày ngài cấp sách nguyện đi đọc kinh nhật khoá

(¹) Điều này ông nói sai tỏ tường.

(²) Ông nghĩ thế, có đâu vậy, thầy tu áo vải mà chỉ làm của thế.

Ở các nhà thờ đó, mình thì vận áo chức linh mục Roma, đầu chít một cái khăn thâm, tóc vẫn chứ không có búi như các người bản thổ.

Bốn ngôi nhà thờ thì hai ngôi bằng đá, hai ngôi bằng gỗ... Độ 6 giờ 30 sáng, tôi vào nhà thờ thì thấy đang hát kinh sớm mai (matines). Các cô các cậu đọc kinh Latinh (¹) mà cái cung giọng mũi nghe thắm sâu lắm, rồi ông tả ra các mĩ thuật trong nhà thờ. Ông lại rằng : có một toà nhà thờ đá to lớn lạ thường, xây đã lâu năm mà hiện nay cũng chưa xong, ý ông cụ Sáu là muốn chu tất trước khi mình tạ thế, nhưng tôi thiết nghĩ ; cái ấy chẳng qua là một điều hoài hão chứ không trông thực hành được (²) nhà thờ ấy giống như các nhà thờ chính toà bên tây.... Ông cụ Sáu thực là Melchisedech thứ hai, Ngài vừa là linh mục lại vừa là vua kiêm trị một địa hạt riêng.... Khi mà Ngài mệnh chung đi rồi, thì bao nhiêu của cải cùng cơ nghiệp phỏng sẽ vào tay một cậu con nuôi của Ngài hết (³).

Nhà ngài ở thì áp ngay khu nhà thờ. Khi ngài đi đâu thì cang lọng hành ngời như một vị quan lớn.

(¹) Có đâu, dân cư Phát-diệm thông thẽ.

(²) Ông tưởng một nhà thờ to như thế phải lâu năm mới chu tất, mà đối với cụ Sáu chỉ trong mấy tháng giờ là xong cả.

(³) Ngoài Bắc-kỳ này các đấng thường nuôi ít nhiều cậu nhỏ dạy dỗ tập rèn ít lâu rồi cho vào nhà trường Latinh, ông thấy vậy cũng tưởng như bên các ông, thì là sai lầm.

Có một toà nhà nguyên để tiếp rước khách lạ, tôi được Ngài mời lên nghỉ đó. Một người mà biết một hai câu Latinh lồm bồm, cũng đủ để giao thiệp với Ngài, vì Ngài nói toàn tiếng Latinh cả.

Khi tôi từ biệt Phát-diệm mà đi, trong bụng trộm nghĩ rằng : có khi trong cả cuộc hành trình của mình, không bao giờ trông còn gặp được một người mà có cái tướng mạo uy nghiêm như ông giáo Hoàng nhỏ nước Nam này vậy.

Ấy là đại ý bài của ông người nước Anh đã viết.

Tuy nay cụ Sáu đã qua đi rồi, nhưng cái cảnh người để lại vẫn còn được thiên hạ ham ngoạn lắm lắm.

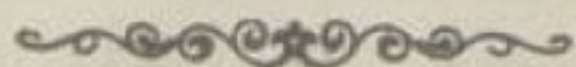
Hiện nay các bậc quan to như toàn-quyền, thống sứ, cùng những người nhà quê chài lưới có đủ mọi bậc ngày ngày thấy đến ngoạn cảnh Phát-diệm.

Giá mà cụ Sáu còn sống đến buổi nay, thời Phát-diệm không biết đến chừng nào ! ! tiếc thay ! !



ĐOẠN THỨ CHÍN.

HAI CHÍNH PHỦ PHÁP NAM TRỌNG ĐÃI CỤ SÁU.



Cụ Sáu từ nhỏ đã có một mục đích rất cao thượng là vinh danh Thiên Chúa và cứu giúp sinh linh. Cái nỗi gian truân trong thời cấm cách cùng những cung thánh điện nguy nga

ngài đã kiến-tạo, điều chứng minh dành dành trước mặt công chúng: cái tâm hồn của ngài nhiệt thành với Chúa là thế nào.

Còn như việc phò vua giúp nước, chẳng qua vì vua quan khần khoản mà bắt buộc dĩ phải ghé vai vào. Đây trích thuật mấy lời của cụ hiền dụ cho thân hào sĩ thứ tỉnh Thanh-hoá ngày mồng ba tháng tư, năm Đồng-Khánh nguyên niên, đề độc giả tham khảo :

« Tôi vốn là thầy tu không tài mưu gì, năm xưa đội ơn Đức Dực-Tôn-anh hoàng đế (vua Tự-Đức) trông xuống, cũng đã chịu lấy gánh tráp an, nay vâng Đức Hoàng Thượng ban sắc dụ cho lại vâng lấy chức khâm-sai Tuyên phủ, nghĩ mình tài hèn gánh nặng thêm nhọc quan sang mà chịu lấy tiếng ghèm pha, chối mãi không được, gắng gượng chịu lấy việc, chỉ lo làm việc bậc mình không nên, cho nên phải hết lòng lả ơn cho xứng. » Suy những lời ấy thì biết cụ không có mong ước gì cái tước hàm phần đời, nhưng gặp lúc nước nhà lăm việc, cái gánh của quân phụ phó giao cho, mà không ghé vai đỡ lấy, ắt sợ không tròn chữ « Trung » vì thế mà cụ đành lòng đột thân mao hiểm đó thôi.

Người đã có công tức đáng thưởng, vì thế trong khoảng từ đời vua Tự-Đức, vua Đồng-Khánh, vua Thành-Thái, cụ đã được các hoàng thượng khen ngợi lắm cùng thưởng cho nhiều kim-tiền, kim-khánh, ngân-tiền, bài-ngà, long-ấn, bội-tinh cùng nhiều vật quý khác.

Vua Tự-Đức là một tay bách hại Công-giáo đệ nhất, mà có lòng yêu dụng cụ lắm.

Năm Tự-Đức nhị thập bát niên, tức là năm 1875, bọn tàu ô vượt qua các rẻo bể Kim-sơn, cướp của hại người, nhân dân kinh khiếp sợ hãi chạy đến báo, xin cù cấp cứu. Cù Sáu thương tình dân, lập tức phái gia nhân thuyền bè ra cứu, còn người thì xuống một chiếc thuyền nhỏ lênh đênh cửa sông ngoài bể, hơi nghe tiếng người kêu trống động thời giây phút cù đã đến bên, quân tàu ô nghe thiên hạ đồn thổi về cù thao lược hùng dũng, nên hễ thấy bóng cù là tìm đường trốn chạy.

Cũng một năm ấy, quan tuần Ninh-bình tức là Đàng-Toán dâng sớ tâu vua về các việc cù Sáu đã làm cho nhân dân Bắc-kỳ được bình yên thịnh vượng, và kể truyện người đã trừ triệt bọn chó bể là thể nào. Vua xem tờ tấu thì khen cù đã phù nan cứu nguy cho đồng bang cùng gửi thưởng cù một kim-khánh và năm kim-tiền trên mặt khắc mấy chữ tặng khen.

Kim-khánh thì có bốn chữ: « Giảng tín tu mục » lời người giảng dụ ai cũng có bụng tin, cùng làm cho thiên hạ được hoà bình.

Còn năm kim-tiền, đồng thứ nhất: « Vạn sự như ý » nghĩa là muôn việc được như ý. Đồng thứ hai: « Tiên dân lại chi » nghĩa là cù là chốn nhân dân cậy trông. Đồng thứ ba: « Sử dân phú thọ » nghĩa là người làm cho dân nên thịnh vượng. Đồng thứ bốn: « Thủ chính bất a » nghĩa là người cứ công chính không có dua nịnh ai. Còn đồng thứ năm chữ nhoà xem không rõ.

Năm 1879, khi cù Sáu đã trấp an được các đảng lương giáo đôi bên, thì vua giữ mấy dòng châu phê khen người. « Cù

Sáu là người đủ tài năng thể lực mà bảo toàn được lương giáo Bắc-kỳ, người chỉ có một lòng ngay thật, nên thiên hạ ai ai cũng đều biết, vua và các quan triều đình đều tin thật như thế, phải kính đó.

Nhà nước Bảo hộ, nghĩ đến những công nghiệp người hể năm 1873 và năm 1882, thì cũng đã định thù huân cho người, như quan-báo năm 1884 đăng một đạo nghị định phong người lên chức Chevalier de la Légion d'honneur (ngũ đầu bội tinh) để cảm công ơn người.

Vua Tự-Đức băng hà vừa đoạn, thì vua Đồng-Khánh lên thế vị; bọn văn thân nổi lên tứ tung, xui dân kháng cự với tây-nhân, cùng giết bọn đạo vì họ tưởng nhầm rằng : bọn đạo mình hứa tập với tây.

Trong tháng Janvier 1884, phái Công giáo về châu Lào tỉnh Thanh-hoá phải bọn họ tàn phá giết lát, trong mấy ngày mà có năm cổ, một cụ, 60 thầy giảng, cùng với ba trăm bọn đạo phải mất đầu.

Năm 1885, miền Qui-nhơn, Quảng-trị cực kỳ khổ sở. Có chín cổ mười tám cụ, nhiều thầy giảng, nhiều chị em nhà dòng và độ bốn vạn giáo hữu phải chém.

Năm 1886, đến lượt tỉnh Thanh-hoá, Nghệ-an, Hà-tĩnh khoảng tháng Mars, nguyên một tỉnh Thanh-hoá có những 20 họ đạo phải đốt phá, hơn bốn trăm bọn đạo phải giết.

Khi ấy có quan kinh lược tên là Nguyễn-hữu-Độ, thấy văn thân phá phách mọi nơi, làm xôn xao cả nước nhất là địa hạt Thanh-hoá, Nghệ-an và Hà-tĩnh, quan nghĩ rằng : chỉ có

cụ Sáu có đủ thể lực mà giúp an được, nên đến tận nơi thượng nghị với cụ, xin người nhận chức tuyên phủ sứ, để tham mưu với các quan tây-nam mà tìm kế trừ-triệt, chẳng vậy nhà nước cứ xôn xao loạn lạc mãi. Quan ép nài mãi mà cụ vẫn cứ một niềm xin kiếu. Quan thấy vậy thì mặt tấu vào kinh, xin vua lấy quyền mà bắt người phải nhận, và xin phong người làm lễ bộ Tham-tri, Khâm-sai Tuyên phủ sứ, ban toàn quyền để trấn an cho cả ba tỉnh Thanh-hoá, Nghệ-an và Hà-tĩnh.

Xin sao dịch tờ tấu của quan Nguyễn-hữu-Độ.

Đồng-Khánh nguyên niên (1885) ngày mồng 3 tháng 3.
Hạ thần là Nguyễn-hữu-Độ, xin dâng tấu một việc.

« Bấy nay tỉnh Thanh-hoá bị rối loạn lân khờ, nay lại thấy tỉnh Nghệ-an, Hà-lĩnh phải quân giặc bách hại lê-dân. Các quan tỉnh đã bàn cùng quý-quan để giúp mà vẫn không xong. Tỉnh Thanh-hoá là quý hương nhà vua mà phải xôn xao loạn lạc như thế, hạ thần lấy làm đau lòng không thể khoanh tay ngồi yên được. Hạ thần đã có lời thỉnh cầu quan nguyên soái Pháp đem binh giúp quân ấy, song trước cần phải có người khôn ngoan tài giỏi của mình đi làm một mà bàn tính, thời mới trông kết quả. Hạ thần biết có một vị linh mục là Trần-Lục ở Phát-diệm tỉnh Ninh-bình quê Thanh-hoá học thức rộng, nổi danh tiếng, thiên hạ đều mến phục. Hồi trước tỉnh Ninh-bình và Thanh-hoá cũng bị xôn xao rối loạn, mà nay đã bình an xuôi xóng cả, cái đó là nhờ có linh-mục ấy hiệu dụ cùng lo liệu cho. Nhiều lần hạ-thần đã cố ép ông ấy nhận chức bình dân, nhưng xem ra không thiết vinh vang ở đời,

chỉ chuyên giảng truyền đạo lý, song hạ thần trộm nghĩ : việc bình dân ngoài ông cụ đó ra, thì không có ai tài lực kham nổi. Bởi nay dân ba tỉnh cứ xôn xao náo động, sợ sinh nguy cho cuộc tương lai, hạ thần nghĩ mà lo. Ông linh mục bấy nay ở Phát-diệm mọi người cảm phục, có lẽ nhờ ông mà trông được việc, bởi vậy hạ thần quyết ép phải nhận chức trách cho nhân dân được nhờ.

Nay hạ thần cúi đầu xin Bệ-hạ cùng triều đình phong Trần-Lục linh mục làm quan Lễ bộ tham tri, sung Khâm sai Tuyên phủ sứ và cấp cho một ấn quan phòng và một ấn kiểm cái. (Trên ấn quan phòng khắc bảy chữ : Khâm-sai tuyên-phủ-sứ quan phòng, còn ấn tiểu kiểm thì khắc bốn chữ : Khâm sai tuyên phủ), để ông ấy được quyền vua cử mà đi cùng các quan Đại-pháp ; hiền dụ nhân dân cùng đĩnh mọi việc trong ba tỉnh đó, chắc chẳng khỏi bao lâu mà nhân dân lại được an cư lập-nghiệp. Hạ-thần đã cậy quan thượng thư Pháp tên là Batô bẩm lên với quan Đô-thống, các quan thấy đều ưng nhậm hết. Hạ thần đã trát làm tờ quyền khâm cấp và khắc giao các ấn rồi ; lại làm tờ luân tư cho ba tỉnh ấy ứng tiếp cho kịp việc.

Vậy hạ thần cúi xin Bệ-hạ thăm xét, vì các điều mà hạ thần xin đó, thực là ích quốc lợi dân, xin bệ hạ xuống chỉ để tuân biện.

Vua được tờ tấu, liền châu phê rằng : kẻ dâng người hiền thì nặng trọng thưởng, nhà người giữ được như thế thì thậm phải. May mà việc mau xuôi âu là bởi người hiền thật biết người hiền, trăm đã thăm rồi, phải khâm kính như vậy.

Tháng Avril 1886 cụ Sáu lên Kê-sở tức là nơi giáo đô địa phận, do Đức Cha Phước (Monseigneur Puginier) đang chấp chính. Cụ lên hầu Đức Cha và trình : « Lạy Đức Cha, con nay mới được sắc trong kinh gửi ra con đến lĩnh ý Đức Cha. »

Sắc ấy giấy mùi vàng, giữa có dấu ngọc vua đóng, bên kia có mấy hàng chữ nho phong cụ Sáu làm khâm-sai ba tỉnh ; Thanh-hoá, Nghệ-an và Hà-tĩnh, cùng trao toàn quyền cho người nhủ dụ để nhân dân ba tỉnh được an cư lạc nghiệp.

Đức Cha không biết nghĩ thế nào, không có biết có nên nhận hay là xin chối. Người cầm trí suy một lát rồi lả lời ; « việc này thì mai tôi sẽ nói lại. » Đức Cha suy nghĩ một đêm, cân nhắc hơn thiệt, thì thấy nhiều lẽ mạnh khiến người phải để cho cụ Sáu nhận lấy gánh nặng nề đó cho dân nước khỏi thiệt và vua bằng lòng. Sớm mai Đức Cha mời cụ lên, xin cụ cứ nhận lấy cái trách nhiệm mà vua đã ủy thác cho, nhưng dặn rằng : Xin cụ lo liệu cho mau sớm mà về.

Cụ Sáu vội về Phát-diệm, cách mấy ngày đi vào Thanh-hoá. Người xin Đức Mẹ giúp mình trong việc cả thể này, rồi làm tờ yết thị đem dán khắp các đình các xã lớn nhỏ.

Xin lược qua tờ yết.

« Gia lễ bộ thượng thư, sung Khâm-sai tuyên phủ sứ, linh mục Trần, làm tờ yết này cho các dân xã được hay và tuân cứ.

Năm ngoái, kinh thành đã phải những sự đa đoan, có bọn thân hào dấy lên, tự xưng là nghĩa cử, việc ấy cũng là quá phải. Nhưng hiện nay các thôn xã tỉnh thành dân cư đều

đầy điều được hưởng an. Đức Hoàng thượng là con Đức Tiên-đế, trên thì vâng ý bà Từ-dụ thái hoàng thái hậu (là mẹ vua Tự-Đức), dưới thì được đình thần thuận cử, đặt lên có đăng làm đầu làm chủ trong việc Triều đình dân sự, thật là ý bởi lời xui khiến, xét việc mà được trên dưới yên hoà như vậy, chẳng phải là việc cả thể lắm ư ?

Còn như những việc giao thiệp, Triều-đình đã xếp đặt cho có lớp lang đầu vào đó. Vậy nay là chính lúc ai nấy phải lo ở cho yên phận, đề tuân mệnh Triều-đình. Can chỉ còn tiếc rẽ cái nỗi xưa cho bận thêm vào mình. Hai bên lương giáo cũng là con Triều đình cả, sao nỡ phân rẽ nhau như bờ ngăn ruộng mà coi nhau như thù như địch, chung qui ra thời hai bên điều hại. Xác chết đè lấp nhau, rồi lại lộn báo thù lẫn nhau, không bao giờ rồi, xui nên những phương làm quàng mượn dịp dấy lên, trước thì xui giết giáo dân, sau cả binh dân cũng hại. Kia như Nghệ-an, Hà-tĩnh mấy năm nay đã ra thế nào.

Tôi đây vốn là thầy tu không tài mưu gì, năm xưa đội ơn Đức Đức-tôn-anh hoàng đế trông xuống, cũng đã chịu lấy gánh tráp an, nay vâng Đức hoàng Thượng ban sắc dụ cho, lại vâng lấy chức Khâm-sai Tuyên-phủ, nghĩ mình tài hèn, gánh nặng thêm nhọc quan sang mà chịu lấy tiếng gièm pha, chối mãi không được, phải gắng gượng chịu lấy việc, chỉ lo làm việc bậc mình không nên, cho nên phải hết lòng lả ơn cho xứng.

Triều-đình đã trao cho tôi gánh tráp an, vậy ai nấy khắp

tỉnh phải lo bỏ lòng ngờ ghét lẫn nhau, nơi đã yên phải thêm lòng âu yếm nhau, nơi bị tàn phá phải rủ nhau về lập lại. Còn như những đứa cứ tụ tập làm những điều phi pháp, phản quốc hại dân, bất cứ là lớn nhỏ, bất cứ thủ xướng hay a tòng, thời hẹn cho nội hai tháng phải hàng đầu ra thú tội, ta sẽ sớ Triều-đình xin xá miễn cho, bằng ai vi phản trái lệnh, ta sẽ trừng trị, chứ không làm thình đầu.

Vậy các dân xã phải yên mà an cư lạc nghiệp, bằng ai trái lệnh thì tội ấy bất dung. Việc này đã thương nghị cùng các quan tỉnh và Triều-đình, thời các quan điều ý hợp tâm đầu hết cả, vậy ta làm tờ này cho ai nấy biểu biết mà tuân cứ.

Nay yết.

Đồng-khánh nguyên niên, ngày mồng ba tháng 4 (1885). Các dân thôn xã thấy tờ niêm yết, dưới ký tên cùng đóng dấu cụ Sáu, thì hoan nghênh mừng rỡ, đem lòng mến phục tuân cứ. Còn như bọn phản tặc thời kinh hãi, các chúng rút vào những nơi rừng xa hẻo lánh, không dám thò đầu ra hống hách như trước.

Tiện bút xin sao dịch những lời cụ Sáu tâu cùng vua, hồi mới tới tỉnh Thanh cho các độc giả thư thỉnh.

Tờ cụ Sáu tâu về các việc tỉnh Thanh.

Hạ-thần là Trần-Lục lễ bộ tham tri, sung Khâm-sai Tuyên phủ sứ, xin tấu về các việc tỉnh Thanh-hoá.

Tnáng trước tôi lên Hà-nội, gặp quan Cần chính tức là Nguyễn-hữu-Độ, ngài làm tờ khâm cấp, sai tôi đi dẹp loạn ba tỉnh là : Thanh, Nghệ và Hà-tĩnh, tôi nghĩ mình tài hèn sức

yếu chối mãi, nhưng chối không được, phải ép tình nhận lấy. Tôi về qua nhà sắm sửa mấy đồ thiết dụng, chợt nghe rằng : Người Nghệ-an, Hà-tĩnh thường lẫn đến địa giới đất Thanh là Yên-mô, Kim-sơn thuộc hạt Ninh-bình, các hãn lễn vào một cách trộm mà lừa hại lê-dân.

Bởi vậy tôi còn phải ở lại, hội các người thân hào đến đề hiệu dụ khuyên răn. Xong, tôi bèn tư tờ lên tỉnh lấy một đội lính cơ, tôi cũng đưa 200 quân và 60 tên hầu ; ngày 28 kéo vào Thanh-hoá.

Quan tỉnh kể lại tình cảnh nhân dân cho tôi nghe. Tôi bèn cho người kíp đi mật thám các nơi, các chúng về đã bẩm rằng : các huyện như Ngọc-sơn, Nông-cống, Đông-sơn, Quảng-xương giặc giã tứ tung, đường chạy trạm thì rất hiểm trở. Tướng giặc lập đồn tại làng Thanh-đồng, An-lâm thuộc huyện Nông-cống. Nó giả ngô-khách, cạo đầu, trắng răng, chực toan lẫn sang An-định, Thọ-xuân, Quảng-hoá, đề rồi tìm đường thông ra miền rừng tỉnh Ninh, Sơn-tây và Hưng-hoá.

Tôi bàn cùng các quan tỉnh nên tuần phòng khử triệt các chúng, các quan có nói rằng : Bấy nay thì quý quan cầm quyền sai quân, còn như quan tỉnh chỉ lo một việc dạy bảo và sai người đi do thám mà thôi. Khi phải sai quân dẹp giặc, nhiều khi tại khí giới kém, thành ra phải bại trận mà chạy, quân giặc thắng thế cứ ngày ngày càng thêm hống-hách.

Bởi vậy tôi đến cùng quan tây, bàn nên sai quân rải rác các đường quan báo và các nơi hiểm yếu, đề tiện cho tôi đem

quân giáo dũng của tôi đang ở Thanh-hoá (ngày mồng hai, khi có việc thì tôi đang ở tỉnh Thanh). Quan tỉnh bàn với tôi đem quân giáo dũng vào liệu việc ấy, tôi liền chiêu được 600.

Tôi thiết tưởng : Phủ Hà là đất quý hương, có kho tàng quý đồ đầy mà có kẻ đặt lời nói quấy, tôi liền lấy 200 quân đem đi tuần trấp và hiền dụ cho bình dân. Còn 400 quân kia để lại giữ đồn quanh tỉnh.

Tôi lại lấy 400 quân dũng đi các hạt phủ huyện để trừ triệt.

Tôi gặp quan chưởng-binh năm khoanh, tôi kể truyện cho quan nghe, quan nói rằng : xét căn nguyên bọn giặc tỉnh Thanh là bị ức cho đến cổ liêu, nên hãy rộng cho nó một tháng, bảo phải ra thú tội, nhược quá hạn giả mà chưa thấy tự thú, thì sẽ kéo binh tây đến đánh, và triệt hạ các đồn ải, còn như các lính đi với tôi, tưởng không cần, nên cho nó về. Tôi bàn với quan tỉnh bãi bớt quân về, chỉ giữ lại 50 tên, tôi xin quan tây sai lính tây đi với những người mà tôi sẽ sai đi hiền-dụ các nơi. Khi tôi mới đến tỉnh Thanh-hoá, thì làm tờ hiền-dụ khắp cả tỉnh, cùng niêm yết mọi nơi. Những người tôi đã sai, lúc về thưa rằng : Các nơi người ta thấy binh tây thì trốn chạy hết, gặp đôi ba người già con trẻ, thì dỗ nó, dần dần mới thấy lý trưởng hay người đàn anh ra mặt nhận tờ yết, mà thưa rằng : trước không dám ra nhận tờ yết là sợ quân giặc sau báo thù, quân giặc bây giờ trốn ần, nhưng quan quân mà đi khỏi, thì nó lại thò ra những nhiều làm khổ

nhân dân. Đoạn hợp nhau làm tờ, xem tờ các tên ấy kêu, tình cảnh thực đáng thương.

Tôi nghe rằng : quân giặc kéo nhau từng năm ba trăm vào các thôn xã cướp của bắt phu, làng nào không chịu thì nó đốt nhà bắt vợ con người ta. Khi lính tây đến, nó giả hết lòng thần phục, nào dâng lễ vật, nào tình nguyện đi phu khiêng gánh, bỏ khí giới giáo mác làm như bình dân, lính tây mắc mưu, ngờ là không có giặc, thì lở về. Quan quân tây vừa đi khỏi, nó lại tụ tập như trước, khiến cho dân ngày thêm tan khổ.

Tôi đã dò được đặc thực : có mấy đứa đầu đảng mượn tiếng là khởi nghĩa. Nhiều lần đã bắt được giấy quân giặc, tờ nào cũng thấy ấn đóng, nói rằng : Cần về việc vua. Các quân gia thì thế bắt đặc dĩ phải theo chúng nó. Tôi trộm nghĩ, trị cho yêu chẳng khó gì, nhưng vì không có quyền sai quân mà giặc thì đang hung hăng kịch liệt. Dân bị nó cướp phá, đã bỏ phu lưu các nơi, bao nhiêu của cải nhân dân thì nó lấy hết, nay lúa ngoài đồng chín đỏ, lại bị các chúng đem liềm cắt lấy, như thế thì dân chết đói.

Tôi nghĩ đến lòng đức vua, đêm ngày thương xót phận dân, lại thấy dân cư không lấy gì nuôi miệng, thì lòng tôi xót xa não nuột, không nhẽ ngồi nhìn. Nếu không hủy triệt đồn lũy các chúng, thời không bao giờ yên được.

Tôi cùng với quan tỉnh nhiều lần đã bàn cách phải thi hành, rồi viết ra từng khoản trình với quan tây. Bấy-giờ quan chưởng binh mới ngã lẽ, vậy tôi lấy 50 tên thủ dũng, cả thầy

là 100 quân và các quân tĩnh phải đi làm một cùng quan năm, đến đất Thanh-đồng, Ân-lâm để dẹp giặc. Kết quả thế nào, xin tâu tở khác. Các việc khác thế nào cũng xin trình sau.

Tôi cũng sai người đi tiểu trấp địa hạt phủ Hà, Hậu-lộc, Hoảng-hoá, Phủ-quảng, phủ Thiệu, huyện Mỹ (ở huyện Hoảng thì đã bắt được mấy tên làm càn, hùa tập với giặc, nên cứ pháp luật mà xử, còn mấy tên kia hãy còn tạm giam để xét.)

Tôi bàn với quan tây : từ rầy trở đi hễ bắt được tên nào mà nó tự thú, thời nên rộng tha, để kẻ khác học gương, như thế mới trông mau yên.

Tôi đến đây thắm thoát đã hơn nửa tháng, mà việc chưa thấy hiệu quả gì, lấy làm nóng ruột giải sớ, xin kể duyên do tâu lên, trông hoàng thượng soi xét. Tháng 2, có tên Phạm-thúc-Thân tức là đầu đảng mừng Ngọc-lạc thuộc hạt phủ Thiệu, đến thú tội, xin thật lòng quy phục.

Tôi đã cử người đi biểu dụ các mạn rừng như châu Thường-xuân, châu Lang-chánh, châu Quan-hoá, lúc về bẩm lại rằng : các châu ấy trước kia bị giặc khách tàn phá nhiều, có tên cai Mao rước bọn nó về, nhưng từ khi tên cai Mao trốn sang xứ Trịnh-vạn, thì các quân ấy cũng còn vãn vỡ lại kiếm ăn qua ngày vậy, nhưng không dám hành hung chi nữa. Dân cư các châu nay đã yên, chưa xuống thú được là vì đường sá ngăn trở mà thôi.

Ngày 19 tháng 3, gặp Lê-văn-Thuyết cùng với 50 quân đều đeo một thứ thẻ, gánh ba gánh, đi qua làng Điền-thượng thuộc huyện Cẩm-thủy, tổng Điền-lư, các hãn thấy lính tây,

thời trốn vào nhà tên Cầm-bá-Thước, ở đấy một đêm rồi lại ra đi.

Bấy nhiêu điều xin kể vào đây.

Tờ tấu này xin chạy ngựa cho chóng.

Thần Trần-Lục.

Cách mấy tuần cụ Sáu xem chừng các nơi tình hình nhân dân hơi yên, đành khác ngài dự phòng cái nạn đổ ky bất thường, nên vừa được thơ Đức Cha, người liền từ biệt các quan tây nam mà về Phát-diệm, rồi làm tờ tấu cho vua hay.

Cụ sáu ở Thanh-hoá trước sau có 35 ngày.

Một thời giờ vẫn vỏi như thế, dẫu oanh liệt đến mấy, thiết tưởng cũng không thể trừ căn được những phường hại dân phản quốc.

Lúc cụ thân hành trap an, các hãn rúc lỗ chui hang, không dám ho he, nhưng cụ vừa bước khỏi, thời các chúng lại nhẩy ra dùng những thủ đoạn đã man đề báo thù lương dân.

Tháng Août 1885, ở miền Thanh-hoá các hãn phá đốt mất 30 họ đạo, 700 bôn đạo phải mất đầu. Có một họ 200 người mà còn sót lại có 10 người ; họ khác 100 người mà đều phải cắt tiết sống hết.

Những người mau cẳng chạy được thì đến Phát-diệm nấp bóng cụ Sáu. Người như cha lành giơ tay rước các con vào nhà, cung đốn cơm ăn áo mặc cho. Trong một bức thơ gửi hầu Đức Cha, người kể rằng ; « Con thấy người ta phải thê thảm gớm ghê quá, không lưỡn nào tả ra được, thực là quá phép. »

Đến tháng Septembre, bọn ấy chiêu binh tràn xuống miền
bề Bắc-kỳ. Bắc-kỳ hồi ấy đã có binh pháp tuần phòng. Cự Sáu
báo cho quan tây phải sớm dự phòng, các quan lấy thị làm
thường, tưởng giặc chẳng dám làm chi, nên không đề phòng chi
cả. Qua mấy bữa, nó đồ xuống như ong đi đến đâu thì giết
người cướp của. Các dân thôn ồ tản tác các nơi, tình cảnh
lao nhao như ong mất tướng. Bấy giờ các quan mới huyết còi
thu binh, nhưng công việc đã quá khứ mất rồi.

Tháng Décembre 1886, các quan tây đưa quân vây đánh
Ba-đình tức là nơi văn-thân mới lập đồn. Làng này xa Phát-
diệm độ 20 cây, địa thế hiểm trở : Làng ở giữa một cánh
đồng lầy, có 3 cái đình chia làm ba chòm, chung quanh đắp
thành thổ kiên cố, trong tường thành nhồi bùn dầy 2,3 thước,
đạn súng bắn vào, lỗ đạn chỉ chít như tổ ong mà vẫn không
chuyên núng. Muốn xông vào đâm xiên phải qua một cổng,
nhưng quân giặc quá nửa hăng hãn chiến hai bên. Từ trong
xiên ra, từ trên đâm xuống, đằng nào cũng lợi, nó trông thấy
mình mà mình không trông thấy nó thì làm thế nào được.

Ngày 18 xông đánh, nhưng như muỗi đốt mình voi, không
hơi chuyên núng phải chờ hậu quân tiếp. Ngày 6 Janvier, lại
đột chiến phen nữa, phen này mất 4 ông quan tây vong mạng
và 47 tên lính tử trận, mà quân giặc không chết ai cả.

Các quan bàn cùng nhau thu hết các binh đức vào một cơ,
cả thủy được 2250 binh bộ, còn binh thủy thì phòng triệt các
ngách sông. Lần này giàn binh một cách rất là cẩn thận.

Các quan đến Phát-diệm thương nghị với cự Sáu, lại xin

người cấp cho ít nhiều cu-li và 3 chiếc mảnh lớn. Trong số các quan đến Phát-diệm có quan Joffre, hồi ấy hãy còn làm quan nhỏ. Cự Sáo y nghị, rồi cách mấy bữa, người tiếp cho 5.000 culi và 3 chiếc mảnh lớn. Thư gửi cho quan Joffre, người dùng hai chữ đầu ; « Dux illustrissime » = Kính quan tướng rất thi danh. Ứng nghiệm thay ! quan Joffre hồi Đức-Pháp chinh chiến, được nhân dân ủy làm thống chế tuyến quyền, ngài đã thắng quân Đức ở sông Marne.

Trận này hai bên đấu chiến một cách kịch liệt lắm. Ba-đinh tuy thành lũy kiên cố, nhưng cũng bị thất thủ. Đảng nghịch hầu hết tử trận, còn thành lũy phải phá bình địa. Từ đấy nòi giống văn thân mới bị tiêu diệt cho hẳn ; nhân dân lại được an cư thái hoà, còn như bọn đạo thì thật là như chết mà sống lại.

Cự Sáo nhân lúc trong nước an hoà thịnh vượng, thì lại giảng khuyên diu dắt con chiên ngày thêm tiến bộ trong đường mẫn Chúa yêu người, cũng như khi nhà nước hay nhân dân bị nạn, thì người chẳng quản khó nhọc phù nan cứu nguy, cho trọn nghĩa vụ với nhân quần, cho xứng với trách nhiệm nhân giả.

Cứ phổ tục, mỗi làng thường có ít nhiều công điền. Năm 1802, nghị-định Gia-Long cấm ngặt không được bán công điền, phải đề cấp cho nhân dân cày cấy. Ai trái lệnh, bất cứ người mua kẻ bán, người tả tở kẻ nhận thực, đều phải trọng tội, tiền thì mất, mà lời giao bán không thành. Tuy có nghị-định, nhưng nào mấy dân tuân cứ, họ cứ tự do bán đổi như ý.

Năm 1894 lại có tân nghị nhắc lại sắc chỉ Gia-long. Vừa thi hành nghị định này, thì đầu đấy nhân dân nhốn nháo cả lên. Người mua thì sợ mất, kẻ nhận thực, tả giấy, lo bị phạt. Nhiều người cơ nghiệp được đồng nào, háo hức mua cho nhiều công điền, đến nay tân hăng như bỏ mất răng. Một nhà cự phú, điền thổ kẻ từng trăm mà trong một khoảnh khắc, một miếng không còn, sinh ra kiện tụng công kích lẫn nhau.

Cụ Sáu hiểu tình nhân dân nhiều người oan khổ, thì làm giấy yên cầu với Triều đình, cho những công điền công thổ mà đã cố bán các năm trước, thời cứ đề yên vậy. Các quan được giấy đệ trình, thì năm 1895 ra nghị định cải chính nói rằng : những công điền công thổ mà đã cầm cố trước năm 1894, thời phải cứ đề yên như trước, chỉ có ý buộc từ này trở đi mà thôi .

Năm 1899, vua Thành-Thái xét những huân lao cụ Sáu đã hết lòng với đồng bang thì ra sắc phong người lên « Lễ bộ thượng thư », tức là một phẩm hàm cao trong triều. Lúc ấy cụ đang yếu nặng.

Người thấy sắc vua, thì than thở rằng : nay tôi đã già yếu mà còn trao gánh nặng đường ấy, gánh sao cho nổi.

Còn như nhà nước Bảo-Hộ, định phong thưởng ân đức ngài, thì ngày 9 Juillet 1899, một tờ quan báo đăng nghị định đặt cụ Sáu lên làm « Officier dans l'ordre national de la Légion d'Honneur » (Đệ ngũ hạng bậc đầu hội tinh). Nhưng sắc ấy chưa kịp tới nơi, thời cụ đã tạ thế mất rồi.

ĐOẠN THỨ MƯỜI.

CỤ SÁU SỐT SẮNG COI SÓC LINH HỒN CON CHIÊN.



Đọc đoạn trên, thấy nhiều khi bất đắc dĩ mà cụ Sáu phải gánh lấy việc chính trị. Người thiên tư trí tuệ, lại có lòng thương dân yêu nước, cho nên nhân dân hết thấy mến phục, vua quan tin dùng. Tây nhân có kể ví người như đức Hồng-y Richelieu làm quan đệ nhị đời Hoàng đế Louis XIII nước Pháp. Cụ từ nhỏ không đề tâm về việc trị nước, chẳng qua gặp lúc hoàn cảnh nước nhà bó buộc, mới phải vâng lệnh, tạm gánh lấy việc mà thôi.

Chính việc mà cụ Sáu lấy làm khăn khăn, ngay từ tuổi niên thiếu, mà đến tuổi già vẫn còn mơ ước, tức là sùng ái Thiên Chúa, cùng đưa con chiên vào chính cửa hàng. Người hăng tìm phương thế đặc lên cho tới trình độ tru-việt, là khinh chê các món thú trên đời, chỉ một lòng thao luyện tinh thần cho đáng hưởng hạnh phúc đời sau. Còn như đối với bọn lương dân, thời cụ cũng tỏ lòng bác ái làm ơn cho họ, để lợi dụng cái lòng họ mến tin, mà khuyên răn cho biết cải tà qui chính.

Khách xa lạ đến chơi Phát-diệm, chung quanh còn thấy mấy nóc nhà chùa, nhân dân lương giáo hỗn cư, thì ra như một vấn đề khiến cho họ phải nghĩ lộn, mà tự mình không giải quyết ra được : « Chứ như cụ Sáu quyền hành như thế, sao không bắt người ta đi đạo cả, người mà nhiệt thành ra, thiết tưởng không còn ai ngoại đạo. »

Phán đoán như thế, tưởng không lấy gì làm đích đáng, xin nhớ cho rằng: « Sine me nihil potestis : » Nếu tao không giúp cho, thì bay không có sức chi cả, cho nên việc đi đạo là ơn Chúa gọi, mà kẻ đã được nghe tiếng Chúa gọi, phải mở tai mà nghe đừng đóng tai lại. Ấy là hai điều cốt tử, ngoại giả, chẳng qua là tiếng trống tiếng mõ, tự mình không có thể lực gì.

Vả lại đạo thích lưỡng đồ, không nên ý quyền to thể mạnh mà ức ép, vì thế mà cụ cứ lý công nhiên mà khuyên bảo, họ có nghe thì là phần nhất, nhược bằng dị đoan còn ràng buộc, chưa gỡ ra được, thời cụ cứ vững lòng thêm lời khẩn cầu cho nó, chắc có một ngày lời khẩn cầu ấy không ra vô ích đâu.

Sở kẻ ngoại nhờ cụ Sáu hướng đạo cho mà cái tà qui chính tuy không đếm hết được, nhưng mà cái số ấy cũng khá đông ; lẽ thể khi mười hai người, lúc đôi ba chục thì là sự thường.

Có ba điều đặc sắc cụ Sáu chăm chuyên hơn cả, trước người luyện lập cho mình, sau đem truyền bá vào lòng con chiên, tưởng trải mấy đời bôn đạo không bao giờ bỏ mất, hiện như buổi nay xem thấy cái hiệu quả, thật là mỹ hảo đáng mừng.

Một là khâm sùng Thánh Thể, hai là kính mến Đức Mẹ, ba là cứu chữa các linh hồn nơi luyện tội.

Bây giờ xin chứng minh từng điều.

I — Thời kỳ bấy giờ, khắp miền Bắc-kỳ không mấy nơi được giữ Minh Thánh, phần thì tại nhà cửa trống trải, phần

nhiều hơn là tại hoàn cảnh hãy còn pháp phòng chưa được vững yên, nên lễ đã tế lễ vừa xong, thời các đồ thờ lại thu gọn một nơi.

Năm 1889, cụ Sáu khánh thành nhà thờ Lái-tim vừa xong, thì người vợ xin Bề trên ban phép rộng giữ Minh thánh hằng ngày. Khắp tỉnh Ninh-bình chỉ có hai sở được giữ Minh Thánh là nhà trường Latinh Phúc-Nhạc với xứ Phát-diệm mà thôi.

Bồn đạo mắt thấy cụ hằng ngày qui lâu trước Minh Thánh lại năng được nghe những bài giảng sốt sắng khuyên răn, thì đua nhau đến chầu Minh Thánh, từ bốn giờ sáng cho đến 9 giờ chiều, nhà thờ không lúc nào là ngời, vẫn hằng có người thay phiên đến viếng chầu Chúa trong Thánh Thể ; còn cái số đi xem lễ mọi ngày lại càng đông hơn. Vì thế cố Rousseille qua chơi Phát-diệm, được mục kích cái quang cảnh náo nhiệt sùng kính của giáo dân, thì trong một lá thư ngài gửi về Tây, người gọi Phát-diệm là « Ville de la priere » tức là một đô thị cầu nguyện.

Hạt giống do tay cụ Sáu gieo xuống, hiện nay sinh hoa kết quả chi chít. Từ ngày ban bố nghị định Đức Giáo Hoàng Pío X, giải quyết vấn đề mà các thầy lý đoán hằng tranh biện với nhau đã từ mấy mươi năm, về những tư cách phải có mới được nên rước lễ hằng ngày, thì hằng năm cứ thấy Phát-diệm giạt giải nhất khắp cả hoàn cầu. Lấy số tổng cộng các nơi mà đem tỉ nơi Phát-diệm, thấy Phát-diệm thắng số một cách lạ lùng. Số nhân danh lớn nhỏ trong cả xứ được 10.000, mà lấy số người chịu lễ quanh năm, qui lấy số trung, thời ra

mỗi người một năm chịu lễ những ba mươi lăm lần, mà giá bỏ cái số con trẻ chưa tới tuổi khôn ra, thì cái số ba mươi lăm kia lại càng tăng cao lên hơn nữa.

Chiều chiều quãng từ bốn giờ trở đi, hàng phố gặp nhan nhản những ông cụ bà lão, các cô các cậu, quần áo chỉnh tề. Ngờ rằng : kéo nhau đi đám hội hè nào, đưa mắt nhìn theo, thì ra họ rút vào cả ngõ nhà thờ. Thấy họ nhiệt thành sùng bái, đem tư tưởng suy đến phạm riêng, tự khắc lòng sinh cảm động mà tự trách lấy mình : Người ta trăm việc vương trở, thế mà còn còn kiếm lấy ít giờ đi châu chực Chúa sao mình bấy nay lạnh đám thờ ơ, để Chúa một mình chẳng thêm nhìn đến.

Cụ Sáu suy phạm con chiên, nhiều người vì vô học thức, không quen cầm trí nguyện ngẫm, vào nhà thờ không biết than thở lời gì, nên người dọn ra những kinh sốt sắng lạ lùng, đặt ra thành ca thành vãn, xuôi vãn êm tai, cho ai nấy đã học.

Độc giả phần nhiều đã được nghe những kinh ấy, lúc cả nhà thờ dâng kinh lên đọc, trăm nghìn con người cũng một lời nguyện xin, một lòng sùng mến, khiến cho kẻ nghe tự nhiên phát cảm vô cùng.

II — Đối với Thánh Thể, cụ Sáu nhiệt thành như thế, mà đối với Đức Mẹ tượng cũng không thua kém. Người có lòng trông cậy Đức Mẹ lắm, phạm các việc người làm, đều phó dâng trong tay Đức Mẹ, và qui về mục đích này là cho sáng danh Đức Chúa Giêsu và thêm vinh hiển cho Đức Mẹ.

Lòng triu mến ấy như nước trong chum đầy thì tự khắc

phải giần ra. Kia nhà thờ Lái tim Đức Mẹ, toàn đá quý hoá, kia nhà thờ mân côi cao sang rực rỡ, là chứng biểu-dương do cái lòng mến yêu quý hoá ấy mà xui lên vậy. Gương người làm tự nhiên khiến con chiêm bắt chước. Trừ ngày chủ nhật ra, thì trong nội tuần không có ngày nào người ta xem lễ và rước lễ đông cho bằng ngày thứ bảy, tức là ngày kính riêng Đức Mẹ.

Còn như tháng Đức Bà, ở Phát-diệm người ta rước hoa trọng thể linh đình thế nào xin mời độc giả xa lạ đến tận nơi mà bình phẩm lấy, tả ra đây 10 phần chưa có một mà lại còn phải mang tiếng là chỉ nói ngoa. Nhất là như buổi nay, mọi sự thấy điều tiến bộ, của nhiều vật quý, trang sức cho cuộc kiệu hoa khiến cho ngày càng thêm long trọng. Nói ngay như một bài văn do bọn nữ nhi xướng lên, đã đủ khiến cho khách phương xa lòng gan như vỡ, trí khôn phán đoán không được đích thực : qua một giờ mà cầm bằng năm ba phút.

Ai đọc đoạn trên phỏng còn nhớ tên cổ Rousseille, tức là một đảng đã đến yết kiến cụ Sáu hồi năm 1898.

Năm 1896 người đến Ngô-kê thăm cổ Martin, nhân dịp đó người được mục kích cái cuộc rước hoa của Annam ta là lần thứ nhất. Tiện bút xin sao dịch mấy lời của ngài đã diễn tả, để độc giả xem cái tư tưởng của người tây đối với cuộc rước hoa bên ta thế nào.

Những lời mà người nói trong thơ, tưởng chưa thấm vào đâu với Phát-diệm.

Bung, bung, bung ! Tôi nghe tiếng trống đánh như thế,

liền vội hỏi cha Martin : cái gì đây cha ? Người trả lời rằng : Người ta rước hoa, mỗi ngày trong tháng Đức Bà, các họ sẽ lượt nhau rước hoa kính Đức Mẹ.

« Nhân dân tuần nhà thờ, quang cảnh coi thực sầm uất vui mắt lạ lùng. Giời đã tối, đèn nến đốt sáng trưng một góc giời, tiếng trống tiếng chiêng kêu inh một đám, gió quạt lá cờ bay phất phới, ngoạn mục vô cùng.

Nữ nhi bung bông hoa tự nhiên, giữa cầm một ngọn nến sáng, áo mặc toàn lụa xanh đỏ.

Kiểu vào nhà thờ, thì bọn nữ nhi bắt đầu dâng vãn. Cứ lần lượt từng đôi đến trước tượng Đức Bà. Trống bung một tiếng, thì miệng đọc tay dâng, dâng xong hạ hoa xuống để rước tượng Đức Mẹ, quay ra bái kính nhau, đoạn lại lấy hoa, tránh ra cho hai cô khác vào dâng, cứ thế mãi cho đến hết lượt. Khi đã dâng từng đôi xong, thì một cô lớn, đầu đội tràng hoa ra đứng ở giữa, các cô khác lần lượt đứng từng vòng chung quanh mà quay mặt ra, cứ thứ tự : lớn đứng gần bé đứng xa, thành ra như một chùm hoa kếp thành nhiều đệp, coi xinh tốt vô cùng, tôi tưởng mắt chưa từng thấy hoa nào đẹp dễ như thế. Nghe bung một tiếng, các cô thấy đều dâng hoa lên, miệng hát lời « Ave Maria, ave Maria ».

Lúc ấy đồng hồ sao đi chóng lạ, tôi đứng xem mà quên cả nóng bức. Các đấng thương tôi già yếu, bảo người mang ghế đến và cắt hai phu cứ quạt hai bên.

Nhân dân họ đọc kinh chung, nghe đều một giọng, tưởng các thiên thần cũng phải lấy làm hay. Kìa như mụ đàn ngoài

bảy mươi tuổi, đang ngồi ở góc sân kia, tuy không biết coi chữ, mà miệng vẫn lầm bầm đọc các kinh.

Bồn đạo Annam, họ thuộc lòng các kinh bồn. Lúc đọc mỗi bên một phe, tiếng ấy từ đất thấu qua mấy lượt mây lên thẳng toà Chúa, khiến Người mưa ơn lành xuống cho. »

III — Còn một việc cụ Sáu hằng chuyên cần lo lắng là cứu các linh hồn, người mở lễ một cách rất trọng thể để khuyến khích con chiên thương nhớ kẻ đã quá ; mà rày đang chịu nung đốt trăm phần khổ hải.

Ngày trước lễ linh hồn, người mở tuần chín ngày, mỗi ngày giảng hai chiều. Muốn ghi tạc vào lòng con chiên đời đời hằng nhớ, thì người dọn ra những kinh rất sốt sắng khéo léo, khiến cho miệng đọc mà lòng như vỡ ra vì mối tình cảm thương.

Một ngày rất cảm động, một thi giờ muôn đời hằng ghi nhớ do cái lòng nhiệt thành với các linh hồn mà xui nên, xin thuật qua lại đây.

Xưa kia Phát-diệm vườn thánh chưa lập, tử thi đem táng rải rải khắp mọi nơi, đi từ đầu làng đến cuối, chỗ nào chỉ thấy lỗ mồ những mả.

Cụ Sáu suy ra : xác bồn đạo là đền thờ Chúa Thánh-Thần, sau này lại hợp cùng linh hồn mà hưởng toàn phúc, lại ước ao cho con chiên khi sống đã cùng nhau thờ Chúa trong một nhà, chết đến lại được cùng nhau nằm nghỉ một chỗ, nên người tậu một khu đất khá rộng, chung quanh xây tường gạch cao, chính giữa trồng một cây thánh Giá cao, rồi truyền

hắn từ nay trở đi, hễ ai chết thì phải đem táng tại đấy. Còn như mồ mả đã chôn rải rác các nơi, thì người chỉ hẹn cho hắn một ngày, ai nấy nhận lấy mồ mả nhà mình mà bốc lên, xương thời bỏ vào tiều.

Ngày hẹn vừa tới, mọi người vác móng ra bốc mả. Nơi bốc mả cha mẹ, chỗ rở mả vợ con. Lòng thương nhớ kẻ ruột thịt cùng mình, khiến cho ai nấy thồn thức trong lòng, phát ra tiếng xút xùi than khóc khắp mọi nơi, cả một làng nhà nào cũng có đám hiếu.

Những xương đã bốc lên bỏ vào tiều đếm được hai nghìn cái, đoạn rước lên xếp chặt mấy gian trên nhà thờ. Nhà thờ cụ Sáu đã truyền bài trí cho trọng thể. Hôm ấy người làm một lễ mỗ trọng thể cầu nguyện chung cho các linh hồn, lễ đoạn rước lên chôn vườn thánh mới. Cuộc rước linh đình trọng thể dường nào, ai nấy tự mình để ước lượng ra.

Lòng thương giúp các linh hồn, hiện nay ngày thêm tiến bộ, xem như quanh năm, đến tháng các linh hồn, thời cái quang cảnh coi rất náo nhiệt.

Mỗi ngày kẻ có ba bốn lễ mỗ, còn như lễ bàn thờ thì kẻ số đa. Số người xem lễ, chịu lễ, người đi viếng Minh-thánh để cầu cho các linh hồn, thời đông như ngày hội. Cụ Sáu đã khó nhọc cõ động cho các linh hồn ; nay các linh hồn phần nhiều đã lên thiên đàng, chắc không nỡ quên một người ân nhân lớn của mình. Từ ngày cụ Sáu thác đi, dân cư Phát-diệm vẫn tỏ ra lòng cảm nhớ công ơn. Nào những lễ chung hàng xứ xin, nào những lễ riêng của từng họ, từng hội, lại các lễ

riêng từng gia-đình bằng xin cho cụ quanh năm, đủ chứng minh đều đó. Hợp như lời Chúa phán rằng : « Bay đong cho ai đấu nào thì Tao cũng đong lại cho bay đấu ấy ; mà đấu Tao đong thì đầy đầy dư thừa. »

Ngoài ba điều mà ta mới thuật trên, lại còn điều khác, tưởng cũng đặc sắc lắm, tức là lòng nhiệt thành đối với sự thương khó Chúa.

Lót mùa chay ngày nào người cũng giảng hai bài, diễn ra các sự tích Chúa cả đã chịu vì lòng thương xót nhân loại. Lời nói hùng hồn, giọng tiếng êm ngọt, lúc thì ran ra như tiếng sét, có khi dịu dịu như cơn gió thổi, khiến cho thính giả khi khóc, khi lặng, khi buồn khi vui.

Còn như tới tuần lễ thánh, chính đốn một cách long trọng đặt biệt, khắp mặt hoàn cầu tưởng ít nơi ví bằng.

Ngày thứ năm, thứ bảy số người rước lễ đông như kiến. Phải có tám, chín linh mục phát Minh-Thánh hơn nửa tiếng đồng hồ, mà nhiều khi hãy còn chưa xong. Khách thập phương kéo đến cuộn cuộn như nước chảy. Khi Minh-thánh đã kiệu xuống nhà thờ Lái-Tim, thì suốt ngày đêm trong nhà thờ cùng ngoài sân, người quì kín mít, kinh đọc liên li, giây phút không ngơi.

Cụ Sáu tài dụng những cách khuyến khích lòng con chiên ghi nhớ cái sự thương khó Chúa. Như hội quân dữ ở Phát-diệm là do cụ Sáu lập nên. Mục đích của hội là diễn ra cái sự thương khó Chúa một cách hoạt động, để đánh thức lòng con chiên động tình thương xót.

Tiện đây xin thảo-lược mấy dòng về cách hành vi của hội.

Người trong hội tuyển trong các họ, chỉ có những người trong sạch, hạnh kiểm tốt, mới được ra ứng cử. Hội phân ra nhiều hạng, có kẻ làm quan, người làm lính, kẻ làm tông đồ. Vai chú Juda phải thuê người lương dân đóng thay, bên giáo không ai chịu nhận vì họ gớm ghét cái mặt đura phản thầy. Còn vai Đ. C. G. và Đức Mẹ cũng không ai chịu nhận vì suy mình là đura hèn tội lỗi lẽ đâu đặt mình lên cái địa-vị tối cao đường ấy, cho nên gọt gổ kẻ thay ; tượng làm rất tinh, một con mắt người thường không ý tứ nhiều khi bị lừa, tưởng là người thật. Lúc Chúa hay Đức Mẹ có phán bảo điều gì thì sẵn người gần tượng, mượn cung Đ. C. G. giả giọng Đức Mẹ mà phán ra.

Cụ Sáu tài cao trí rộng, quả năng thiện thuật, nên đã nghĩ ra được cái diễn tả thích hợp với cái tính tình người Nam.

Đội quân dữ ăn vận theo một triều Nam : áo dạ xanh đỏ, đai lưng giắt mỗi bên hông, đầu đội nón sơn, tay bồng súng gỗ, cả hội do một ông làm Philatô đốc suất.

Ngày thứ năm tại vườn Giết, đề sẵn bốn tượng, rải rác mỗi tượng một phía. Hốc này thấy thánh Phêrô đang nằm chống tay, mu mắt rấp rím ; còn thánh Jacobê, lưng dựa vào đá chân giuỗi thẳng ra, hai tay nắm chặt. Sâu thẳm trong hang, có Chúa Giêsu đang quì cầu nguyện, mắt liếc về lời chờ lệnh Đ. Chúa Cha truyền ra. Thốt nhiên một vị thiên thần thừa lệnh trên trời, nài xin Đ. C. G. gánh việc chuộc tội. Xa xa mấy bước một bọn các cô thiếu nữ, giọng nghe thanh thoát, ngâm nga các thứ văn bài cụ Sáu đã dọn.

Ngày thứ sáu độ tư giờ chiều, sắp cuộc diễn binh đi tìm Đức Chúa Giêsu.

Tượng Đ. C. G. vác thánh Giá, thời đề sẵn ở nhà một ông kỹ mục Phát-diệm, độc giả hãy tạm cho đó là một nơi Đ. C. G. đang cầu nguyện.

Cơ đội quân dữ nghe tiếng còi huyết, đổ ra các đường lối, các ngã ba, hỏi thăm xem ông Giêsu đang nấp ẩn ở đâu. Bóng chiều đã ngả, giờ đã nhá-nhem, bọn lính kéo xông vào nhà có tượng Đ. C. G.. Đến sân, trước còn sưởi lửa cho ấm, sau tiến lên trên nhà. Vừa thấy Đ. C. G. các hân liền cất tiếng hò reo, tiếng xiềng kêu leng xeng, kẻ hò trời, người bảo hãy khoan. Một tiếng còi của ông trưởng hội khiến mọi người lập tức yên lặng, quay ra sắp hàng lớp để rước tượng Đ. C. G. về nhà thờ chính.

Dọc đường đèn đuốc sáng trưng, nhói lệnh kêu đi-đùng, chung quanh tượng Đ. C. G. nhấp nhố những đèn cù đèn nến, một người lính đi bên tượng cầm xiềng kéo lôi leng xeng.

Tới gần nhà thờ, một bọn ở trong kiệu tượng Đức Mẹ ra đón, đó tức là nơi thứ 4, hai mẹ con bất thần gặp nhau. Đức Mẹ mục kích cái thảm của con, không thể cầm lòng nén dạ, liền nấc nỡ thương khóc. Đ. C. G. yên ủi Đức Mẹ vui lòng vâng ý Đức Chúa Cha mà thương số phận loài người chìm đắm, Đoạn rước cả hai tượng mẹ con về nhà thờ chính.

Nhà thờ đầu người chi chít như nêm. Một bức màn dài thâm chắn hai gian phía trên, đó là tiêu-biểu của núi Calvaire. Đoạn quân lính vác tượng Đ. C. G. đã đề sẵn đẩy lấy búa

đanh, đóng vào thập tự ; tiếng ở trên đồng kêu canh cách vàng ra khắp vùng, khiến lòng giáo hữu đang ngồi ở dưới như muối xát ruột ; tiếng búa càng kêu tiếng đấm ngực lại càng mạnh.

Lời thở than còn chưa ngớt; bức màn liền kéo vén lên, bọn quân lính xúm lại dựng thánh Giá lên cái sập cao ở giữa nhà thờ. Từ đấy bắt đầu xướng ngắm 15.

Đến ngắm 14, tới câu : « Hai ông thánh... lên tháo xác Đức Chúa Giêsu xuống, thời có hai viên chức, mình vận tang phục, vác hai cái thang bắt vào 2 đầu thánh Giá, leo lên tháo xác Chúa xuống, đem đặt vào lòng Đức Mẹ đang ngồi trên ghế.

Đức Mẹ ngắm mặt mũi con, thương tích đau lòng liền phát tiếng than khóc : « Hỡi thương ôi ! ai làm khổn con tôi thể này. Nghe lòng một người mẹ khóc thương con, làm cho cả thánh giá cũng phải xụi xụi. Hai đầy tớ thừa với Đức Mẹ rằng : « Lạy Đức Mẹ, xin để chúng tôi cất xác thầy kéo tới... » Đức Mẹ : « Ôi ! phở ông chớ vội bắt mẹ lìa con sớm làm vậy... các đầy tớ nài xin mãi, Đức Mẹ mới chịu đành buông ra cho đầy tớ đem đi liệm xác vào một quan tài quý báu.

Tiếng Mã-la nổi lên, bọn đồ tùy khăn trắng áo-tang ở cuối nhà thờ, hai hàng khoanh tay kéo đến, nâng quan tài đi đi khiêng ra sân cuối nhà thờ, để trên một cỗ đòn kiệu bát cống.

Đám cất xác linh đình trọng thể, hết mọi người áo quần một sắc trắng loạt, khách quan chiêm muốn đi nhập bọn, phải sắm sẵn một bộ nam-tang. Trước linh-cửu, quan viên chức sắc, tay cầm đèn nến ; các tây nam ca nhạc, mình vận

bằng tang ; trưởng đối cò nheo lữ lượt đi trước. Theo sau linh cửu có các phụ nữ áo trắng mũ mào, nển cầm trong tay. Bồng trên bờ giải xuống nước ao, thành ra bai đám cùng nhau tương đối. Chung quanh khắp cả vùng giới tối đen như mực, mà trên con đường Phát-diệm đèn đuốt sáng trưng nhấp nháy như sao trên giới, mấy trăm con người, áo quần trắng loát, miệng đọc ca-văn, kéo nhau vòng lượn quanh đường ao-hồ, đứng trên Phương đình mà coi xuống, tưởng không chỉ đẹp mắt cho bằng.

Đám rước tới cửa hang táng xác, thời dừng lại, đồ tùy di-di hạ quan tài xuống, khiêng vào táng trong hang, các cô đồng nữ bắt đầu xướng hát văn mờ. Kéo đồng hồ ra coi, thời đã quá nửa đêm mất rồi.

Người ở nhà thờ kéo ra các ngả, nửa tiếng đồng hồ mà chưa thấy ngớt, lòng ai nấy đầy những tư tưởng thảm thương. Còn như nơi mờ Chúa, thì đặt một đội lính gác.

Ngày thứ sáu độ 5 giờ chiều, người các nơi kéo đến chật ních trong nhà cùng ngoài sân. Một tiếng loa vang to như sấm : « Bớ quân Giudêu, Đức Chúa Giêsu đã sống lại rồi ! » Quân canh giật mình như tiếng sét sau lưng, bỏ các súng ống khí giới, vùng quăng trốn chạy, đến cuối nhà thờ giả ngã lăn ra, rồi đứng dậy ngay xếp hàng ngũ tử tế về cửa hang để rước Chúa khởi hoàn thắng trận lên nhà thờ chính.

Cụ Sáu chẳng những lấy lời giảng khuyên, lại dọn ra nhiều kinh văn nhiều ca giáo huấn, tóm lại những điều cốt yếu trong đạo. Năm 1910 đã thu nhặt vào bốn cuốn, gửi cho

nhà in Hương-cảng (Hồng-kông). Trong bốn cuốn đó, có mấy nơi không được hợp vận xuôi mệo thi-văn, vì cụ Sáu cứ xuất khẩu thành chương, chứ không có ý cầu kỳ văn hay. Như thế vừa tự nhiên vừa giản-dị, lại vừa thích hợp với cách thức mẹ con châu tình nhủ bảo, phiền vì có người cho là chói tai sai mệo, nên đã sửa đổi qua lại, thành ra mất cả chính văn, kém giá trị, nhiều người phản nản ca thán. Kia văn ông Cicêro, bài ông Coesar, sách các thánh giáo phụ thật là trôi chảy tuyệt bút, tuy vậy có mấy nơi không được đúng mệo, mà có ai đang tay dám chen bút mình vào đâu ?

Trong bốn cuốn đó, cuốn thứ bốn nhan đề là « Hiếu sự » được công chúng hoan nghênh thích đọc hơn cả. Trên đời nào được mấy cha mẹ dạy con cặn kẽ như thế. Những kẻ mắc thiên kiến mà ngờ rằng : đi đạo là bỏ cha bỏ mẹ, hãy mở quyền ấy ra mà coi. Vợ chồng chăm đọc sách ấy, tưởng không bao giờ nở lòng phượng rẽ loan chia. Thực là một cuốn sách nhỏ mà qui hoá vô cùng. Độc giả ông nào bề lý tài khá giỏi, nên mua ít nhiều quyền phân phát cho bọn lương dân đạo mới, như thế tưởng cũng là một cách truyền bá đạo linh hiệu lắm vậy.

Ngoài bốn quyền đó, cụ Sáu còn đặt ra nhiều ca vãn khác, hiện nay nhiều người còn đọc, tiếc vì không ai soạn lại thu vào một cặp để bọn hậu lai được xem.

Cụ Sáu thực là một người kiêm được nhiều cái đức tính rất tốt khiến cho các vua cũng phải nể phải khen. Như vua Tự-Đức rất phản đối với nhà đạo, thế mà cũng phải khen cụ

Sáu : « là một người ân nhân lớn của cuộc dân. » Bất luận lương giáo mà gặp bước gian chuân tân khổ, kêu xin người cứu, thì người hết lòng phù nan cứu nguy cho.

Người có lòng thương hết mọi người, nhưng những trẻ con cùng những người bần cùng cô thế, thì người lại thương yêu cách riêng. Bất cứ giờ khắc nào, dù đang vướng trở việc cần hễ thấy bóng nó đến, người liền bỏ việc chạy ra, hỏi han an ủi mấy câu. Có phải nhà nghèo đem tiền xin lễ, thì người chẳng những không lấy lại mở hòm thưởng thêm cho một vài quan nữa.

Xin thuật ra đây một tích để biểu lộ cái lòng thương người quý hoá lạ lùng.

Trong nhà xứ có tên bồi ra trộm ngoài làng đánh chén. Anh ta được chủ nhà hậu tiếp, cứ rót mãi cho, thành ra uống khi quá chén. Đêm khuya canh tàn, cổng trong nhà đã đóng ai nấy đã ngon giấc điệp rồi, thời anh ta mới lần mò ra về. Đến cổng mà thấy cổng đã đóng, anh ta thu ngay hai tay lại dấm ình ình, tay dấm miệng hò, làm om thòm cả lên. Nhà xứ chỉ còn một người đang thức, người ấy tức là cụ Sáu đó. Cụ ra mở cổng, anh ta mắt gà gà ra rồi, không biết là cụ, tưởng là một người anh em bạn bồi, tay quàng ngay lấy cổ cụ, miệng sặc những hơi rượu, nói giọng khề khà rằng : « Công anh về cho khéo nhá, kéo cụ Sáu mà biết thì anh em mình khốn đấy. » Cụ Sáu cứ bình tình dắt nó về đến tận phòng, cởi xống áo ra cho, đặt nằm trên giường hăn nằm xong thời cụ mới ra. Người vừa ra khỏi cửa hăn lại gọi bảo : « Em cho anh xin bát

nước, anh khát quá » Cụ lại đi lấy bát mức cho hẳn uống, rồi lên nhà phòng. Hôm sau người gọi tên bồi ấy lên nhà bảo riêng cho hẳn biết, mà người giữ kín không hề kể lại cho ai hay. Hồi cụ đã quá khứ đi rồi, chính miệng hẳn ta thuật lại cho thiên hạ hay cái câu truyện bí mật ấy, thời mọi người mới biết. Đọc truyện ông thánh François de Sales thấy kể một tích truyện giống bết như cái tích kể đây.

Lòng thương cụ Sáu ví được như một bể nước đầy tràn cả xứ Phát-diêm, lại chảy ra các miền chung quanh các làng ngoại giáo nữa. Một người quyền hành như cụ Sáu, một người hoà nhã như cụ Sáu, một người hay làm ơn như cụ Sáu, lẽ gì nhân dân không mến phục, không biết ơn chứ ? Vì thế mà hơi động tiếng trống loạn báo việc gì như cất nhà thờ, xây phượng đình v. v. thì các dân các xã lương giáo đôi bên tấp nập chạy đến, kẻ giúp công, người giúp của, Cụ muốn cái gì là đều được mãn nguyện. Nhiều khi họ không chờ cho có lời cụ truyền khiến, như ngôi nhà cụ ở, trước chỉ có một tầng, lúp túp bé nhỏ. Bon đạo thừa cái lúc cụ vắng xa nhà, bảo nhau tuôn đến quét tước sửa sang và bôn lên một tầng nữa. Nhà ấy hiện nay Đức cha Hành (Mgr. De Cooman) đang ở.

Còn tích sau này tỏ ra rằng : người có lòng thương riêng nhất là các con chiên Chúa đã phó thác cho. Chớ gì các đáng lấy tích này làm gương.

Tuần lễ thánh 1899 tức là ba tháng trước khi cụ qua đời, lúc ấy người đang ốm mà vẫn cứ gắng giảng khuyên cùng ngồi giải tội. Một hôm tại người gắng quá mà xuyít nửa ngã

lăn ra ở cuối nhà thờ. Bồn đạo thấy người nhọc mệt quá, xin người về nhà nghỉ. Người bảo rằng : Linh hồn cụ và linh hồn con chiến đã nên như một, có cụ mà không có chúng con, hay có chúng con mà không có cụ thì cầm bằng như cả hai bị mồ côi. Vì Chúa vì chúng con mà cụ phải chết ở đây thì cụ cũng lấy làm hân phúc lắm. Thôi chúng con cứ để yên mặc cụ.

Nghe mấy lời đó, ai mà chẳng cảm động, chẳng khen cái lòng nhiệt thành của cụ Sáu chứ ?

Khi lâm thời tiết đại hạn mất mùa, con chiến lắm than đói khát, cụ bèn hết sức phù nạn cứu nguy, ra sức giơ tay tế độ. Người chia buồn sẻ đắng với con chiến : mâm cơm có mấy lá rau, cơm ăn quá nửa pha ngô. Ai cho đồng tiền thúng gạo nào, thời đem ra phát chẩn bần cho cả công chúng. Thấy ai bần cùng túng thiếu, chẳng đợi nó đến kêu xin, tự ý đem của nhà đến cho, như tích sau này chứng minh đều đó.

Có nhà kia ngày mai rước rầu cho con, nhưng phiên nhà nghèo không có chi thiết đãi bà con láng giềng. Cụ nghe tin, động lòng thương xót, bèn gọi tên bồi, bảo vào chuồng bắt một con lợn, cùng xúc hai thúng gạo đem ra cho nhà đó.

Nhà ấy mừng rỡ quá mà rần rần nước mắt ra, vì thấy lòng cụ quá thương đến mình làm vậy.

Những người mà chỉ biết no ấm một thân một mình, hãy học lấy đó làm gương, chứ đừng thấy kẻ khó vào nhà mà vội đóng cổng gài then, đừng đợi đến nó xin bã miệng ra, mới cho được vài hạt cơm, hay mắng chửi mà khiến nó phải tủi thân khóc phàn.

Cụ Sáu thực là một nhà đại từ bi, một nhà chí nhân lành, nhưng *Virtus in medio stat* : người nhân đức làm việc chi thì cũng biết cầm mực trung, không thái quá đàng nào, từ bi mà đôi khi phải biết thẳng, nhân từ mà một hai khi cũng phải ở thẳng ra uy. Lúc cụ xử thẳng thời nguyên thấy cái oai của Người cũng đủ khiến ai nấy phải run sợ. Ai mà cả dám vi phạm thời trừng trị một cách nghiêm thẳng.

Dân Việt-Nam trong những ngày đầu năm xuân đán, rồi giờ thừa việc, thường hay lợi dụng lúc đó, mà tổ tôm xóc đĩa, đánh bạc uống rượu sinh ra nhiều truyện thương luân bại lý. Cụ Sáu muốn trừ triệt cái thói hư đó, thời ra lệnh truyền cấm cả những ngày nguyên đán cũng không ai được chơi. Bình nhật không ai dám lỗi, nhưng buổi xuân mới, họ cũng trộm vụng quây ba tụ bốn với nhau, mà giấu giếm kéo cụ bắt được.

Dịp nguyên đán năm 1891, tức là năm sáng cất dựng đền Thánh Mân côi, cụ bắt được 100 tên lỗi, cụ bèn gia hình phạt cho, bắt vào xay lúa giã gạo trong nhà xứ, anh một tuần, hai tuần, có anh ba bốn tuần. Nhất cử lưỡng tiện, nhờ đó mà các thợ cũng đủ gạo ăn.

Cụ Sáu thực là thầy tu áo vải, oai quyền như thế, phẩm hàm như thế, mà không ra ngoài đức khó khăn. Phòng ở không có một chút chi gọi là ăn chơi đài các, không có bức tranh nọ bộ sơn thủy kia, không treo những bằng sắc vua ban, cùng bội tinh, kim tiền vua thưởng, như thường thấy trong mấy nhà đời nay. Cụ ăn vận một cách tầm thường đơn sơ ; một đôi phen, vì cái phẩm hàm, bắt buộc phải cờ quạt, cang lọng

hành ngại, như khi phải đi đón rước các quan đại thần v. v... thời lấy làm một việc bất đắc dĩ cùng ngại ngùng lắm. Theo lẽ thường người quyền cao chức cả, lắm kẻ nịnh thần, nhiều người tô bõ. Nhưng đối với cụ Sáu thực là khác xa lắm, không ai dám hở miệng không khen, toan ngót chỉ trước mặt Người. Ai vô ý nói chỉ nhắc đến những huân nghiệp lớn lao của Người, thời Người lấy lời nghiêm thẳng mà bảo phải thôi.

Người ưa tịch mặc yên ắng, chỉ thích ở trong phòng đọc kinh coi sách, tránh những nơi công môn đô hội, không thích giao thiệp với quan chức phần đời.

Một đôi khi vì đức thương yêu mà phải lên tỉnh vào quan thời hết sức cho mau cho chóng mà về, xem thời kỳ Ngài làm Khâm sai trấn an Thanh hoá thời đủ biết. Những công cuộc người phò tá chính phủ Pháp Nam thực nhiều, nhưng hễ xong là như quên hết, không hề nhắc đến bao giờ, không bù cho những bộn cato đời nay.

Cụ Sáu hiền lành khiêm nhường, nhưng cũng giữ mực hãn chế, đôi khi phải ở thẳng ra oai. Những hạng mà cứ ý cường quyền nạt nộ người ta, có phải ông to đến mấy, cụ cũng không kinh không nề. Như một ông quan tây kia, ý quyền bảo hộ, dám đàm tiếu người Annam trước mặt cụ, cụ liền lấy lời thẳng bảo quan ấy rằng : « À ông lại khinh bỉ dân tộc Annam trước mặt ta ru ? Nay ta bảo ông hay, ta mà được sinh trưởng ở đất tây phương, thời cái bộ mã của ông vị tất đã được mang giấy hầu ta. » Ông quan tây nghe nói thế, ra dáng muốn dậm đoạ ra oai, chực cầm súng toan bắn, cụ bèn đứng thẳng lên,

giơ ngực ra, thách quan ấy rằng : « Này, bụng ta đây, quan có giỏi cứ nồ vào đó. » Ông quan tây nghe lời nói cứng như đanh, biết cụ không phải người thường, bèn tự hạ xin cụ thứ tha. Cụ liền bắt tay làm lành, tỏ mặt hoà nhã ; mà từ đấy về sau, hai người lại thân mật thiết tha cùng nhau cách lạ.

Cụ Sáu thiên tư vẫn giỏi, lại có tính hiếu học lạ lùng. Lúc thư rỗi một mình tại phòng, vẫn thấy người coi sách luôn. Khi phải trẩy trung đi đâu, vốn mang con sách đi kèm, để lợi dụng cái thời giờ rảnh mà xem. Người quen gọi sách là người thân của mình, dù vương trở trăm việc, nhưng ngày nào cũng bòn chút thời giờ mà đọc một vài trang sách. Có kẻ lấy điều đó làm lạ, thời cụ trả lời rằng : người mà không học tập luôn, tức không thể nên một người hoàn toàn được vậy.

Vì thế mà bất thần phải thảo một giấy chi hay phải giải quyết một vấn đề nào khó khăn thì cụ có tư liệu sẵn. Như năm 1885, vua Hàm-nghi trốn, phải chọn một vua mới lên thay, trong triều sinh ba bé bảy bối, kẻ muốn vua này, người muốn vua kia, không ai đồng ý với ai, mà không thể mà giải quyết cho xong. Các quan thấy vậy thì cử một ông quan đại thần ra Phát-diệm hỏi ý kiến cụ Sáu.

Người liền bảo quan ấy rằng : « ⁽¹⁾ Cái vấn đề này thiết tưởng không khó gì. Sách luật rằng khi vua băng hà đoạn, thì bà Hoàng-hậu đặt vua mới lên thay, các quan phải cứ ý kiến của

⁽¹⁾ Cụ nói thế là bấy giờ trong triều đang có cái nạn phế lập 3, 4 ông vua không được một năm v. v.

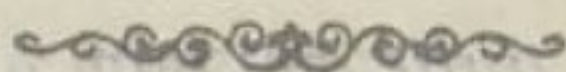
bà, không được tự ý phế lập. Vậy xin quan lớn cứ lĩnh ý bà Hoàng-hậu là xong. »

Quan nghe cụ trưng sách luật rành rành, xin phục lý ngay. Quan cảm ơn cụ đã chỉ giáo cho mà rằng : « Tôi mất 500 \$ than chạy tàu ra đây, thực cũng là bỏ cái công lao của tôi vậy. »

Cụ Sáu học trường vào cái thời gian cấm cách, thế mà tiếng latin người thạo lắm. Sách các thánh tổ-phụ, các thánh tiên-sĩ và các sắc công đồng Hội-thánh thời ngài thông hiểu hết. Phàm giao-thiệp với quan tây, bất luận khẩu đàm hay bút đàm, thì cứ tiếng latin, nói trơn viết trơn, chứ không phải dùng ai làm thông ngôn, các quan tây khi ấy nhiều ông cũng biết nói tiếng latin.

Muốn diễn ra hết các đức-tính cụ Sáu, tưởng phải có mấy mươi đệp giấy lớn, nên xin tóm tắt lại một câu này là gồm hết các đức-tính của người : « Cụ Sáu thực khôn ngoan như con rắn và hiền lành như chim bồ câu. » Đối với các quan tây-nam phần đời, cụ Sáu là một người khôn ngoan lý sự ; mềm cứng đủ lối, mọi lời nói ra không thất lý, một chữ viết ra không ngoài luật, không ai có thể nạt nổi. Còn cách đối với các đấng trong đạo, với những kẻ bề dưới, cụ lại là một người rất khiêm-tốn hoà-nhã. Phàm-việc chi cũng cứ tình cha con anh em mà đãi, không khi nào rở lý sự ra mà chống chể.

Một thầy cả mà kiêm đủ mọi tư-cách đạo đời như cụ Sáu tưởng trên đời cũng không mấy khi có.



ĐOẠN THỨ MƯỜI MỘT.

CỤ SÁU THỌ CHUNG.

Năm 1898 cụ Sáu ngã bệnh nặng. Đức Cha Đông (Mgr. Gendreau) mắng tin, liền vội sai cố chính Linh (Schliklin) xuống thăm. Cách mấy bữa bệnh cụ đã bớt thì cố chính lại trở về Kẻ-sở.

Năm 1899 cụ ngã lại, khi ấy bốn đạo đang nỗ lực trị chân móng... cây thập, người yếu mà cứ suốt ngày đứng coi. Đến tháng Đức Bà bệnh cụ ra nặng hơn, người kiệt sức quá không thể gắng gượng đi lại được nữa. Các tờ bồi giấy má cùng sờ sách thì người lỗi cả cho cụ Diệm là cựu học sinh của cụ. Người muốn đến thăm các họ để cha con từ giã nhau một phen sau hết, thì bảo làm một cái giường mây để khiêng người đi, giường làm đã xong nhưng mình người chỉ còn lượt da mỏng bọc lấy xương, không ăn không ngủ được, nên dù giường mây cũng chịu bỏ xó, không sao dùng được nữa.

Người ta trông Trung ngoài Bắc được tin cụ Sáu ốm nặng, thì tuôn đến Phát-diệm viếng thăm đông lắm, các quan tây nam nhất nhị phẩm, nhiều lần đã đến tận nơi tỏ lòng nhớ thương người, cụ Sáu vui lòng cảm ơn hết thấy. Người đau đớn nhọc mệt mà không hề phàn nàn than thở một tiếng bao giờ, khi cơn đau nổi lên chỉ kêu tên cực trọng Đức Chúa Giê-u, Đức Bà luôn miệng, tay cứ cầm chặt mẫu ảnh thánh-Giá khi thì hôn kính, khi thì nhìn xem.

Cố Cần và một đáng đến thăm người, thì người chỉ tỏ mặt vui mừng cảm ơn, không nói được nữa, cố Cần ghé vào tai nói với người rằng : « Đến mai tôi sẽ làm lễ ở nhà thờ St Pierre cầu cho cụ. » Người gật đầu cảm ơn. (Thánh Phêrô tức là bốn mạng của người.)

Đêm mồng 6 Juillet cụ thấy mình gần chết thì xin ăn mấy các phép lần sau hết, đến 6 giờ sáng, người rần sức nói được mấy tiếng : « Hãy đánh chuông lên hiệu đề bốn đạo đến cầu nguyện cho linh hồn cụ. » Nói đoạn nằm yên một bề không còn động cựa. Một tiếng chuông trên Phương-đình khiến cho mọi người ruột gan như nổ, chân tay rụng rời, nước mắt tuôn chảy, vì đoán chắc là cha rất yêu mến phỏng đã ly-trần. Ai nấy vội vàng chạy đến cổng nhà xú xục xị lẳng tin. Nhưng 6 giờ 30 mới thật là giờ bi-đát hơn cả, là giờ người Phát-diệm phải lập kỷ-niệm hằng năm, tức là giờ cụ Sáu nghỉ yên một giấc trăm năm. Hôm ấy nhằm mồng 6 Juillet 1899, cụ hưởng thọ 74 tuổi, làm cha chính Phát-diệm trước sau non 40 năm giờ.

Người vừa tắt hơi thì cụ Chấn đứng trên nhà gác, rao lớn tiếng rằng : « Cha ta đã tắt hơi rồi, anh em ta hãy vào nhà thờ cầu nguyện cho linh hồn người. » Tiếng nói chưa dứt thì tiếng khóc đã oà ngay ra lên..... ai nấy khóc nức khóc nỡ như con mất cha, tủi cái phận mình mồ côi từ đây mất nơi nương dựa ! Tiếng khóc như gi không ai có thể dẹp yên được. Chuông nhà thờ chính, chuông nhà thờ các họ, rên inh ỏi vang ra khắp cả góc giới miền bề. Các xứ các miền lân cận người đồ

đến như kiến, ngoại đạo kéo nhau lũ lượt như nước chảy. Ai nấy vào nhà thờ lẫn hạt cầu nguyện cho linh hồn người. Đến chiều hôm ấy thời liệm xác. Các đấng các bậc nơi xa, được giấy thép vôi vàng đến Phát-diệm. Trong số đó có Đức Cha Thành (Mgr Marcou) hồi ấy đang làm Đức Cha Phó Kẻ-sở, cố chính Linh và nhiều cố khác. Cố Cần thời ộp trần thiết nhà thờ để mai làm lễ qui lăng.

Quá trưa mồng 7 Juillet, rước xác một cách trọng thể ra nhà thờ chính cho bồn đạo đến viếng kính.

Sáng mồng 8, cố chính Linh làm lễ mở cầu cho linh hồn cụ, người có giảng thuyết một bài, lược tóm những công trạng tài năng nhân đức của cụ Sáu hồi còn bình sinh. Giọng nói hùng hồn, lời lẽ đầy khoa ngôn ngữ khiến cho các thánh giả động lòng nức nở gục xuống khóc thương. Ngày mồng 9, rước linh cửu đi một vòng chung quanh các phố đường, để cha lành giã biệt con cái một lần sau hết.

Đám rước long trọng nghiêm chỉnh phi thường có mọi đấng mọi bậc : phần đạo có Đức Cha Thành, các cố, các cụ, các thầy giảng, học sinh các trường, các bà Phước. Phần đời có các quan đại thần hai nước, quan Thống-sứ Bắc-kỳ vương trở không đến dự được, thì cử quan Công-sứ Ninh-bình thay mặt và gửi lời chia buồn với giáo hữu Phát-diệm; Thanh-hoá có quan Công-sứ và một đội lính tây. Trong bộ sai quan Tổng-đốc Thanh-hoá thay mặt lại có quan Thượng-thư đại học-sĩ Nguyễn-khắc-Vĩ, quan binh bộ thượng-thư hậu bổ Đỗ-Diển, các quan phủ huyện, các tổng lý các xã và độ 40.000 giáo hữu

quần trắng áo trắng đi theo linh cửu, Rước linh cửu đi một vòng qua các phố, ai nấy nước mắt giàn giụa, ruột gan héo hắt, qua các phố xong thời rước vào nhà thờ làm lễ qui lãng. Chủ tế là Đức Cha Thành, người có giảng một bài tán dương các huân nghiệp của cụ, mà nhất là khen người có lòng lành hay thương người một cách lạ thường. Lễ xong kiệu xác ra táng trước sân Phương-đình như lời người đã di chúc. Mọi người chen nhau rên lên xem quan tài cha yêu dấu của mình một lần sau hết ; thế là từ nay cha con không còn gặp nhau trên đất Phát-diệm này nữa.

Lúc ấy quan Công-sứ tỉnh Ninh-bình có đọc một bài điệu văn rất là hùng hồn cảm động.

Cụ Sáu qua đời được 2 năm, thời Phát-diệm đứng biệt một địa-phận riêng, do Đức Cha Thành quản trị.

Năm 1925 tức là 26 năm từ khi cụ Sáu qua đời, vua Khải-Định nhớ công ơn của cụ mà gia phong cụ lên, « Tước Phát-diệm Nam.

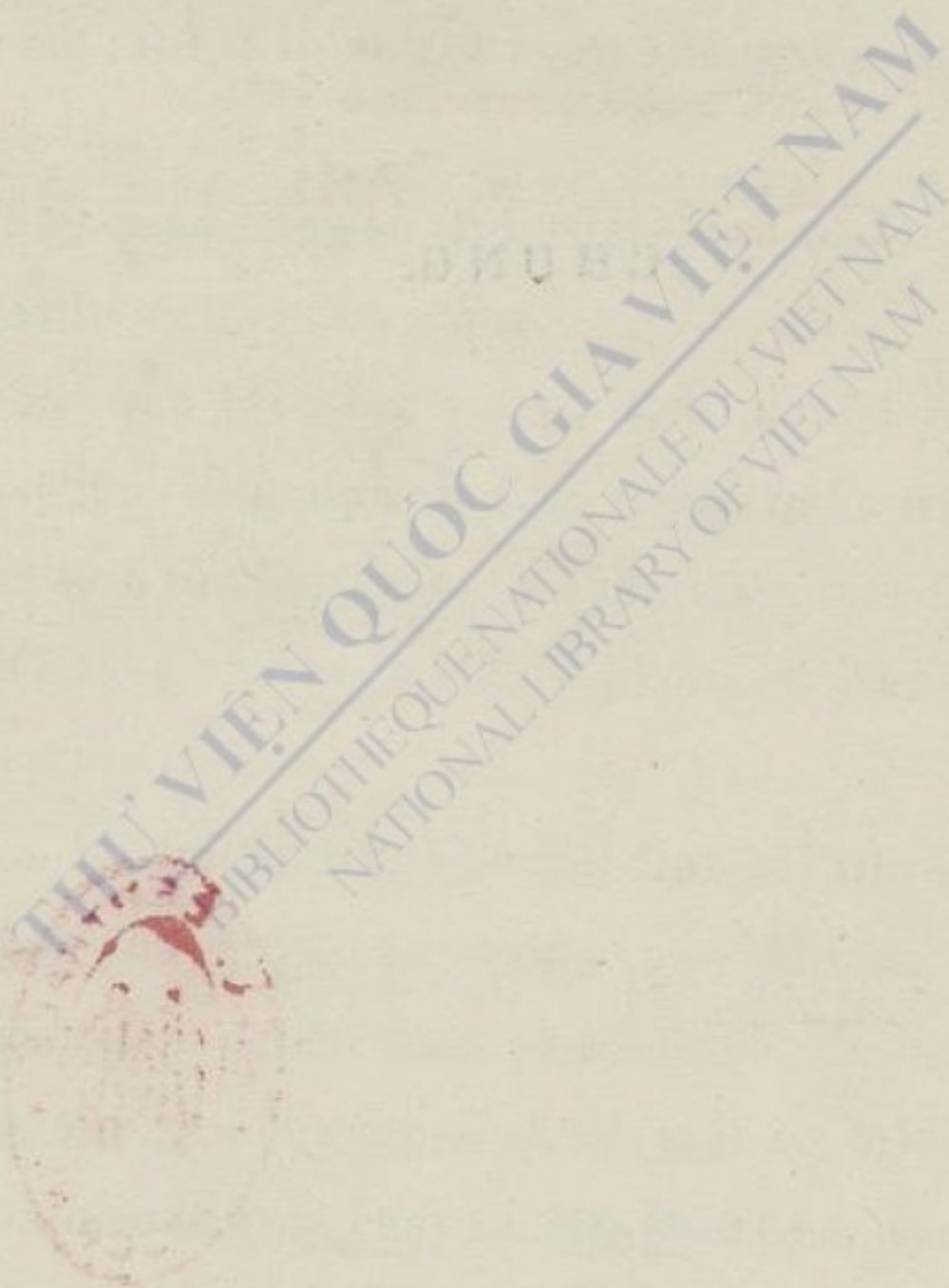
Hôm 18 Juillet nhà Phương-đình bài trí rất trọng thể, ở ngoài đảng phố cờ quạt kèn trống chực đón xa ba bốn cây, người đến quan chiêm đông như kiến cỏ.

Cách chừng một tiếng đồng hồ, một xe ô-tô quan Khâm sai ở Thanh-hoá bì bì chạy ra. Hai Đức Cha, các cố, các cụ cùng với các phẩm hàm đạo đời ở Phương-đình đi xuống chào kính quan Khâm. Ngài đề sắc vua trên án thư dọn sẵn, rồi xuống bái lạy, đoạn mở ra tuyên bố cho công chúng được hay. Ngài đọc sắc vua xong, thời cụ Côn tức là cha chính xứ Phát-

diệm bây giờ đọc một bài diễn-văn cảm ơn quan Khâm mạng
và các quí quan đã phụng mạng Đức Hoàng-thượng mà hạ cố
đến Phát-diệm để đệ tặng phong cụ cố Trần « Tước Phát-
diệm Nam. »

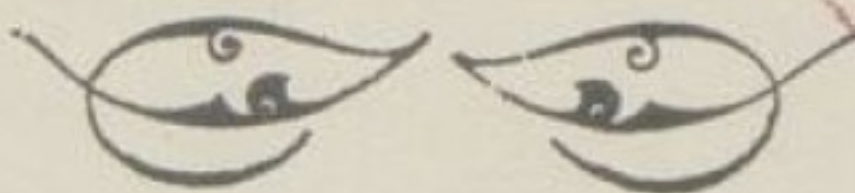
CHUNG.

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Mấy lời lược tóm.	5
Đoạn thứ nhất: Lịch sử cụ Sáu hồi còn niên thiếu.	7
Đoạn thứ hai; Phêrô vào trường Vĩnh-trị, rồi làm giáo học.	11
Đoạn thứ ba; Thầy Triêm học Lý-đoán tại Kẻ-Non.	16
Đoạn thứ bốn; Cụ Sáu xưng đạo tại Hà-nội.	23
Đoạn thứ năm: Cụ Sáu được cử làm cha chính xứ Phát-diệm.	38
Đoạn thứ sáu: Cụ Sáu phò tá chánh phủ Pháp-Nam.	49
Đoạn thứ bảy: Cụ Sáu kiến tạo Thánh-đường.	58
Đoạn thứ tám: Các quân tới thăm Cụ Sáu.	79
Đoạn thứ chín: Hai chính phủ Pháp-Nam trọng dãi Cụ Sáu.	85
Đoạn thứ mười: Cụ Sáu sốt sắng coi sóc linh hồn con chiên.	102
Đoạn thứ mười một: Cụ Sáu thọ chung	123



MỤC LỤC

Trang

5

7

11

16

23

28

40

52

79

82

102

122

Mỹ là một tôn.
Bản thứ nhất: là một cuốn sách nhỏ.
Bản thứ hai: là một cuốn sách nhỏ.

giáo học.

Bản thứ ba: là một cuốn sách nhỏ.

Bản thứ tư: là một cuốn sách nhỏ.

Bản thứ năm: là một cuốn sách nhỏ.

Phát hành.

Bản thứ sáu: là một cuốn sách nhỏ.

Bản thứ bảy: là một cuốn sách nhỏ.

Bản thứ tám: là một cuốn sách nhỏ.

Bản thứ chín: là một cuốn sách nhỏ.

Bản thứ mười: là một cuốn sách nhỏ.

Bản thứ mười một: là một cuốn sách nhỏ.

Bản thứ mười hai: là một cuốn sách nhỏ.

Bản thứ mười ba: là một cuốn sách nhỏ.

Bản thứ mười bốn: là một cuốn sách nhỏ.

Bản thứ mười lăm: là một cuốn sách nhỏ.

Bản thứ mười sáu: là một cuốn sách nhỏ.

Bản thứ mười bảy: là một cuốn sách nhỏ.

Bản thứ mười tám: là một cuốn sách nhỏ.

Bản thứ mười chín: là một cuốn sách nhỏ.

Bản thứ hai mươi: là một cuốn sách nhỏ.

Bản thứ hai mươi một: là một cuốn sách nhỏ.

Bản thứ hai mươi hai: là một cuốn sách nhỏ.

Bản thứ hai mươi ba: là một cuốn sách nhỏ.

Bản thứ hai mươi bốn: là một cuốn sách nhỏ.